

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

1 - 11 - 2020

Phật lịch 2564

TẠP CHÍ

SỐ 355

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

ISSN 2734-9128

**NHÌN THẤY
LẮNG NGHE**

ĐỂ ĐOẠN TRỪ VƯƠNG CHẤP

**GIÁO HỘI
PHẬT GIÁO VIỆT NAM**

hướng về đồng bào
miền Trung

**39 NĂM
MỘT CHẶNG ĐƯỜNG...**



Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời là sự kết tinh trí tuệ, là
nguyện vọng chân chính của Tăng Ni, cư sĩ Phật tử các tổ
chức Giáo hội, tổ chức Hội và các Hệ phái Phật giáo trong cả
nước, là chủ thể kế thừa lịch sử hàng ngàn năm của Phật giáo
Việt Nam.



Trích: Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tu chỉnh lần thứ
VI tại Đại hội Đại biểu lần thứ VIII

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH HẢI AN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Tổng Thư ký Tòa soạn
THÍCH MINH NHÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIỀN

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38484 335 - 0938305930
Email: toasoanvhp@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiaovn

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TPHCM

Phát hành và Quảng cáo
Liên hệ: 0966.752.553 (Trần Ngọc Huỳnh)

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM



Kinh Biểu

- Sương mai
02 Thư Tòa soạn
03 Hoạt động Phật sự tiêu biểu trong tháng

39 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

- 08 39 năm một chặng đường... (HT. Thích Huệ Thông)
16 GHPGVN vững vàng đường hướng Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội (Nguyễn Phúc Nguyên)
24 Vị thế của Phật giáo Việt Nam trong lòng dân tộc (TT. Thích Phước Đạt)
30 39 năm GHPGVN: Những tấm gương gắn kết Đạo và Đời (Bùi Hữu Dực)

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

- 37 GHPGVN hướng về đồng bào miền Trung (Hồ Thủy)
42 Phóng sự ảnh cứu trợ đồng bào lũ lụt miền Trung.
45 Luật tạng: Tinh hoa của Lịch sử - Văn hóa Phật giáo trong hành trình kết tập và củng cố (Hưng Trung)
51 Dấu ấn Phật giáo trong chính sách nội trị thời Lý - Trần (Sơn Thạnh)
57 Những con đường du nhập Phật giáo ở Đông Nam Á (Võ Phúc Toàn)
62 Tinh thần Từ Bi – Vô Ngã của Phật giáo song hành cùng Lịch sử - Văn hóa dân tộc Việt Nam (Minh Kim)

PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

- 70 Đôn Hoàng: Thạch động Phật tích qua nghìn năm dâu bể (Lưu Hùng)
75 Trở về một xã hội hướng thiện (Nguyễn Cẩn)
80 Chữa lành con tim (Nguyễn Bảo Trung)
84 HT. Thích Hiện Tu – Cốt cách của bậc Long tượng (Thích Thiện Châu)
88 Chùa Phổ Quang – Cát Linh: Công trình Phật giáo gắn liền với Nghìn năm Thăng Long - Hà Nội (Tuệ Minh)
91 Biển cả và Phật pháp (ĐD. Thích Trung Định)
94 Đeo khẩu trang: lối ứng xử phù hợp giữa đại dịch (Cao Huy Hóa)

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

- 98 Nhìn thấy, lắng nghe để đoạn trừ vương chấp (Nguyễn Hữu Đức)
102 Tinh thần dung hợp giữa Thiên tông và Tịnh độ (Thích Nữ Trí Tuyền)



Thư Tòa soạn

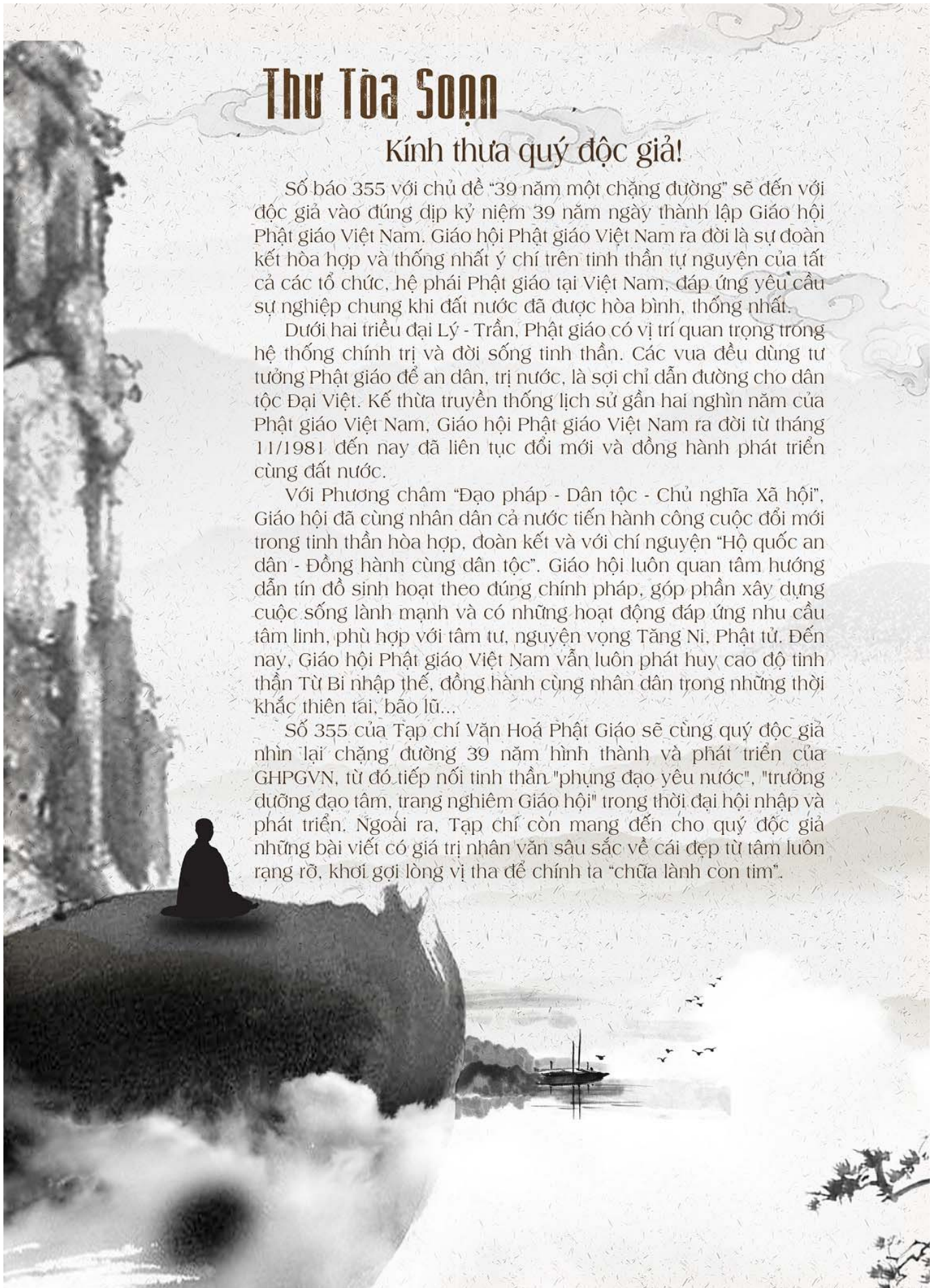
Kính thưa quý độc giả!

Số báo 355 với chủ đề “39 năm một chặng đường” sẽ đến với độc giả vào đúng dịp kỷ niệm 39 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời là sự đoàn kết hòa hợp và thống nhất ý chí trên tinh thần tự nguyện của tất cả các tổ chức, hệ phái Phật giáo tại Việt Nam, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp chung khi đất nước đã được hòa bình, thống nhất.

Dưới hai triều đại Lý - Trần, Phật giáo có vị trí quan trọng trong hệ thống chính trị và đời sống tinh thần. Các vua đều dùng tư tưởng Phật giáo để an dân, trị nước, là sợi chỉ dẫn đường cho dân tộc Đại Việt. Kế thừa truyền thống lịch sử gần hai nghìn năm của Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời từ tháng 11/1981 đến nay đã liên tục đổi mới và đồng hành phát triển cùng đất nước.

Với Phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội”, Giáo hội đã cùng nhân dân cả nước tiến hành công cuộc đổi mới trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết và với chí nguyện “Hộ quốc an dân - Đồng hành cùng dân tộc”. Giáo hội luôn quan tâm hướng dẫn tín đồ sinh hoạt theo đúng chính pháp, góp phần xây dựng cuộc sống lành mạnh và có những hoạt động đáp ứng nhu cầu tâm linh, phù hợp với tâm tư, nguyện vọng Tăng Ni, Phật tử. Đến nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam vẫn luôn phát huy cao độ tinh thần Từ Bi nhập thế, đồng hành cùng nhân dân trong những thời khắc thiên tai, bão lũ...

Số 355 của Tạp chí Văn Hoá Phật Giáo sẽ cùng quý độc giả nhìn lại chặng đường 39 năm hình thành và phát triển của GHPGVN, từ đó tiếp nối tinh thần “phụng đạo yêu nước”, “trưởng dưỡng đạo tâm, trang nghiêm Giáo hội” trong thời đại hội nhập và phát triển. Ngoài ra, Tạp chí còn mang đến cho quý độc giả những bài viết có giá trị nhân văn sâu sắc về cái đẹp từ tâm luôn rạng rỡ, khơi gợi lòng vị tha để chính ta “chữa lành cơn tim”.





HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ tiêu biểu trong tháng



Quét mã code QR để xem chi tiết



Lễ hội Ok-Om-Bok và dâng y Kathina



Cứu trợ lũ lụt
miền Trung

TẠP CHÍ

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128

THƯ TRI ÂN

Ban lãnh đạo Quỹ Thiện Tâm – Tập đoàn VinGroup

Toà soạn Tạp chí Văn Hoá Phật Giáo kính gửi lời tri ân đến Ban lãnh đạo Quỹ Thiện Tâm – Tập đoàn VinGroup. Trong thời gian qua, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được sự phát tâm hỗ trợ từ Quý đơn vị, nhất là việc ấn phẩm bán nguyệt san của Tạp chí được Quý đơn vị tạo điều kiện phát hành phục vụ quý độc giả ở hai hệ thống Vinmec và Vinpearl.

Quá trình gieo thiện duyên của Quý đơn vị đã đem lại ý nghĩa to lớn. Về phía Tạp chí, đây là bảo chứng quan trọng cho thấy sự cải thiện rõ rệt về chất lượng cả nội dung và hình thức trình bày, được xã hội đánh giá cao và tiếp nhận một cách rộng rãi. Về phía xã hội, nghĩa cử của Quý đơn vị chứng tỏ rằng các cá nhân và tổ chức ngoài xã hội đã ngày một thấu hiểu, chia sẻ và nhận chân được những giá trị nhân văn và tinh thần nhập thể phục vụ chúng sanh của Phật giáo.

Với sự hỗ trợ quý báu này, Ban Lãnh đạo Quỹ Thiện Tâm – Tập đoàn VinGroup đã góp phần chuyển tải chân lý Phật Đà cùng với nét đẹp văn hoá Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới.

Ban Biên tập mong rằng tạp chí Văn Hóa Phật Giáo sẽ luôn có mặt tại hai hệ thống Vinmec và Vinpearl trên toàn quốc để những ấn phẩm tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có cơ hội tiếp tục lan rộng và lan xa hơn nữa, góp phần mang những giá trị đẹp của văn hoá Phật giáo đến với mọi người.

“Mong sao chân lý Phật Đà Vườn hoa Phật pháp hương xa thấm nhuận”

Kính nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ cho tập thể lãnh đạo và các thành viên của Quỹ Thiện Tâm cũng như Tập đoàn Vingroup thân tâm an lạc, công việc hanh thông, gia đình hạnh phúc.

Trân trọng tri ân!

TM. Toà soạn tạp chí Văn Hoá Phật Giáo
Phó Tổng Biên Tập TT, kiêm Tổng thư ký tòa soạn

Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH MINH NHÃN



Đã Có Mặt

**TẠI HỆ THỐNG BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC
HỆ THỐNG KHU DU LỊCH VINPEARL**



VINGROUP





ZEN ART

TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT PHẬT GIÁO ZEN ART

Nghệ thuật đích thực bắt nguồn từ trái tim

Số 126 Đường 11 Phường Tam Bình - Thủ Đức - TPHCM - Điện Thoại 0909319882

CHỦ ĐỀ

39 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

LÃNH ĐẠO GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ



PHÁP CHỦ Đệ NHẤT
HÒA THƯỢNG:
THÍCH ĐỨC NHUẬN
1897 - 1985
tên thật: Đoàn Phương, nay là xóm 10,
xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định



PHÁP CHỦ Đệ HAI
HÒA THƯỢNG:
THÍCH TÂM TỊCH
1918 - 2006
pho từ biếu, thôn Yên Bái
(nay là phường Sông Đà,
thị trấn Yên Bái - tỉnh Yên Bái)



PHÁP CHỦ Đệ TAM
HÒA THƯỢNG:
THÍCH PHỔ TUỆ
Sinh năm 1917
xã Khánh Tiến, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI SỰ NHUẬN KỶ I,
TV, V, VI, VII
HÒA THƯỢNG:
THÍCH TRÍ THỦ
1909 - 1984
làng Trung Kiên, tổng Bích La,
phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI SỰ NHUẬN KỶ II, III,
IV, V, VI, VII
HÒA THƯỢNG:
THÍCH TRÍ TỊNH
1917 - 2014
làng Mỹ Lương, quận Chi Tân Thượng, tỉnh Sa Đéc
(nay là huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp)



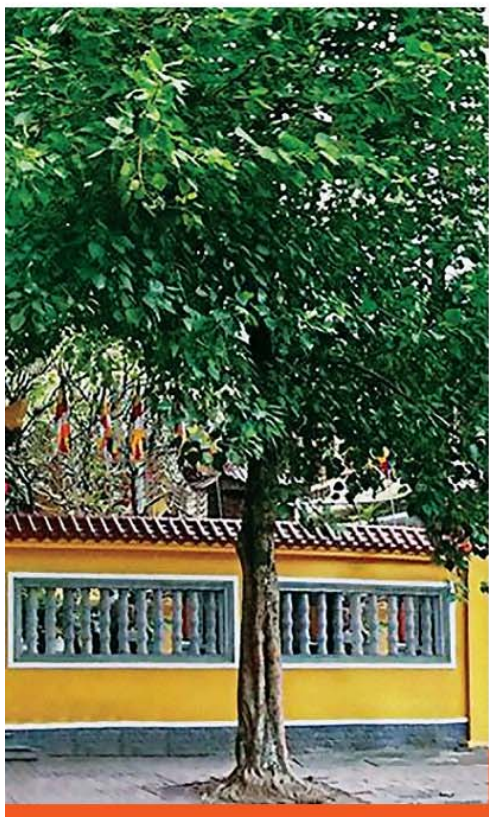
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI SỰ NHUẬN NHUẬN
HÒA THƯỢNG:
THÍCH THIỆN NHƠN
Sinh năm 1980
xã Phong Phú, huyện Cha Khe, tỉnh Trà Vinh



39 NĂM

Một chặng đường

HT Thích Huệ Thông*



Sau ngày đất nước hòa bình thống nhất, giang sơn nối liền một dải, toàn dân tộc tập trung nguồn lực vào công cuộc tái thiết đất nước, các lĩnh vực quan trọng trong đời sống cũng được Nhà nước quan tâm, trong đó có sinh hoạt tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo, một tôn giáo có quá trình đồng hành, gắn bó sắc son với dân tộc.

Nhìn lại lịch sử hình thành và phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Đề có được một ngôi nhà chung Phật giáo Việt Nam huy hoàng, xán lạn như ngày hôm nay, không thể không nói đến tinh thần đoàn kết, hòa hợp trên dưới một lòng của chư Tôn đức, cùng toàn thể Tăng, Ni, Phật tử. Bên cạnh đó là

nhờ vào lòng yêu nước nồng nàn vốn là truyền thống của Phật giáo Việt Nam, thể hiện qua tinh thần trách nhiệm cao cả đối với đạo pháp và dân tộc của chư Tôn đức các Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo trong cả nước. Đặc biệt nhất là qua 9 lần vận động, một Ban vận động thống nhất Phật giáo được thành lập với sự tham gia của 9 tổ chức Giáo hội, tổ chức hội, hệ phái, đã tận tâm làm việc không quản ngại gian nan thử thách, nhằm đáp ứng nguyện vọng thiết tha bao đời của Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam là hướng đến sự thống nhất Phật giáo Việt Nam.

Trong buổi giao thời, Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành đã ra đời nhằm kết nối các tổ chức Giáo hội và các hệ phái Phật giáo.

Ngày 07/08/1975, tại chùa Xá Lợi, một Hội nghị Phật giáo với sự tham gia của chư Tôn đức các tổ chức Giáo hội và hệ phái đã tiến hành thành lập Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM do Hòa thượng Thích Minh Nguyệt,

Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng TP.HCM làm Chủ tịch; Hòa thượng Thích Hiền Pháp Tổng Thư ký Ban liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM và Hòa thượng Bửu Ý, Viện Trưởng Viện Hoằng Đạo Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam đồng làm Phó Chủ tịch. Hòa thượng Thích Thiện Hào làm Phó Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM và chư Tôn đức trong thành phần trong Ban liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM, trụ sở ban đầu đặt tại chùa Xá Lợi, một năm sau được dời về chùa Vĩnh Nghiêm.

Gánh trên vai sứ mạng lịch sử, Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM ra đời nhằm mục đích đoàn kết rộng rãi các tổ chức Phật giáo để tiến đến một chương trình hành động thống nhất Phật giáo thành một môi duy nhất, ngoài ra do yêu cầu thực tế, Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM còn tập trung vào nhiệm vụ phát huy truyền thống yêu nước của Phật tử Việt Nam, xóa bỏ tàn tích văn hóa độc hại, góp phần hàn gắn vết



Từ phải sang: Hòa thượng Thích Thế Long; Hòa thượng Thích Trí Thủ, Hòa thượng Thích Minh Nguyệt

thương chiến tranh, phục hồi sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

Tuy nhiên nhiệm vụ tập trung và trước mắt của Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM vẫn là tạo mối liên lạc, siết chặt tình đoàn kết trong các Giáo hội Phật giáo và giữa các Giáo hội, tổ chức Hội, hệ phái với chính quyền cách mạng, từ đó đi đến những nhiệm vụ cụ thể hơn trong công tác vận động hiệp thương thống nhất Phật giáo.

Nhờ tâm huyết và nỗ lực không ngừng nghỉ, sau 5 năm hình thành và hoạt động, Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM đã làm tròn vai trò lịch sử của mình khi tạo được mối liên thông đồng cảm sâu sắc giữa chư Tôn đức các Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo trong cả nước và nhất là kết nối được những tư tưởng lớn của chư vị tôn túc có vai trò lãnh đạo cao nhất thời bấy giờ như Hòa thượng Thích Trí Thủ, Viện trưởng Viện Hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất; Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM; Hòa thượng Thích Thế Long, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam (miền Bắc). Đây được xem là 3 vị Hòa thượng giáo phẩm tôn túc đầu tiên trong số các Hòa thượng đại diện các hệ phái đặt nền móng cho công cuộc thống nhất Phật giáo cả nước, bên cạnh đó phải kể đến quý Hòa thượng Thích Trí Độ, Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Hòa thượng Thích Thiện Hào, Hòa thượng Thích Bửu Ý... cũng chính nhờ vậy mà trong hai ngày 12 và 13 tháng 02 năm 1980, đã diễn ra một



cuộc họp mặt lịch sử của Phật giáo Việt Nam tính từ sau ngày miền Nam giải phóng đến thời điểm đó.

Quá trình thành lập Ban Vận động

Vào ngày 12 và 13/02/1980, chư Tôn đức giáo phẩm lãnh đạo các tổ chức hệ phái Phật giáo trong cả nước đã có cuộc gặp gỡ tại TP.HCM, hiện diện trong cuộc gặp lịch sử này có các vị cao tăng như Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Quyền Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam; Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thư ký Viện Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất; Hòa thượng Thích Trí Thủ, Viện trưởng Viện Hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất; Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM; Hòa thượng Thích Thế Long, Phó Hội trưởng kiêm Tổng Thư ký Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam; Hòa thượng Thích Giác Tấn, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Thành viên Hội đồng Giáo phẩm Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất; Hòa thượng Thích Thiện Hào, Phó

Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM; Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Phó Viện trưởng Viện Hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất; Hòa thượng Thích Bửu Ý, Viện trưởng Viện Hoằng đạo Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam; Hòa thượng Thích Giới Nghiêm, Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam; Thượng tọa Thích Minh Châu, Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh; Thượng tọa Thích Từ Hạnh, Tổng Thư ký Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM; Thượng tọa Thích Thanh Tứ, Chánh Văn phòng Trung ương Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam; Thượng tọa Thích Giác Toàn, Thường trực Trung ương Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam; Ni sư Huỳnh Liên, Ni trưởng Ni giới Khất sĩ Việt Nam; Kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiện, Cư sĩ Võ Đình Cường và Cư sĩ Tổng Hồ Cẩm.

Phiên họp có sự tham dự của ông Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng; ông Trần Bạch Đằng, Phó Trưởng ban Dân vận Mặt trận Trung ương và ông

Phạm Quang Hiệu, Ban Tôn giáo Chính phủ.

Trong cuộc trao đổi, ông Nguyễn Văn Linh đã dành phần lớn thời gian để trình bày về quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Phật giáo và nói về nhiệm vụ của Phật giáo đối với dân tộc. Ông nói: “Lịch sử giao phó cho Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo dân tộc, với sứ mạng đó, chúng tôi tin tưởng sâu sắc rằng các vị lãnh đạo Phật giáo Việt Nam và đồng bào Phật tử sẽ phát huy truyền thống yêu nước của mình, tiếp tục đi theo con đường cách mạng, để góp phần vào sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội”.

Ban Vận động được thành lập gồm các giáo phẩm chức sắc như: Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Trưởng ban; Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Mật Hiền, Hòa thượng Thích Bửu Ý, Hòa thượng Thích Giới Nghiêm, Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, Hòa thượng Thích Thế Long đồng Phó Trưởng ban; Hòa thượng Thích Thiện Hào là Ủy viên Thường trực; Thượng tọa Thích Minh Châu làm Chánh Thư ký, Thượng tọa Thích Từ Hạnh và Thích Thanh Từ đồng Phó Thư ký; cùng với các Ủy viên như: Hòa thượng Thích Giác Tấnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Đạt Hào, Hòa thượng Châu Mum, Thượng tọa Thích Thanh Trí, Thượng tọa Thích Chánh Trực, Thượng tọa Thích Giác Toàn, Ni sư Huỳnh Liên, Cư sĩ Nguyễn Văn Chế, Cư sĩ Võ Đình Cường và Cư sĩ Tống Hồ Cầm. Văn phòng Ban Vận động được đặt tại chùa Quán Sứ - Hà Nội, Chùa Xá Lợi - TP.HCM.

Các hoạt động của Ban Vận động sau khi ra đời

Sau khi được chính thức thành lập, Ban Vận động đã ra mắt tại chùa Quán Sứ (Hà Nội) vào ngày 09/4/1980, ở TP. Hồ Chí Minh vào ngày 15/5/1980 và ở Huế ngày 23-24/5/1980.

Sau khi lễ ra mắt thành công tốt đẹp, trung tuần tháng 8 năm 1980, Ban Vận động đã có cuộc mạn đàm với 140 đại biểu nhân sĩ, trí thức, Phật tử thuộc nhiều giáo phái tại chùa Vĩnh Nghiêm (TP. Hồ Chí Minh) do Hòa thượng Thích Trí Thủ chủ trì. Nội dung cuộc gặp xoay quanh vấn đề thống nhất Phật giáo Việt Nam, ghi nhận những tâm tư nguyện vọng của các tầng lớp, các hệ phái đa số khi họ nói lên những suy nghĩ chân tình trước tình hình thống nhất Phật giáo, cùng những băn khoăn như chương trình tu học của Tăng Ni, tính biệt truyền của hệ phái; vấn đề hệ thống và cơ cấu tổ chức của Phật giáo Việt Nam sau khi thống nhất, vấn đề quản lý chùa chiền, quản lý Tăng, Ni...

Từ ngày 15 đến 24/03/1981, Ban Vận động lần lượt đến thăm và tiếp xúc 9 hệ phái gồm: Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam, Hội Phật học Nam Việt, Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Giáo hội Tăng-già Nguyên thủy Việt Nam, Thiên Thai Giáo Quán tông; Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM; Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam và Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước miền Tây Nam Bộ. Các cuộc tiếp xúc đã diễn ra trong bầu không khí cởi mở, chân tình và thẳng thắn. Tâm tư nguyện vọng mọi người đều nhìn về một hướng chung, đó là thống nhất Phật giáo Việt Nam, xem đó là lựa chọn duy nhất và phù hợp nhất trong bối cảnh nước

nhà thống nhất. Những ưu tư thứ yếu sẽ được đồng nhất hoặc coi bỏ cho phù hợp với tình hình chung và trên tinh thần thống nhất ý chí.

Được sự quan tâm hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, nhất là sự tích cực làm việc không ngừng nghỉ của chư Tôn đức trong Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam, tâm huyết và sự nỗ lực của chư Tôn đức trong 9 Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo đương thời, đã dẫn đến một sự kiện quan trọng, đó là Hội nghị thống nhất Phật giáo toàn quốc được tổ chức trọng thể tại chùa Quán Sứ - (Hà Nội) từ ngày 04 đến ngày 07/11/1981.

Hội nghị thống nhất Phật giáo toàn quốc

Hội nghị thống nhất Phật giáo toàn quốc mở ra trang sử mới của Phật giáo nước nhà khi tất cả Tăng Ni, tín đồ đều hội tụ dưới một mái nhà của tinh thần đoàn kết, hòa hợp. Đại hội đã quy tụ 165 đại biểu của 9 tổ chức Giáo hội, hệ phái Phật giáo trong cả nước, gồm có:

1. Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam.
2. Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất.
3. Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam.
4. Ban liên lạc Phật giáo yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam.
6. Giáo hội Thiên Thai giáo quán tông.
7. Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam.
8. Hội đoàn kết sư sãi yêu nước miền Tây Nam Bộ.
9. Hội Phật học Nam Việt.



Ảnh: Võ Văn Tường

Trong diễn văn khai mạc, Hòa thượng Thích Trí Thủ - Trưởng ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam, nêu lên ý nghĩa và tầm quan trọng của Đại hội: “Hôm nay, lần đầu tiên trong lịch sử 2000 năm Phật giáo Việt Nam, chúng ta có được một Đại hội gồm đủ đại biểu của các tổ chức, Giáo hội, hệ phái Phật giáo trong cả nước... Với sức mạnh đoàn kết đó, chúng ta tin chắc rằng sứ mệnh phụng sự đạo pháp và dân tộc, công cuộc đóng góp cho Hòa bình thế giới và hạnh phúc nhân loại sẽ được nhiều hiệu quả hơn”.

Ý thức sâu sắc về trách nhiệm đối với vận mệnh và tiền đồ của Phật giáo Việt Nam và với Tổ quốc, toàn thể 165 đại biểu thành tâm đem hết trí tuệ đóng góp cho đại hội. Đại hội đã diễn tiến hài hòa trong tinh thần đồng đạo và đạt được thành quả lớn lao:

- Thông qua bản Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam với nội dung đoàn kết và thống nhất thực sự, thể hiện tinh thần dân chủ, vô ngã, vị tha và lục hòa của Phật giáo.

- Suy tôn Hội đồng Chứng minh và suy cử Hội đồng Trị sự Trung ương.
- Thảo luận và biểu quyết thông qua bản Đại cương chương trình hoạt động của Giáo hội.

Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam nêu rõ: “Lý tưởng giác ngộ chân lý hòa hợp chúng, hòa bình và công bằng xã hội của giáo lý Đức Phật, nhằm phục vụ dân tộc, Tổ quốc và nhân loại chúng sinh là lập trường và mục đích của Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức Phật giáo duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam về mọi mặt quan hệ ở trong nước và ngoài nước; Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và Luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Đại hội đã cung nghinh suy tôn Hội đồng Chứng minh có 50 vị Hòa thượng tiêu biểu của các tổ chức Giáo hội và Hệ phái, cung thỉnh Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận làm Pháp chủ Giáo hội Phật

giáo Việt Nam, Hòa thượng Thích Đôn Hậu làm Phó Pháp chủ kiêm Giám luật; cùng quý Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, Hòa thượng Thích Ân Lâm, Hòa thượng Maha Saray, Hòa thượng Thích Mật Hiền, Hòa thượng Thích Huệ Thành đồng làm Phó Pháp chủ và Hòa thượng Thích Nguyên Sinh làm Chánh Thư ký. Đại hội suy cử Hội đồng Trị sự GHPGVN có 49 vị Hòa thượng, Thượng toạ, Đại đức, Cư sĩ tiêu biểu của các Giáo hội và hệ phái, trong đó Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm có: Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Chủ tịch; cùng với 9 vị Phó Chủ tịch; trong đó nhị vị Hòa thượng Thích Thế Long và Hòa thượng Thích Trí Tịnh làm Phó Chủ tịch Thường trực; Hòa thượng Thích Thiện Hào; Hòa thượng Thích Thanh Chân, Hòa thượng Thích Bửu Ý, Hòa thượng Thích Giới Nghiêm, Hòa thượng Thích Giác Nhu, Hòa thượng Thích Châu Mum đồng là Phó Chủ tịch; và Hòa thượng Thích Minh Châu là Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Thượng toạ Thích Thanh Tứ Phó tổng Thư ký, chánh Văn phòng 1; Thượng toạ Thích Từ Hạnh Phó tổng Thư ký, Chánh Văn phòng 2. Trong cơ chế tổ chức Giáo hội có hai văn phòng đặt ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Về cơ cấu tổ chức, Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong Nhiệm kỳ I (1981-1987) có các ban và chuyên ngành cụ thể như sau:

Ban Tăng sự Trung ương, Ban Giáo dục Tăng Ni, Ban Hướng dẫn Nam nữ cư sĩ, Phật tử, Ban

Hoàng pháp, Ban Nghi lễ, Ban Văn hóa.

Ngoài ra, còn có tiểu ban Tài Chính, Thủ quỹ, Kiểm soát. Kể từ ngày bộ máy Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, đứng đầu là Hội đồng Trị sự Giáo hội, đã hướng đến mục tiêu xác lập việc thống nhất quản lý và điều hành Phật sự trên phạm vi toàn quốc. Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam trở thành kim chỉ nam lèo lái con thuyền Giáo hội vượt qua mọi khó khăn, giúp Phật giáo Việt Nam thành tựu mỹ mãn và không ngừng đem lại lợi lạc cho mọi người.

Trong buổi tiếp đại biểu Đại hội tại Phủ Chủ tịch, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng và đức Trưởng lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Pháp chủ Hội đồng Chứng minh đã thống nhất về ba nguyên vọng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam:

- 1/ Phật giáo Việt Nam được thống nhất.
- 2/ Phật tử được tự do tín ngưỡng, dễ dàng xuất gia học đạo.
- 3/ Được mở mang trường Đại học Phật giáo ở 3 thành phố lớn: Hà Nội, Huế và TP. Hồ Chí Minh. Các tỉnh thành được mở lớp gia giáo và Phật học viện để đào tạo Tăng tài.

Từ khi thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam đến nay, Giáo hội được diu dắt ba vị Đức Pháp chủ: Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận (Đệ nhất Pháp chủ: 1981-1993), Đại lão Hòa thượng Thích Tâm Tịnh (Đệ nhị Pháp chủ: 1997-2005), Đại lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ (Đệ tam Pháp chủ: 2007-nay). Ngoài ra, Giáo hội còn nhận được sự lãnh đạo điều



Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tiếp phái đoàn Ban Thường trực HĐCM, HĐTS GHPGVN tại Trụ sở Trung ương Đảng năm 2017. Ảnh: Võ Văn Tường

hành Phật sự của ba vị Chủ tịch Hội đồng Trị sự: Hòa Thượng Thích Trí Thủ (1981-1984), Hòa Thượng Thích Trí Tịnh (1984-2014), Hòa Thượng Thích Thiện Nhơn (2014-nay).

Sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã trở thành sự kiện lịch sử trọng đại của Phật giáo nước ta, đã thể hiện trọn vẹn sứ mệnh thống nhất các tổ chức hệ phái Phật giáo trong cả nước, đánh dấu bước khởi đầu công cuộc phát triển Giáo hội trong thời kỳ cả nước hòa bình và thống nhất. Sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã hình thành tiếng nói chung của tất cả các tổ chức Giáo hội, tổ chức hội thuộc ba hệ phái lớn Bắc tông, Nam tông và Khất sĩ của Phật giáo Việt Nam, đó là “Đoàn kết hòa hợp, trường dưỡng đạo tâm, trang nghiêm Giáo hội” và “Phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật”.

Sự thống nhất 9 tổ chức hệ phái Phật giáo Việt Nam không chỉ xóa đi khoảng cách giữa các hệ phái Phật giáo tại Việt Nam mà còn gắn kết chặt chẽ các hệ phái Phật giáo

thành một khối thống nhất đoàn kết hòa hợp, tạo sự liên thông Phật giáo giữa các vùng miền.

Đồng thời, Giáo hội Phật giáo Việt Nam với phương châm, định hướng: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, giúp cho Phật giáo đồ Việt Nam ý thức trách nhiệm cao cả của mình đối với vận mệnh đất nước trên bước đường đồng hành cùng dân tộc, định hướng và tạo điều kiện thuận lợi cho Tăng Ni, Phật tử đóng góp công sức trí tuệ cho sự hưng thịnh của đạo pháp và sự trường tồn của dân tộc.

Nhân kỷ niệm 39 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, xin ghi nhận một số giới hạn của các cuộc thống nhất của Phật giáo Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử, qua đó nêu lên sự thành công một cách trọn vẹn trong công cuộc thống nhất Phật giáo Việt Nam vào năm 1981:

Công cuộc thống nhất trọn vẹn, mỹ mãn nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam

Công cuộc thống nhất Phật giáo vào năm 1981 diễn ra trong bối



Các đại biểu chụp hình lưu niệm với Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ II, nhiệm kỳ 1987-1992. Ảnh: Võ Văn Tường

cảnh đất nước thống nhất, nên Phật giáo có điều kiện tập hợp đầy đủ các tổ chức hệ phái, đây là lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo, cụm từ “Phật giáo thống nhất một cách trọn vẹn” trở nên đúng nghĩa, vì Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tập hợp đầy đủ các tổ chức Giáo hội, tổ chức hội cả ba hệ phái Bắc tông, Nam tông, Khất sĩ, mà trước đây, thời nhà Trần, Phật giáo chỉ thống nhất trong nội bộ thiền phái Trúc Lâm; còn trong năm 1951, Tổng hội Phật giáo Việt Nam chỉ thống nhất trong nội bộ hệ phái Bắc tông và chỉ có 6 tập đoàn Tăng già và Cư sĩ; còn đối với các cuộc thống nhất khác do hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, như việc thành lập Hội Phật giáo Thống Nhất Việt Nam vào năm 1958 hay Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất vào năm 1964, chỉ diễn ra trong phạm vi ở miền Nam và miền Bắc, chứ không thể nói là thống nhất Phật giáo trong cả nước, hơn nữa còn nhiều tổ chức Giáo hội lúc bấy giờ không tham gia.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập trong điều kiện đất nước hòa bình, kinh tế xã hội phát triển, tình hình an ninh chính trị ổn định, lại được Nhà nước quan tâm hỗ trợ nên Giáo hội Phật giáo Việt



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thực hiện nghi thức tắm Phật trong Đại lễ Vesak 2019 tại Hà Nam. Ảnh: Đăng Huy

Nam có nhiều điều kiện để phát triển trên nhiều phương diện (tổ chức điều hành) và nhiều lĩnh vực (Tăng sự, giáo dục, hoằng pháp, nghi lễ, văn hóa, Quốc tế, từ thiện xã hội...). Trong khi đó, Phật giáo thời nhà Trần, dù tình hình đất nước thái bình thịnh trị, dù được các vua Trần và triều đình hết lòng ủng hộ, nhưng do bối cảnh xã hội thời phong kiến, lại thêm Giáo hội Trúc Lâm chỉ đóng khung trong nội bộ thiền phái Trúc Lâm, nên không mở rộng tầm hoạt động trên nhiều phương diện như Phật giáo thời nay; còn so với công cuộc thống nhất Phật giáo năm

1951, do bối cảnh xã hội lúc bấy giờ đang trong thời kỳ chiến tranh, chư Tăng và cơ quan Giáo hội bị phân tán thành hai vùng tạm chiếm và vùng giải phóng, do yếu tố không tập trung, cộng thêm tình hình kinh tế văn hóa xã hội thời bấy giờ còn nhiều khó khăn giới hạn, nên không có nhiều điều kiện phát triển như Phật giáo thời nay.

Nhìn lại lịch sử hình thành và phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong suốt 39 năm qua, đây là giai đoạn Giáo hội Phật giáo Việt Nam vô cùng ổn định, ngày càng đi vào chiều sâu của sự phát triển bền



Đại biểu quốc tế tham dự Đại lễ Vesak 2019 đến từ 120 quốc gia và vùng lãnh thổ chụp ảnh lưu niệm tại chùa Tam Chúc, tỉnh Hà Nam. Ảnh: Đặng Huy

vững. Chính sự thống nhất trọn vẹn này đã tạo nên sức mạnh nội lực vô biên cho Phật giáo Việt Nam, mang lại những thành quả to lớn và là nền tảng vững chắc để Giáo hội Phật giáo Việt Nam hướng đến những mục tiêu cao cả, đáp ứng yêu cầu phát triển Giáo hội thời hội nhập, theo chủ đề: “Trí tuệ, Kỳ cương, Hội nhập và Phát triển”.

Ngày nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã không ngừng nỗ lực mạnh mẽ về tổ chức và hoạt động, góp phần động viên quần chúng tín đồ Phật giáo thực hiện những giá trị đạo đức, bảo vệ và giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam. Với truyền thống yêu nước, gắn bó và đồng hành cùng dân tộc, Phật giáo Việt Nam đã tạo điều kiện để Tăng Ni, Phật tử trong nước và ngoài nước hiểu rõ đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; vận động quần chúng tín đồ tích cực tham gia vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những đóng góp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã nâng cao vị thế của mình trong

nước cũng như trên trường quốc tế, được Phật giáo các nước đánh giá cao; thành quả của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là sự kết tinh, chất lọc những nỗ lực và tâm huyết của hai ngàn năm Phật giáo đồng hành cùng dân tộc... Với tinh thần nhập thế tích cực, ngày nay trên rất nhiều lĩnh vực hoạt động xã hội, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang động viên, khuyến khích Tăng Ni, Phật tử tham gia, đặc biệt là việc xã hội hóa công tác giáo dục, y tế và từ thiện xã hội cũng như nhiều hoạt động xã hội khác.

Trong những năm gần đây, trước xu thế hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra nhanh chóng, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đăng cai và tổ chức thành công nhiều sự kiện Phật giáo quốc tế quan trọng như ba kỳ Đại lễ Phật đản Vesak Liên hợp quốc trong năm 2008, 2014, 2019 và tổ chức cũng như tham gia nhiều hội nghị và sự kiện mang tầm quốc tế, góp phần quảng bá về đất nước Việt Nam, con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam yêu

chuộng hòa bình, sẵn sàng làm bạn với tất cả các quốc gia trên thế giới, đập tan những âm mưu lợi dụng Phật giáo để gây chia rẽ, mất đoàn kết, phá hoại sự nghiệp xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa và thành quả cách mạng của nhân dân ta.

39 năm một chặng đường lịch sử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đem lại nhiều thành quả đáng trân trọng trong nhiều lĩnh vực. Lịch sử cũng đã cho chúng ta xác tín rằng, dưới ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tinh thần “Lục hòa vô ngã” với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, thì người con Phật trên đất nước Việt Nam thân yêu sẽ cùng nhau xây dựng ngôi nhà chung đó ngày càng hưng thịnh và điều đó đã chứng minh một cách thuyết phục với những gì mà Phật giáo Việt Nam đã gặt hái và đóng góp cho Đạo pháp và Dân tộc trong suốt 39 năm qua.

* Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng 2 Trung Ương GHPGVN.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

VỮNG VÀNG ĐƯỜNG HƯỚNG ĐẠO PHÁP - DÂN TỘC - CHỦ NGHĨA XÃ HỘI



Nguyễn Phúc Nguyên*

Phật giáo đồng hành cùng lịch sử dân tộc

Năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) được thành lập, thể hiện ý chí và nguyện vọng của Tăng Ni, Phật tử cả nước về một ngôi nhà chung. Trải qua 39 năm hoạt động, GHPGVN đã thể hiện rõ vai trò, vị trí của Phật giáo và dân tộc với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” và thực hiện những việc làm thiết thực ích đạo, lợi đời, khẳng định mối quan hệ gắn bó không thể tách rời giữa đạo pháp và dân tộc.

Ngay từ khi Phật giáo được truyền bá đến Việt Nam, với tinh thần “*Phật pháp tại thế gian bất ly thế gian pháp*”, Phật giáo đã không xung đột với văn hóa truyền thống mà cùng phát triển với lịch sử dân tộc. Những ứng xử trong gia đình và xã hội trở nên tương đồng với các quy chuẩn của Phật giáo. Phật giáo nói đến tứ trọng ân gồm: ân Tổ quốc, ân đồng bào, ân cha mẹ, ân thầy cô đều là những yếu tố gắn gũi với truyền thống văn hóa của người Việt. Những yếu tố đó cũng thật

gắn với *tam cương, ngũ thường* của Nho giáo. Nhiều ngôi chùa có phối thờ các anh hùng dân tộc, những người có công với nước là một mẫu hình văn hóa đặc trưng của Phật giáo nước ta.

Lần giờ những trang sử hào hùng của dân tộc, tinh thần nhập thế của đạo Phật đã thúc đẩy các vị cao tăng cùng quan quân và nhân dân đứng lên chống ách ngoại xâm. Thời Đinh Tiên Hoàng có thiền sư Ngô Chân Lưu được phong làm Quốc sư, thời Tiền Lê có thiền



sư Đỗ Pháp Thuận và đặc biệt là thiền sư Vạn Hạnh có công tạo dựng nhà Lý, giúp Lý Công Uẩn đăng quang. Khi lên ngôi, vua Lý Thái Tổ đã điều hành đất nước bằng tinh thần từ bi và hướng thiện của Phật giáo, giáo hóa dân chúng bằng những chính sách hết sức nhân văn và bác ái.

Đời Trần có các thiền sư Đa Bảo, Viên Thông, Tuệ Trung Thượng Sĩ và đặc biệt là Phật hoàng Trần Nhân Tông đã làm rạng danh Phật giáo và dân tộc bằng cách

hài hòa cả hai vai trò, vị vua đạo và vua đời. Sự dung hòa một cách tài tình giữa Phật giáo và dân tộc trong cuộc dựng nước và giữ nước đã trở thành tư tưởng chủ đạo, góp phần gìn giữ nền tự chủ của đất nước.

Đến thời cận đại, lịch sử dân tộc cũng ghi nhận những đóng góp của Phật giáo vào công cuộc đấu tranh và bảo vệ Tổ quốc trong những năm tháng chống lại ách đô hộ của thực dân và đế quốc. Phát huy tinh thần nhập thế tích

cực của Phật giáo, nhiều nhà sư đã “cởi áo cà sa khoác chiến bào” cùng quân dân cả nước tham gia kháng chiến. Nhiều ngôi chùa đã được ghi nhận là cơ sở cách mạng nuôi giấu cán bộ. Nhiều vị Tăng Ni đã hy sinh vì độc lập dân tộc.

Hình ảnh Hòa thượng Thích Thế Long, chùa Cổ Lễ (Nam Định) gia nhập vào đoàn quân đánh giặc để bảo vệ quê hương trở thành hình tượng không phai trong ký ức của tín đồ Phật giáo Việt Nam. Sau chiến tranh, Hòa thượng lại

trở về chùa xưa tiếp tục cuộc đời tu hành của một nhà sư. Hay như Hòa thượng liệt sỹ Hữu Nhem (Cà Mau) trong kháng chiến chống Mỹ giữ chức Phó Chủ tịch Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam. Đặc biệt là hành động “vị pháp thiêu thân” của Hòa thượng Thích Quảng Đức tại Sài Gòn ngày 11/6/1963 để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo. Ngọn lửa bất diệt của Bồ tát Thích Quảng Đức đã làm rạng danh cho những người con Phật ở Việt Nam. Ngoài ra còn biết bao nhà sư thâm lặng góp sức vào thành công của dân tộc làm dày thêm lịch sử hào hùng của dân tộc.

Kiên định đường hướng “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”

Đến khi đất nước được thống nhất, thể hiện ý chí và nguyện vọng của đồng bào Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, ngày 07/11/1981, GHPGVN được thành lập, đánh dấu một trang sử mới trong lịch sử Phật giáo nước nhà. Đường hướng hành đạo mà GHPGVN đưa ra ngay từ những ngày đầu thành lập là Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội ngày càng thể hiện tính đúng đắn và hiệu quả. Đường hướng hành đạo đó kế thừa mạng mạch Phật pháp nghìn năm trên đất nước ta và tạo nên bản sắc riêng, rất Việt Nam của Phật giáo nước ta.

Sự đúng đắn của đường hướng hành đạo “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” của GHPGVN được thể hiện rõ nét trong báo cáo tổng kết nhiệm kỳ I: “GHPGVN vào những năm đầu mới thành lập, đi từ tình hình nền Phật giáo vốn bị phân chia tổ chức,



hệ phái và ngăn cách cục bộ địa phương, tiến đến thực hiện thống nhất toàn diện, thống nhất cả nước trên nguyên tắc thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức, không sao tránh khỏi những nổi niềm trần trối, day dứt trong nội bộ hàng giáo phẩm lãnh đạo các tổ chức, hệ phái. Trong tình hình và hoàn cảnh ấy, phương châm hành đạo Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội hiện ra như ngọn đèn soi

đường dẫn dắt Giáo hội đi từng bước vững chắc để có sự trưởng thành như ngày nay”².

Thực tế đã chứng minh, đường hướng hành đạo đó không mâu thuẫn với triết lý nhà Phật đề ra. Đạo Phật chủ trương đem lại hòa bình và hạnh phúc cho chúng sinh thì mục đích của chủ nghĩa xã hội cũng là đem lại hòa bình, tự do và hạnh phúc cho toàn thể nhân loại. Bởi vậy, trong bài phát biểu của mình nhân dịp đoàn đại



biểu GHPGVN đến chào thăm xã giao, Cố Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã nói: “Trong quá khứ, Phật giáo Việt Nam đã gắn bó chặt chẽ với dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Lịch sử Việt Nam đã xác nhận Phật giáo Việt Nam là một tôn giáo từ bản chất, bản sắc, từ trong thực tiễn hoạt động của mình, biểu hiện truyền thống yêu nước, gắn bó chặt chẽ với dân tộc, với Tổ quốc. Trong sự nghiệp

Cách mạng cao cả của dân tộc ngày nay, Phật giáo Việt Nam đã góp phần xứng đáng. Đối với Việt Nam, nói đến tôn giáo là người ta nghĩ ngay đến đạo Phật, đến những việc làm quý báu, đẹp đẽ của đông đảo Tăng Ni, Phật tử. Đạo Phật ở Việt Nam đã mang màu sắc của dân tộc Việt Nam rõ nét. Có thể nói rằng, Phật giáo Việt Nam đã góp phần làm sáng ngời lý tưởng của dân tộc và trưởng thành cùng dân tộc”³.

Cố Hòa thượng Thích Nguyên Sinh, đại diện Hội Phật giáo Việt Nam thống nhất khẳng định: “Kinh nghiệm thực tế cho thấy rằng đạo Phật không xa lạ với chủ nghĩa xã hội như một số người lầm tưởng và mặc cảm lúc ban đầu. Đạo Phật là đạo của giác ngộ và lý trí, phản đối mọi hình thức cuồng tín và mê tín, đề cao chính tín thì không có gì đối lập với chủ nghĩa xã hội. Đạo Phật chủ trương mọi người phải chịu trách nhiệm về mọi hành động của bản thân mình, đề cao nếp sống hoạt động, lành mạnh, tích cực, làm mọi điều thiện, tránh mọi điều ác, phản đối lý luận suông. Điều đó phù hợp với chủ nghĩa xã hội”⁴.

Từ khi thành lập đến nay, GHPGVN đã thực sự khiến Phật giáo nước nhà chuyển mình tích cực. Năng lực điều hành và dẫn dắt tín đồ của Tăng Ni được minh chứng bằng những con số ấn tượng cả về chất và lượng, cơ sở thờ tự được trùng tu, tôn tạo, bộ máy tổ chức có nhiều thay đổi và hoạt động ngày càng hiệu quả⁵. Phật giáo còn là lực lượng tiên phong trong nhiều hoạt động xã hội như y tế, giáo dục, từ thiện, từ đô thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến vùng sâu vùng xa, kể cả hải đảo, mang lại lợi ích cho đạo, cho đời.

Những thành tựu rực rỡ

Trước những yêu cầu mới của thời đại, Giáo hội từng bước có những đổi mới phù hợp.

Giáo hội tạo điều kiện để Tăng Ni được tu học nâng cao trình độ học vấn bằng việc mở rộng các loại hình đào tạo Phật học. Hiện nay, trên toàn quốc có 4 Học viện Phật giáo ở Hà Nội, Huế, Thành



phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ. Ngoài ra còn có 36 trường Trung cao Phật học. Đó là chưa kể các lớp sơ cấp Phật học mở tại chùa. Chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ Phật học cũng được triển khai. Giáo hội còn gửi Tăng Ni đào tạo nâng cao ở các quốc gia có trường Phật học quốc tế⁶. Đây sẽ là nguồn nhân lực kế thừa có trình độ Phật học và thế học tốt, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Giáo hội trong thời gian tới.

Khẳng định Phật giáo luôn song hành cùng sự trường tồn của dân tộc, GHPGVN đã có những bước đi mở rộng mặt trận đoàn kết, chống lại những âm mưu, thủ đoạn phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết tôn giáo của các thế lực thù địch. Trong những năm gần đây, trước xu thế hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra nhanh chóng, GHPGVN đã đăng cai và tổ chức thành công nhiều sự kiện Phật giáo quốc tế quan trọng như Đại lễ Phật đản Vesak Liên Hợp Quốc vào các năm 2008, 2014 và 2019; Hội

nghị Nữ giới Phật giáo thế giới năm 2009, đồng thời cử nhiều đoàn đại diện Phật giáo tham dự các diễn đàn Phật giáo quốc tế, tổ chức các đoàn Phật giáo đến với người Việt ở nước ngoài... để tranh thủ sự ủng hộ của giới Phật giáo chân chính trên toàn thế giới, góp phần tuyên truyền về đất nước, con người và Phật giáo Việt Nam yêu chuộng hòa bình, sẵn sàng làm bạn với tất cả các quốc gia trên thế giới, đập tan những âm mưu lợi dụng Phật giáo để gây chia rẽ, mất đoàn kết, phá hoại sự nghiệp xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa và thành quả cách mạng của nhân dân ta.

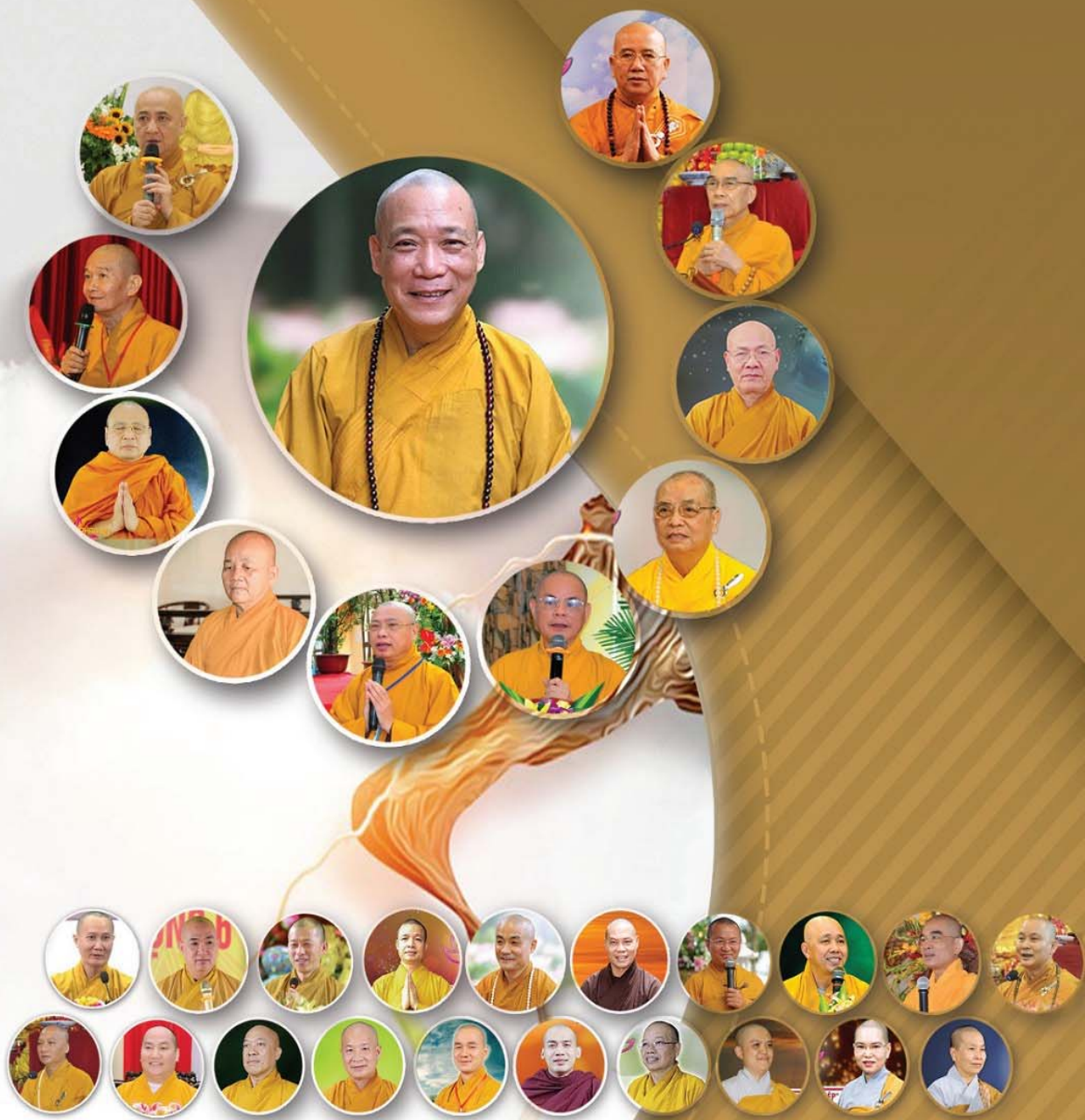
Đáp lại những nỗ lực đó, Hòa thượng, GS.TS Brahmaphundit - Chủ tịch Ủy ban Tổ chức Quốc tế Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc khẳng định tại Lễ Bế mạc Đại lễ Vesak 2019 “*Vesak lần này đã thật sự thành công lớn, chúng tôi đã có một khoảng thời gian rất tuyệt vời bên nhau nhờ vào lòng mến khách và sự rộng lượng của Chính phủ Việt Nam, GHPGVN*

và nhân dân Việt Nam. Chúng tôi sẽ trở về nhà nhưng chúng tôi không trở về tay không mà chúng tôi mang theo rất nhiều những giá trị mà chúng tôi đã học hỏi được từ nhau, mang theo những tình bạn mới, những cam kết mới để xây dựng xã hội bền vững cùng nhau... góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc”⁷.

Nhìn lại chặng đường 39 năm GHPGVN thực hiện phương châm hành đạo “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, chúng ta có thể tin tưởng rằng GHPGVN sẽ tiếp tục có những bước tiến vượt bậc, xây dựng Giáo hội vững mạnh, xứng đáng là tổ chức đại diện cho Phật giáo Việt Nam trong và ngoài nước, tiếp tục có những việc làm ích đạo, lợi đời, thể hiện truyền thống gần bó, đồng hành cùng dân tộc suốt hàng nghìn năm qua của Phật giáo Việt Nam.

Chú thích:

- *1. Vụ trưởng Vụ Phật giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ.
2. Kỳ yếu Đại hội kỳ II, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trang 20.
3. Kỳ yếu Hội nghị Đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam, trang 4.
4. Kỳ yếu Hội nghị Đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam, trang 18.
5. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến năm 2019, GHPGVN có trên 53.000 Tăng Ni, hơn 18.000 cơ sở thờ tự và 14 triệu tín đồ. GHPGVN cấp tỉnh có 63 tổ chức và GHPGVN cấp huyện có trên 400 tổ chức.
6. Theo thống kê, hiện nay có khoảng 1000 Tăng Ni sinh của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang theo học tại các quốc gia có trường đào tạo Phật học.
7. Phát biểu của Hòa thượng, GS.TS Brahmaphundit - Chủ tịch Ủy ban Tổ chức Quốc tế Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc tại Lễ Bế mạc Đại lễ Vesak Liên Hợp quốc năm 2019 tại Hà Nam, Việt Nam.



Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp

HOÀNG PHÁP
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoàng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết Pháp
của ban Hoàng Pháp Trung ương GHPGVN"

THƯỚC ĐONG



Tĩnh Bình

Khung trời ửng nắng
Ngày nhẹ mây hồng
Phong sương đầu ngõ
Tĩnh nhỏ chớm đông

Ban mai nội cỏ
Gió lạnh cảm cảm
Chăn ấm ngủ vùi
Giấc nồng tuyết trắng

Còn vương hơi gió
Gợn chút thu phai
Nhớ bến giang đầu
Trăng buồn sóng nước

Thu tàn đêm trước
Tiếp bước đông sang
Heo may lữ làng
Chiều không se sắc

Lối về giảng mải
Một tiếng chuông vang
Một thoáng lá vàng
Bên thềm nhạt nắng...



Kính gửi:

Lời tri ân Đại đức Thích Thiện Xuân - Phó Thư ký kiêm Chánh văn phòng Ban Hướng dẫn Phật tử T.Ư, Ủy viên Thường trực Ban Hoằng pháp T.Ư GHPGVN, Trụ trì tu viện Linh Thú, huyện Củ Chi, TP. HCM.

Đại đức đã hoan hỷ phát tâm cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) hùn phước in tạp chí số 355, để gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, Đại đức đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới. Ban Biên tập mong rằng trong thời gian tới, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo sẽ tiếp tục nhận được sự đóng góp của chư Tôn đức Tăng, Ni và quý thiện hữu tri thức để những ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có cơ hội tiếp tục lan xa hơn nữa, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

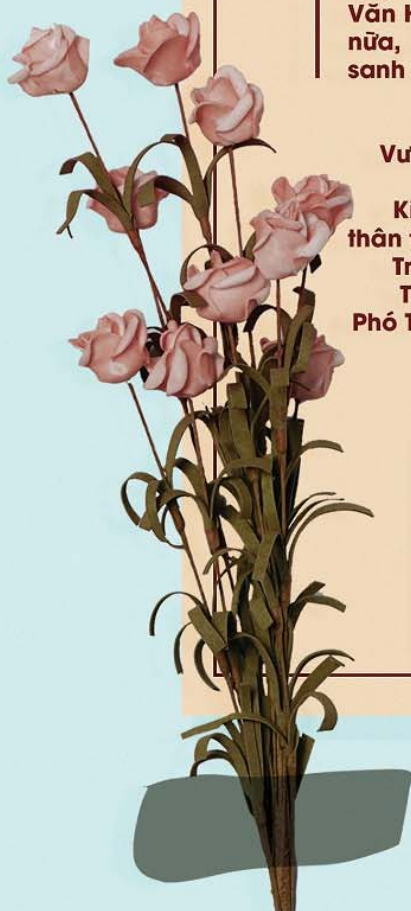
"Mong sao chân lý Phật đà
Vườn hoa Phật pháp hương xa thấm nhuần"

Kính nguyện hồng ân Tam bảo gia Đại đức thân tâm an lạc, Phật sự viên thành.

Trân trọng!

TM. Tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Phó Tổng Biên Tập TT, kiêm Tổng Thư ký Tòa soạn

Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Nhẫn





VỊ THẾ CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG LÒNG DÂN TỘC

TT Thích Phước Đạt*

Ngay từ buổi đầu, Phật giáo du nhập vào nước ta bằng con đường hoà bình nên đã có sự gắn bó và hoà nhập với dân tộc trong suốt tiến trình lịch sử của dân tộc. Mặt khác, cốt tuỷ tinh thần của đạo Phật là dân chủ, rộng mở, từ bi và hỷ xả nên nhanh chóng được tiếp nhận và ăn sâu vào trong tâm thức cộng đồng người Việt vốn là cư dân nông nghiệp hiền hoà chất phác. Phật giáo được xác định như là một thực thể văn hóa tinh thần, góp phần tạo ra sức mạnh kết đoàn của cả dân tộc, đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp dựng nước,

giữ nước và mở nước. Hay nói khác Phật giáo Việt Nam từ xưa đến nay bao giờ cũng tự xác lập vị thế và vai trò của mình trong lòng dân tộc Việt Nam.

Phật giáo với lịch sử dân tộc

Cụ thể, Phật giáo được xác định như là con đường thể nhập “*mà ra ngoài xã hội có thể cứu dân giúp nước, còn ở nhà thì có thể thờ phụng mẹ cha và lúc ở một mình có thể dùng để hoàn thiện bản thân*”[1]. Như thế, Phật giáo từ thuở ban đầu đã nghiêm nhiên trở thành một tôn giáo có tầm ảnh hưởng lớn đối với một dân tộc.

Đây là một tôn giáo có nếp sống đạo không chỉ giáo dục tự thân đối với từng cá nhân, gia đình, xã hội mà còn có thể xem như là một hệ tư tưởng giúp tổ tiên chúng ta chống lại sự đồng hóa xâm lược phương Bắc, bảo vệ độc lập, tự chủ.

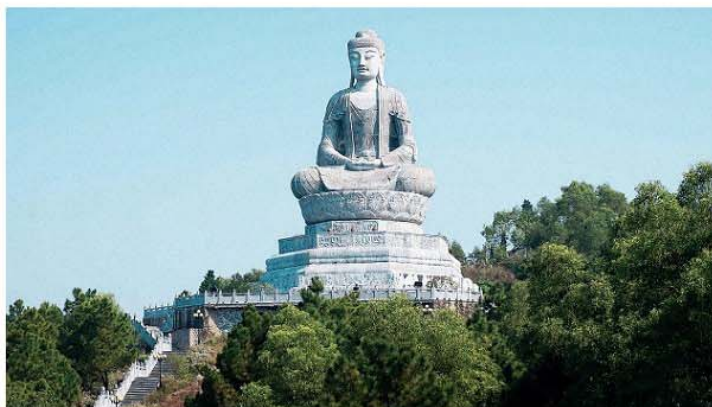
Xuất phát từ nhận thức như thế, từ thời Phật giáo mới du nhập, đến khi nước nhà chuyển sang thời kỳ độc lập tự chủ, tiếp nối thời đại hôm nay, đất nước đã thống nhất, hội nhập toàn cầu, Phật giáo Việt Nam, bao giờ cũng đặt mình trong sự tồn vong và phát triển chung của dân tộc. Điều đó

có nghĩa, đời sống sinh hoạt Phật giáo người Việt luôn song hành với đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục của đất nước.

Thực tế, dân tộc Việt đã mất gần nghìn năm đầu tranh chống lại sự đồng hóa phương Bắc và Phật giáo hần nhiên cũng trực tiếp tham gia đồng hành cùng cả dân tộc để bảo vệ sự tồn vong chính mình. Đến khi nước nhà độc lập, ý thức tự chủ của dân tộc càng được phát huy cao độ thì Phật giáo càng có điều kiện phát triển và ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng.

Bước vào thời kỳ tự chủ, Tăng lữ Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong việc ổn định triều chính, hưng khởi nền học vấn của Đại Việt vì chư Tăng Ni là những viên ngọc tri thức sáng ngời trong bối cảnh bấy giờ. Do đó, Phật giáo thời này không chỉ bó hẹp trong khuôn viên nhà chùa, lo truyền đạo, chăm sóc phần hồn cho con người mà còn đóng góp nhiều công sức trong công cuộc kiến thiết đất nước. Có thể nói, Phật giáo đến thời nhà Lý, nhà Trần đã được “bản địa hóa” sâu sắc, gắn bó chặt chẽ với triều đình và nhân dân, trở thành một lực lượng xã hội góp phần củng cố nền tự chủ của đất nước. Cụ thể Phật giáo thời Lý - Trần đã định hình cho một nền văn hóa Phật giáo Lý - Trần. Và hệ quả tất yếu là Phật giáo Trúc Lâm ra đời sau khi hợp nhất ba Thiền phái: Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường để tạo nên một Phật giáo Nhất tông vào đời Trần.

Đến thời nhà Lê và nhà Nguyễn, tiếp nối truyền thống Phật giáo Lý - Trần, các thiền sư Phật giáo dòng Trúc Lâm đã hóa thân vào



Ảnh: Tượng đức Phật A-di-đà tại chùa Phật tích, bắc Ninh

dòng Lâm Tế, Tào Động kinh qua bao biến động thời cuộc, đặc biệt là hành trình mở đất phương Nam. Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ này với tinh thần hộ quốc an dân đã thực thi nhiệm vụ kiến tạo một thế giới an bình trong ý niệm mỗi người dân là một vị Phật sẽ thành để chung tay xây dựng kiến tạo Phật quốc ngay giữa cõi đời.

Đến thời kỳ hiện đại, khi đất nước đối diện hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, các thiền sư đã cởi áo cà sa, khoác chiến bào tham gia kháng chiến với tinh thần yêu nước cao độ. Chính tinh thần yêu nước là yêu đạo mà Phật tử từ trong chốn thiền

môn u tịch, cho đến thị thành đô hội, ai ai cũng đem hết tấm lòng mình ra để phụng sự đất nước, phụng sự đạo pháp. Kết quả đất nước Việt Nam thống nhất - hòa bình vào năm 1975, các tổ chức Phật giáo bao gồm 13 hệ phái theo đó cũng thống nhất.

Lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo thời hiện đại, một **Giáo hội Phật giáo Việt Nam** ra đời vào 1981, đại diện cho Phật giáo Việt Nam duy nhất, điều hành mọi Phật sự từ trung ương cho đến địa phương. Từ đó đến nay, trải qua 39 năm hình thành phát triển của Giáo hội, Phật giáo Việt Nam càng có điều kiện thuận lợi để thể hiện tinh thần đồng hành cùng dân tộc trong tiến trình hội nhập và phát triển đất nước, hướng đến mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” là mục tiêu, đích đến của Việt Nam hôm nay.

Chính tinh thần đồng hành cùng với dân tộc mà mối quan hệ giữa Phật giáo và Nhà nước qua các thời kỳ bao giờ cũng có sự gắn kết keo sơn. Sự thật này đã được quy định rõ từ thời Mâu Tử về



Quốc sư Vạn Hạnh (~937-1018)



Tượng đài Thích Quảng Đức tại quận 3 TPHCM

chức năng và nhiệm vụ của Phật giáo thông qua sự phát biểu về con đường Phật giáo như đã nói trên. Các nhà lãnh đạo Phật giáo sau này đã kế thừa và vận dụng tinh thần này một cách triệt để nên không bao giờ có sự tranh chấp quyền lực giữa Phật giáo và triều đình. Tinh thần vô trụ, vô ngã đã cung cấp cho người Phật tử một cái nhìn duyên sinh, duyên diệt trong tiến trình vận hành bao la của vũ trụ, kể cả cuộc đời con người. Đây chính là cơ sở, động lực mà Phật giáo Việt Nam làm nên các kỳ tích, thúc đẩy sự phát triển đất nước. Do đó, sự thiết lập giáo quyền trong đạo Phật là không bao giờ xảy ra trong lịch

sử Việt Nam.

Nhìn lại lịch sử, chư Tăng Ni Phật tử đóng góp cho sự nghiệp dựng nước, giữ nước, mở cõi không bao giờ đòi hỏi điều gì cho bản thân. Chính điều này đã vun đắp niềm tin của triều đình và lãnh đạo đất nước đối với Phật giáo. Điều này càng khẳng định chủ trương của Phật giáo trước sau như một là đặt sự tồn vong của chính mình trong sự tồn vong của dân tộc. Từ đây, con người có một cái nhìn bao dung độ lượng với con người xung quanh và thế giới hiện hữu, nhất là ý thức sự cần thiết của niềm tin, của ý niệm hòa bình, đoàn kết và thân ái cùng nhau xây dựng một

đời sống hạnh phúc thật sự.

Từ một tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam với cơ cấu tổ chức Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự và 6 ban ngành chuyên môn Trung ương, trải qua 39 năm hoạt động, ngày nay Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh và thể nhập vào đời sống thực tiễn trên mọi lĩnh vực. Trụ sở Trung ương Giáo hội với 2 Văn phòng, đã kết nối với 13 Ban, Ngành, Viện Trung ương và Văn phòng Trị sự của 63 tỉnh thành các cấp Giáo hội để điều hành Phật sự. Nói như thế, để minh chứng cho sự phát triển mạnh mẽ về phương diện quản

trị hành chánh của Giáo hội lớn mạnh đến chừng nào.

Có thể khẳng định Giáo hội Phật giáo Việt Nam là một tổ chức duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam trong nước và nước ngoài để đối thoại với Phật giáo các nước thân hữu trên thế giới. Trong vòng 39 năm, chư Tôn đức lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tham dự và đóng góp cho các diễn đàn Liên hợp quốc vì mục tiêu hòa bình của nhân loại, cũng như các tổ chức Phật giáo quốc tế thân hữu.

Quan trọng hơn nữa, Giáo hội Phật giáo Việt Nam còn được tổ chức Liên hợp quốc trao quyền đăng cai tổ chức Vesak **vào năm 2008, 2014, 2019**, đặc biệt Vesak **năm 2019** có đến 112 quốc gia và vùng lãnh thổ là quý vị đại biểu khách quý, lãnh đạo các Giáo hội và Tổ chức Phật giáo trên thế giới, các học giả lỗi lạc và hàng vạn Phật tử Việt Nam tham dự đại lễ tại chùa Tam Chúc. Rõ ràng vị thế Phật giáo Việt Nam hôm nay không chỉ trong lòng dân tộc Việt Nam mà còn có thể đứng và tầm vóc trên thế giới trong xu hướng hội nhập toàn cầu.

Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, hình ảnh Giáo hội Phật giáo Việt Nam càng có đủ điều kiện lan tỏa khắp mọi nơi trên hành tinh này nhờ nền Quản trị hành chính tiên tiến với sự trợ giúp của trí tuệ nhân tạo. Vì thế, vị thế và vai trò của Phật giáo Việt Nam càng vươn xa hơn nữa, xứng đáng là thực thể trung tâm của kết nối khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam với các đồng bào dân tộc khác hiện hữu trên trái đất này.

Giáo dục và văn hóa Phật giáo



Lễ tốt nghiệp Học viện PGVN tại TPHCM năm 2019

Trên phương diện giáo dục, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã phát huy nền giáo dục Phật giáo truyền thống mà cha ông đã xây dựng và phát triển xa xưa, không chỉ đóng góp cho đạo pháp mà cho cả đất nước trong sự nghiệp trồng người. Trong thời Phật giáo mới du nhập, Phật giáo Việt Nam đã đảm đương sứ mệnh giáo dục tự thân khi nhà chùa chính là nhà trường, nhà sư chính là nhà giáo. Khi nước nhà độc lập, vào năm

1076, vua Lý Thánh Tông - một Phật tử đặc pháp với thiên phái Thảo Đường, đã đứng ra xây dựng Quốc Tử Giám. Đây được ví như trường đại học đầu tiên trong lịch sử nước nhà. Quyết định này khẳng định sự lớn mạnh giáo dục Đại Việt, trong đó nhân tố quan trọng là Phật giáo đã sẵn sàng “hội nhập” mọi trào lưu tư tưởng bấy giờ kể cả Nho giáo.

Ngày nay, Giáo hội Phật giáo



Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội



Đại lễ Vesak LHQ 2019 tại chùa Tam Chúc, Hà Nam

Việt Nam đã đóng góp cho nền giáo dục quốc dân với sự ra đời 4 Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, tại Huế, tại TP. Hồ Chí Minh và Cần Thơ. Các Học viện Phật giáo đều có chương trình đào tạo Cử nhân Phật học, Thạc sĩ và Tiến sĩ Phật học. Ngoài ra còn có 9 cơ sở đào tạo Cao đẳng Phật học, 36 Trường Cao - Trung Cấp Phật học, trên 30 cơ sở đào tạo Sơ cấp Phật học khắp cả nước, 2 cơ sở giáo dục đào tạo chương trình Giảng sư Cao cấp và Trung cấp ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Các diễn đàn trao đổi học thuật Phật giáo không chỉ Phật giáo Việt Nam đứng ra tổ chức tại nước nhà mà còn đề cử các Học giả, thiền

sư tham dự ở các nước Phật giáo thân hữu.

Có thể nói, chỉ trong 39 năm dưới sự lãnh đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, ngành Giáo dục Phật giáo phát triển rực rỡ và có sự thành tựu nhảy vọt vượt bậc bằng cả mấy thập kỷ, đã cung cấp nguồn nhân lực dồi dào cho Giáo hội để phụng sự Đạo pháp và đóng góp cho công cuộc xây dựng quốc gia Việt Nam hưng thịnh, dân giàu nước mạnh, xã hội yên bình.

Về phương diện văn hóa, trong vòng 39 năm, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã chung tay cùng với

mọi người dân kiến thiết quốc gia, bảo lưu văn hóa nước nhà thông qua chương trình hành động cụ thể mà giới Phật giáo khuyến khích làm là: “*Xây chùa, dựng tượng, đúc chuông, Trong ba việc ấy thập phương nên làm*”. Xây chùa là xây dựng tâm thức đời sống người dân Việt Nam sống theo nếp sống đạo. Chùa là cơ sở sinh hoạt văn hóa, giáo dục, đạo đức, tín ngưỡng cộng đồng để giải quyết các yêu cầu nhỏ nhất của mỗi người, và cả việc quốc gia đại sự. Chùa chiến được xây dựng để góp phần phát triển đất nước, bởi vì nội lực cộng sinh cả dân tộc đều hình thành và lớn mạnh xuất phát từ trong đời sống sinh hoạt và tu

tập ở các ngôi chùa. Dựng tượng là dựng lại hình ảnh ông Phật ở trong lòng phải được hóa hiện qua việc tu thân sửa tánh, hiểu thảo mẹ cha và đóng góp cho nước nhà mà Mâu Tử từng nói. Đúc chuông là đúc kết quá trình thực nghiệm tâm linh trong đời sống vốn biến động không ngừng để tỉnh thức mà hành xử cho đúng đạo lý làm người.

Nhờ bao nỗ lực xây dựng và gìn giữ, hệ thống chùa chiền được trùng tu, xây dựng mới từ trung tâm thành thị đến biên cương hải đảo, vùng sâu vùng xa, bảo tồn nhiều giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Tất cả minh chứng văn hóa Phật giáo đã góp phần bảo lưu mọi giá trị văn hóa nước nhà và tạo ra bản sắc văn hóa Việt trong xu hướng toàn cầu hóa. Phật giáo Việt Nam đã từng bước hoàn thiện Bộ Đại tạng kinh Việt Nam và hình thành hệ thống Văn học Phật giáo Việt Nam được trước tác, biên soạn và phiên dịch một cách khoa học. Trên nguyên lý tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, được vận dụng cụ thể hóa, ngành Văn hóa Phật giáo Việt Nam đã hướng đến việc xây dựng nền văn hóa dân tộc chủ lưu, trong đó yếu tố văn hóa Phật giáo Việt Nam là nhân tố quan yếu trong quá trình hội nhập trước vận hội mới của nước nhà.

Sự hợp nhất, thống nhất ý chí và hành động của tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đã góp phần tạo ra hợp nhất tư tưởng dân tộc trong công cuộc kiến tạo đất nước với những yêu cầu và nhiệm vụ mới. Và lần nữa, Phật giáo Việt Nam luôn luôn năng động tùy duyên, tùy thời để đề ra những chương trình hoạt động cụ thể trước những vận hội mới,



Đại lễ Vesak LHQ 2019 - Biểu diễn nghệ thuật tại Đại lộ di sản văn hóa các quốc gia tại chùa Tam Chúc, Hà Nam

những cơ hội và thách thức mới mà những biến động xã hội, thời cuộc đưa lại. Tinh thần đoàn kết toàn dân, thương người như thể thương thân, và từ bi hỷ xả được hòa quyện trong mỗi người Phật tử đã thể hiện rõ rệt trong khi thiên tai, dịch bệnh xảy ra, đều mang dấu ấn quan điểm Phật giáo qua hình ảnh các nhà sư, Phật tử tham gia hưởng ứng công tác từ thiện, xây nhà tình thương, nuôi trẻ cơ nhỡ, ủng hộ người nghèo trên khắp mọi nẻo đường. Điều này càng cho ta thấy vị trí của Phật giáo Việt Nam luôn nằm trong khối óc và con tim người dân Việt Nam hôm nay.

Tóm lại, đất nước ta đang trên đà phát triển và hội nhập vào nền kinh tế thị trường thế giới. Đời sống sinh hoạt của Phật giáo cũng nằm bối cảnh theo xu hướng toàn cầu hóa mà vận hành. Hướng chỉ thuộc tính của Phật giáo là duyên khởi tính, vì thế Phật giáo cũng

năng động uyển chuyển trong quá trình hội nhập trên mọi phương diện. Vấn đề là trong quá trình hội nhập, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức và vận hành mọi hoạt động Phật sự vẫn giữ sắc thái riêng của Phật giáo và của dân tộc, nhưng đồng thời cũng mang những tính chung của cộng đồng quốc tế, nhân loại. Đó là vị thế, thể đứng, vai trò của Phật giáo Việt hôm nay và cả mai sau mãi mãi phát huy và thành tựu vững chắc.

Chú thích:

[1] Lê Mạnh Thát, *Nghiên cứu Mâu Tử*, tập 2, Tu thư Vạn Hạnh, Sài Gòn, 1982, tr.511.

* TT.TS Thích Phước Đạt - Ủy viên HĐTS, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương GHPGVN.

39 năm Giáo hội Phật giáo Việt Nam:

NHỮNG TẤM GƯƠNG GẮN KẾT

Đạo và Đời

— Bùi Hữu Dược*



Những ký ức đầu tiên...

Tôi có duyên được gắn bó với Giáo hội Phật giáo Việt Nam trên hai mươi năm khi đảm nhiệm công tác tại Vụ Phật giáo thuộc Ban tôn giáo của Chính phủ.

Đại hội thống nhất Phật giáo toàn quốc diễn ra từ 4-7/11/1981 tại Thủ đô Hà Nội, với 165 đại biểu của 9 tổ chức, hệ phái Phật giáo sinh hoạt

ở 26 tỉnh thành phố, cùng nhau thống nhất lập tổ chức Phật giáo chung với tên gọi Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN). Phiên họp Hội đồng Trị sự lần thứ nhất vào ngày 8/11/1981 tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội, nội dung số 1 trong Nghị quyết đã ghi: “*Đề trình Hội đồng bộ trưởng Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và thành phần nhân sự ban lãnh đạo Trung ương Giáo hội, xin xét duyệt và công nhận để Giáo hội được phép hoạt động*”.

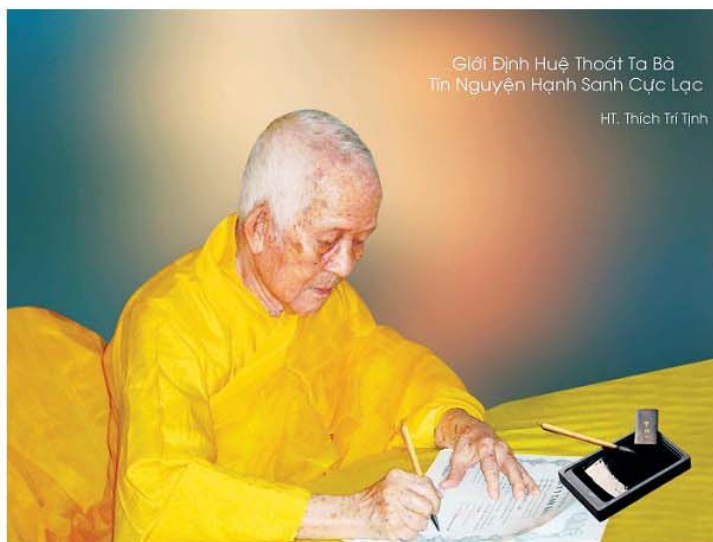
Khi tôi về vụ Phật giáo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thành lập trên 15 năm, hoạt động qua 04 kỳ Đại hội. GHPGVN đã phát triển và lớn mạnh với nhiều hoạt động thiết thực qua các phong trào thi đua yêu nước, góp phần xóa đói giảm nghèo, vận động Tăng Ni, Phật tử tích cực tham gia công cuộc xây dựng đất nước. Từ Đại hội GHPGVN nhiệm kỳ IV về sau, công tác tôn giáo nói chung và công tác Phật giáo nói riêng có thêm nhiều những chuyển biến tích cực từ nhận thức xã hội và thực hiện các hoạt động nhập thế của tôn giáo. Nhiều tôn giáo lần lượt được Pháp luật công nhận hoạt động hợp pháp, có đường hướng hành đạo gắn hoạt động tôn giáo theo mục tiêu “*lợi đạo, ích đời*”.

Từ năm 1981, phương châm hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là “*Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*” đã trở thành tấm gương nhập thế về tôn giáo góp phần xây dựng xã hội. Công tác tôn giáo trong các cơ quan

nhà nước có nhiều tiến bộ, thu được nhiều kết quả tốt và để lại những bài học kinh nghiệm trong vận động đồng bào có đạo phát huy giá trị tích cực của tôn giáo, đóng góp vào công cuộc bảo vệ, xây dựng phát triển đất nước.

Năm 1981, GHPGVN ra đời đánh dấu một bước phát triển mới của Phật giáo Việt Nam, không chỉ thể hiện sự đoàn kết Phật giáo trong hiện tại mà đã hiện thực hóa

pháp”, GHPGVN đã động viên Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước, thể hiện tinh thần Phật giáo yêu nước, phát huy những giá trị tích cực của Phật giáo góp phần xây dựng đất nước để “*tốt đời đẹp đạo*”. Tôi còn lưu giữ nhiều kỷ niệm về những bậc tu hành hết lòng vì đạo pháp và dân tộc lúc bấy giờ. Trong khuôn khổ bài viết, tôi xin ghi lại cũng là lời bày tỏ sự tri ân đến các bậc tiền bối cao tăng, điển hình như:



Giới Định Huệ Thoát Ta Bà
Tin Nguyễn Hạnh Sanh Cực Lạc
HT. Thích Trí Tịnh

tâm nguyện của các bậc cao tăng tiền bối từ xa xưa. Sau ngày thống nhất, đất nước ngồn ngộn với nhiều vấn đề hệ lụy, GHPGVN ra đời đã góp một phần quan trọng trong “*đoàn kết nhân tâm, cùng chung sức chung lòng xây dựng cuộc sống mới, vì hạnh phúc của mỗi người*”.

Ngay sau khi thành lập, với phương châm nhập thế của Phật giáo “*Phật pháp bất ly thế gian*

- Hòa thượng Thích Trí Tịnh (1917-2014), cây thạch trụ giữ vững rường mối, đoàn kết trong Phật giáo với vai trò Đề nghị Chủ tịch, Hội đồng Trị sự, đề nghị Phó Pháp chủ kiêm Giám luật Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam (từ năm 1984 đến 2014). Về thân thế, từ năm 1966, tại Đại hội kỳ II Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất (GHPGVNTN), được suy cử cương vị Chánh Thư ký

Viện Tăng Thống. Năm 1973 tại Đại hội GHPGVNTN Trung ương kỳ 4, được tấn phong Hòa thượng và được suy cử đảm nhiệm cương vị Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN. Năm 1984, Hòa thượng được suy cử làm Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đối với đạo Phật, Hòa thượng là bậc chân tu khả kính, người đã dày công biên dịch nhiều bộ kinh sách có giá trị.

Phật giáo Việt Nam sau năm 1998 có những lúc thăng trầm do các thế lực bên ngoài lợi dụng tôn giáo để chống phá ổn định chính trị và kéo lùi phát triển mọi mặt của Việt Nam nhằm làm giảm uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Trước thực tế đó, Hòa Thượng Thích Trí Tịnh khẳng định Phật giáo phải đoàn kết, mỗi Tăng Ni, Phật tử chân chính phải tỏ rõ tinh thần lục hòa của Phật giáo, GHPGVN là một khối thống nhất về tư tưởng và hành động vì mục đích chung “*Tốt đời đẹp đạo*”.

Thái độ rõ ràng và kiên định của Hòa thượng Thích Trí Tịnh đã củng cố niềm tin cho Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước. Quan điểm và thái độ của Hòa thượng là cơ sở cho căn cứ đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc về tự do đối với Phật giáo ở Việt Nam. Đóng góp của Hòa thượng Thích Trí Tịnh có ý nghĩa rất lớn vào đấu tranh thực hiện đại đoàn kết và chống lợi dụng tôn giáo lúc bấy giờ. Trong suốt thời gian tại vị, Hòa thượng là người có đức độ và trí tuệ mà tất cả Tăng Ni, Phật tử đều kính trọng. Mỗi công việc liên quan tới lợi ích dân tộc Hòa thượng đều quan tâm chỉ đạo GHPGVN thực hiện, Hòa thượng vẫn nói: “*Đạo sinh ra là vì đời,*

bốn phận của đạo là nhập thế để đời được thái bình, nhân dân được an lạc”.

Kiên định con đường hoằng dương chánh pháp

Sự kiên định của Hòa thượng Thích Trí Tịnh đã trở thành sự kiên định của GHPGVN trên con đường hoằng dương chánh pháp lợi lạc quần sanh, GHPGVN dưới sự điều hành của các bậc Cao tăng thạch trụ, trong đó Hòa thượng Thích Trí Tịnh đóng vai trò quan trọng, từng bước vượt qua những thử thách để GHPGVN không chỉ phát triển trong nước mà còn phát triển ra cả nước ngoài, góp phần vào cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước phát triển. Hiện nay GHPGVN 63/63 tỉnh thành phố có tổ chức Phật giáo, 22 quốc gia có 22 Hội Phật tử Việt Nam ở nước ngoài. Thành tựu đó có công đức rất lớn của Hòa thượng Thích Trí Tịnh. Với công lao mà Đại lão Hòa thượng đã đóng góp cho “*Đạo Pháp và Dân tộc*”, Hòa thượng Thích Trí Tịnh đã được Nhà nước Việt Nam và nhiều tổ chức tặng thưởng các danh hiệu cao quý.

- Hòa thượng Thích Thanh Tứ (1927-2011) là nhà giáo dục, là cầu nối đoàn kết Phật giáo và là người kiến tạo nhiều công trình Phật sự quan trọng trong giai đoạn 1998 đến khi viên tịch. Trước khi xuất gia năm 1955, Ngài tham gia kháng chiến chống Pháp. Năm 1974-1980, Ngài là Ủy viên Ban trị sự kiêm Chánh Văn phòng Trung ương Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, trụ sở tại chùa Quán sứ Hà Nội. Năm 1979-1980 trong Ban vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam. Năm 1981, Hội nghị

Thống nhất Phật giáo Việt Nam thành lập GHPGVN, Ngài được suy cử làm Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng I Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Năm 1997, Hòa thượng là Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN. Năm 2001, Ngài là Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam kiêm Viện Trưởng Học viện PGVN tại Hà Nội.

Hòa Thượng Thích Thanh Tứ có rất nhiều đóng góp cho GHPGVN và đất nước theo phương châm hoạt động của GHPGVN “*Đạo pháp - dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*”. Trong cương vị lãnh đạo Phật giáo ở phía Bắc, là Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Phó tổng biên tập Tạp chí Nghiên cứu Phật học, Hòa thượng luôn nhắc nhở các nhà sư và thiện tri thức phải thực hiện hạnh từ bi, đức lục hòa, tập trung viết những bài về đoàn kết tôn giáo, đoàn kết Phật giáo để chung tay xây dựng GHPGVN vững mạnh, góp phần xây dựng đất nước. Trong quan hệ với đồng đạo Hòa thượng luôn kính trọng, học hỏi, gần gũi các bậc cao tăng, thiện tri thức,...

Để khẳng định tự do tôn giáo thông qua phát triển các cơ sở thờ tự, với vai trò là người đại diện của GHPGVN, Hòa thượng Thích Thanh Tứ đã ủng hộ xây dựng chùa Bái Đính ở Ninh Bình. Đây chính là tiền đề để Việt Nam có cơ sở Phật giáo lớn, tổ chức Đại lễ Vesak trong ba kỳ vào các năm 2008, 2014 và 2019 thành công rực rỡ.

Hòa thượng Thích Thanh Tứ là người rất quan tâm tới đào tạo Tăng tài trong Phật giáo. Học viện



Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội được xây dựng khang trang, có công đức rất lớn của Hòa thượng trong việc đi tìm đất, xây dựng. Từ năm 2006 đến nay, học viện đã có cơ sở mới với diện tích trên 10 ha tại Sóc Sơn, Hà Nội với đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ Tăng Ni sinh tu học nội trú. Đồng thời học viện cũng miễn phí chi phí ăn, ở và 90% chi phí đào tạo của Tăng Ni sinh trong suốt thời gian tu học. Các Phật học viện từ Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Cần Thơ cũng lần lượt được mở rộng, xây dựng ngày một khang trang. Những việc làm và chỉ đạo của Hòa thượng Thích Thanh Từ cùng với Tăng Ni, Phật tử đã góp phần tích cực vào

nâng cao vị thế, vai trò của GHPGVN trong thực hiện công cuộc “*Dựng đạo vững để tạo đời đẹp*”. Nhờ những việc làm thiết thực đó, đã góp phần tích cực vào tiến bộ trong thực hiện chính sách tự do tôn giáo ở Việt Nam. Những năm 2008, 2014, 2019, thế giới Phật giáo đã về Việt Nam dự Đại lễ Vesak mỗi kỳ một đông hơn. Công đức lớn với Phật giáo và đất nước, Hòa thượng đã được nhân dân bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa XI, XII, được Nhà nước Việt Nam tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng nhất và nhiều tổ chức, cơ quan tặng các danh hiệu cao quý khác.

Kỷ niệm 39 năm thành lập GHPGVN, một chặng đường khiêm tốn so với hàng nghìn năm lịch sử Phật giáo ở nước ta, tôi chỉ xin nêu lại một số thành tựu nổi bật của GHPGVN. GHPGVN đã đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, tỏ rõ hành động, luôn phát huy những giá trị tích cực của Phật giáo nhằm xây dựng khối đại đoàn kết, cùng chung tay thực hiện hoạt động nhập thể giúp cho xây dựng đời sống đạo, đời sống xã hội tốt đẹp, xây dựng đất nước Việt Nam hòa bình, vững mạnh.

* Nguyên Vụ trưởng vụ Phật giáo BTGCP - Giảng viên Cao cấp HV CTQG HCM.

TẠP CHÍ

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128



KÍNH GỬI

Lời tri ân Đại đức Thích Tánh Thông - Trụ trì Chùa Giác Nguyên, số 42 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Đại đức đã hoan hỷ phát tâm cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) hùn phước in tạp chí số 355, để gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, Đại đức đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới. Ban Biên tập mong rằng trong thời gian tới, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo sẽ tiếp tục nhận được sự đóng góp của chư Tôn đức Tăng, Ni và quý thiện hữu tri thức để những ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có cơ hội tiếp tục lan xa hơn nữa, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

"Mong sao chân lý Phật đà

Vườn hoa Phật pháp hương xa thấm nhuần".

Kính nguyện hồng ân Tam bảo gia Đại đức thân tâm an lạc, Phật sự viên thành.

Trân trọng!

TM. Tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Phó Tổng Biên tập TT, kiêm Tổng Thư ký Tòa soạn

Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Nhân



THƯ TRI ÂN

TẠP CHÍ
VĂN HÓA
P HẬT G I Á O

ISSN 2734-9128

Kính gửi:

Chùa Giác Hải được thành lập từ năm 1908, tọa lạc tại thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng do Đại đức Thích Trí Định làm trụ trì.

Chùa Giác Hải là điểm dừng chân của nhiều du khách khi đến với xứ sở sương mù Đà Lạt. Chùa có không gian thoáng rộng, trang nhã, phong cảnh toát lên nét thiên vị an tịnh. Trong nhiều công tác Phật sự nổi bật của chùa phải nói đến đó là những khóa tu được tổ chức định kỳ như: Đạo tràng Dược Sư Thất Châu 49 ngày bắt đầu từ mùng 01 tết Nguyên Đán hàng năm; khóa Tu mùa hè dành cho học sinh, sinh viên có từ 600 đến 800 khóa sinh tham dự trong 1 tuần; Lễ chúc thọ cho hơn 1300 vị trong toàn huyện, Khóa tu Bát Quan trai tổ chức hàng tháng vào ngày Chủ Nhật tuần thứ tư của tháng... Những kết quả, ý nghĩa từ các khóa tu để lại luôn là động lực để tiếp thêm sức mạnh cho Đại đức trụ trì trên bước đường hoằng pháp độ sanh.

Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, Đại đức Thích Trí Định đã hoan hỷ phát tâm cúng dường tịnh tài (10 triệu đồng) hùn phước in tạp chí số 355, để gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, Đại đức đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới. Ban Biên tập mong rằng trong thời gian tới, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo sẽ tiếp tục nhận được sự đóng góp của chư Tôn đức Tăng Ni và quý th iện hữu tri thức để những ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có cơ hội tiếp tục lan xa hơn nữa, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

"Mong sao chân lý Phật đà
Vườn hoa Phật pháp hương xa thấm nhuần".

Kính nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ Đại đức thân tâm an lạc, Phật sự viên thành.

Trân trọng!

TM. Tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Phó Tổng Biên Tập TT, kiêm Tổng Thư ký Tòa soạn

Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Nhân



THƯ TRI ÂN



PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM - HƯỚNG VỀ ĐỒNG BÀO MIỀN TRUNG

MƯA LŨ QUA ĐI, tình người còn ở lại



— Hồ Thủy

Một mùa mưa bão dồn dập và trận lũ lịch sử dữ dội hung hãn đã trở thành nỗi kinh hoàng trong hơn một tháng qua là nỗi ám ảnh trong tâm tưởng và hằn sâu nỗi đau thương mất mát không gì bù đắp nổi. Cũng đã lâu rồi, hơn 20 năm trôi qua, người dân miền Trung lại phải hứng chịu cơn thịnh nộ của Mẹ thiên nhiên. Chỉ trong thời gian chưa đầy 1 tháng,

5 cơn bão liên tiếp đổ bộ nối tiếp nhau mang theo lượng mưa kinh hoàng trút xuống, gây ngập lụt và sạt lở.

Dải đất eo thon bao nhiêu năm chống chọi với chiến tranh, khi giặc liên tiếp đổ bom vào nhằm chia cắt hai đầu đất nước. Trong mưa bom, đạn dội, miền Trung vẫn bền bỉ hiên ngang nối liền 2 miền

tổ quốc. Hết bom đạn của kẻ thù, người miền Trung lại hứng chịu thiên tai, mưa lũ. Năm 1999, nhắc đến miền Trung, nhiều người Việt trong nước và trên thế giới gọi cái tên Đại Hồng thủy. Mưa bão gây ra lũ lụt nghiêm trọng, nhấn chìm nhiều huyện, xã làm thiệt hại người và của. Có thể nói, trận lũ lụt năm đó đã đi vào ký ức khó phai mờ của đồng bào miền Trung.

Khúc ruột đau thương ấy nằm nào cũng bão lũ. Lũ đến bất ngờ, nhiều ngôi nhà ngập chìm trong biển nước mênh mông, người già, trẻ nhỏ chơi vơi giữa dòng nước bạc. Nhiều người đã hy sinh trong lúc cứu dân. Thương tâm nhất là sự hi sinh của 13 chiến sĩ và cán bộ (11 sĩ quan và hai cán bộ dân sự) hy sinh ở Trạm kiểm lâm 67 trong lúc đi cứu hộ cứu nạn vụ sạt lở thủy điện Rào Trăng (Thừa Thiên Huế).

Đồng bào miền Trung cả tháng nay đang trong cảnh màn trời chiếu đất, đói rét và nhiều nơi bị cô lập giữa biển nước mênh mông. Miền Trung gian lao trong những ngày lũ lụt bủa vây. Ngoài biển khơi bão vẫn rập rình. Những người con kiên trung trên dải đất miền Trung đang gồng mình vượt qua gian khó. Bằng ý chí và nghị lực, người miền Trung không cam chịu khuất phục trước phong ba, bão lũ bởi còn có sự chung vai, sát cánh của đồng bào cả nước.

Đau xót và thương tâm, cái nghĩa đồng bào đã thôi thúc người dân trong cả nước cùng hướng về khúc ruột yêu thương ấy. Ngay từ những ngày đầu lũ về, truyền thống tương thân tương ái của dân tộc đã được phát huy cao độ, Phật giáo Việt Nam bao giờ cũng là nơi khởi nguồn cho sự san sẻ yêu thương. Tinh thần từ bi của Đạo Phật, với thông điệp nơi nào có khổ đau, nơi đó có Phật giáo đã thấm dầm trong từng tâm trí quý Thầy, quý Sư cô ở các chùa, các tự viện trên toàn quốc. Liên tiếp những đoàn cứu trợ, tiếp sức của Phật giáo từ mọi miền hướng về rốn lũ miền Trung với phương châm “lá lành đùm lá rách”. Tại các chùa, tự viện, những nồi bánh



chưng, trở xôi (nồi hấp) đồ lửa suốt đêm, từng hàng dài xe cứu trợ nối đuôi nhau từ miền Bắc, miền Nam hướng về khúc ruột đau thương. Những nghĩa cử ấy xuất phát từ trong lương tri đã làm nên những hành động nghĩa tình của những người con Phật.

Bắt đầu từ ngày 09-10/10/2020, áp thấp nhiệt đới kéo về, cơn bão số 6 chuẩn bị hình thành đã gây ra mưa lớn trên diện rộng ở các tỉnh miền Trung. Chỉ trong thời gian ngắn, lượng mưa đã làm nước lũ dâng cao nhấn chìm nhiều ngôi nhà của bà con xã Tam Thăng, tỉnh Quảng Nam. Thời điểm này, Ban Biên tập Tạp chí Văn Hoá Phật Giáo (cơ quan ngôn luận của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam) do TT. Thích Minh Nhân - Ủy viên Thường trực HĐTS, Phó tổng Biên tập Thường trực kiêm Tổng Thư ký Tạp chí VHPG - Tổng Biên tập Kênh thông tin tổng hợp Phatsuoonline (PSO) làm trưởng đoàn đã đi khảo sát, đến tận nơi bị thiệt hại. Chứng kiến cảnh người dân vất vả đang chống chọi với mưa lũ trong những ngày thiên tai

ghé thăm, TT. Thích Minh Nhân đã hội ý nhanh cùng lãnh đạo Ban Biên tập (BBT) quyết định cứu trợ khẩn cấp cho bà con Quảng Nam đang oằn mình chống chọi với thiên nhiên trong cơn đói, cơn khát giữa cái buốt lạnh của làn nước.

Chia sẻ với những mất mát của bà con, thay mặt BBT, TT. Thích Phước Nghiêm nhấn mạnh: “*Hơn lúc nào hết, người dân đang bị thiên tai, lũ lụt rất cần sự quan tâm, cứu trợ, hỗ trợ từ các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị, các mạnh thường quân và toàn xã hội. Thông qua Tạp chí Văn hoá Phật giáo và Kênh Thông tin tổng hợp Phật sự Online (PSO), chúng tôi sẽ kêu gọi Tăng Ni, đồng bào Phật tử các tỉnh thành từ cùng hướng về miền Trung với tinh thần tương thân, tương ái, “lá lành đùm lá rách”, sẽ về vận động các nhà hảo tâm, các mạnh thường quân kêu gọi đóng góp bằng tình cảm, tấm lòng nhân ái và trách nhiệm của mình với cộng đồng, tiết kiệm chi tiêu, tham gia ủng hộ đồng bào ở mức cao nhất có thể, góp phần giúp bà con xoa dịu nỗi đau mất mát, sớm*



ổn định sản xuất và đời sống. Và chúng tôi sẽ sớm quay trở lại cùng với bà con miền Trung thương yêu". Và thực sự trên chuyên trang của PSO đã đăng tải những bản tin thời sự nóng về những chuyến đi cứu trợ của hàng trăm đoàn thiện nguyện của các Chùa, Tự viện đến với đồng bào miền Trung và vùng tâm lũ.

Bão chồng bão, cơn bão số 6 vừa qua thì cơn bão số 7 ập đến, nước lên cao, chưa kịp rút thì cơn bão số 8 hình thành tiếp tục đổ bộ vào miền Trung. Từ trên cao nhìn xuống, mảnh đất duyên hải miền trung biến thành một vùng nước mênh mông nuốt trọn Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.... Nhìn những hình ảnh này thì cảnh người dân nơi đây không màn trời chiếu đất mới lạ. Vậy mà, trời vẫn tiếp tục đổ mưa không ngớt. Cái đói, cái rét tê tái dồn về cùng một lúc

và người miền Trung đang phải gồng mình gánh hết.

Với tinh thần tất cả vì miền Trung ruột thịt, Hoà thượng Thích Phổ Tuệ - Đức Pháp chủ GHPGVN cũng có lời hiệu triệu Tăng Ni thực hiện việc chia sẻ tình cảm đối với đồng bào khó khăn. Hoà thượng Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch HĐTS cũng đã ra thông bạch số 228/TB-HĐTS ngày 14/10/2020 về vận động cứu trợ đồng bào lũ lụt các tỉnh miền Trung gửi đến Ban Từ thiện Xã hội TƯ GHPGVN và Ban Trị sự, Ban Từ thiện Xã hội GHPGVN các tỉnh, thành phố trên toàn quốc kêu gọi, vận động Tăng Ni và Phật tử các tự viện, các nhà hảo tâm đóng góp tiền, hàng, vật phẩm cùng chung tay chia sẻ những đau thương, mất mát trong những ngày bão lũ vừa qua để gửi đến cứu trợ đồng bào vùng bão lũ khắc phục khó khăn và sớm ổn định cuộc sống.

Các đoàn cứu trợ của GHPGVN từ muôn phương về với miền Trung đặc biệt là các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam...Kênh thông tin tổng hợp PSO liên tục đưa tin, tuyên truyền kêu gọi các đoàn từ thiện, các mạnh thường quân, Phật tử cùng hướng về miền Trung ruột thịt. Các bản tin, phóng sự tình hình mưa lũ, cứu trợ của các đoàn được các phóng viên, cộng tác viên PSO từ khắp 63 tỉnh thành trong cả nước gửi về. Ban Thời sự PSO liên tục cập nhật những thước phim, những hình ảnh, bài viết và số liệu cứu trợ cho bà con miền Trung cho bạn đọc nắm được những diễn biến của lũ lụt và tình hình cứu trợ của chư Tăng Ni, Phật tử trên toàn quốc.

Hành trang các đoàn mang đến cho bà con lúc này đó là những



nhu yếu phẩm cần thiết nhất như lương khô, mì gói, nước suối, xôi, bánh chưng, áo phao.... Đồ cứu trợ được để trên các ghe tự chế vào từng căn nhà để tiếp tế cho bà con. Những món quà giá trị vật chất không lớn nhưng đó là những tình cảm mà quý Thầy, quý Sư cô đã gửi trọn tấm lòng chan chứa nghĩa tình.

Chỉ trong thời gian ngắn, hàng trăm đoàn cứu trợ của Tăng Ni, Phật tử và những người yêu mến đạo Phật từ các vùng miền đã về với khúc ruột miền Trung. Hình ảnh người tu sĩ thời nào cũng vậy, Phật giáo luôn gần gũi và đồng hành cùng với dân tộc Việt Nam, điều đó được cụ thể hóa bằng phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội”; Tăng Ni Phật giáo Việt Nam trong và ngoài nước thực hiện phương châm “Phụng sự chúng sanh là cúng dường chư Phật”.

Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã cử đoàn công tác đặc biệt cứu trợ miền Trung do TT.Thích Đức Thiện - Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký HĐTS GHPGVN - Trưởng Ban Phật giáo Quốc tế - Trưởng đoàn cùng với Ban Từ thiện xã hội TỰ; TT. Thích Thanh Phong - UVTT HĐTS - Trưởng Ban Kinh tế Tài chính, Phó Ban Từ thiện Trung ương GHPG Việt Nam; Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An... và các mạnh thường quân từ khắp nơi đã cùng nhau đi đến động viên và trao tặng quà cho đồng bào bị ảnh hưởng bởi bão lụt tại các địa phương bị thiệt hại nặng từ ngày ngày 21 - 25/10/2020.

Trở về TP. Hồ Chí Minh khi những ngày cơn bão số 6 đổ bộ vào miền Trung, Ban Biên tập (BBT) Tạp chí Văn hoá Phật giáo đã họp và

kêu gọi các thành viên trong BBT lên kế hoạch phối hợp cùng với các doanh nhân Phật tử, các mạnh thường quân trong và ngoài nước hướng về miền Trung, đóng góp giúp đỡ vật chất lẫn tinh thần, thể hiện trách nhiệm, sự dùm bọc sẻ chia để phần nào xoa dịu nỗi đau thương mất mát do thiên tai gây ra đối với đồng bào miền Trung ruột thịt.

Đêm ngày 15/10, được sự phân công của Ban Biên tập, đoàn cứu trợ thứ hai do Đại đức Thích An Nhiên - Thành viên BBT đã cùng với các Phật tử lên đường hướng về miền Trung. Đoàn đã phối hợp với Ban Trị sự các tỉnh, huyện, các chùa sở tại cứu trợ khẩn cấp người dân vùng lũ. Di chuyển giữa tâm bão, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn vì lúc này cơn bão số 7 ập đến, mưa lớn, nước dâng cao, điều kiện thời tiết khắc nghiệt nhưng không ngăn cản được nhiệt huyết

của những người con Phật. Hơn nửa tháng liên tiếp di chuyển lại các vùng ngập lũ, đi qua 2 cơn bão số 7 và số 8 để ứng cứu, trao tặng quà cho bà con, khi được hỏi, Đại đức chỉ cười và mong muốn mình và các thành viên trong đoàn có thêm nhiều sức khoẻ để tiếp tục đồng hành hỗ trợ trực tiếp các vật dụng, nhu yếu phẩm để bà con ổn định cuộc sống.

bà con sớm ổn định và cải tạo để phục hồi sản xuất. Người miền Trung đang gồng mình khắc phục hậu quả mưa lũ do bão số 8. Nhưng không, áp thấp nhiệt đới mới đi vào Biển Đông, đêm 25/10, các tỉnh miền Trung nín thở chờ đón cơn bão Molave trở thành cơn bão số 9 ảnh hưởng trực tiếp đến miền Trung. Trời lại mưa to, gió giật, nhiệt độ xuống thấp, mưa tiếp tục gây ra

về miền Trung ruột thịt”. Cứ như vậy, từng đoàn cứu trợ nối tiếp đi sâu vào vùng lũ để trao quà cho bà con, không quản ngại gian nan khó nhọc.

Bão nối tiếp bão, ngay khi tin tức về bão số 9 vừa chớm ngoài biển Đông, đoàn từ thiện của Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh do Thượng tọa Thích Nhật Từ - Phó Viện trưởng Thường trực học viện lãnh đạo, đã dự báo tình hình và tích cực chuẩn bị nhu yếu phẩm để ứng phó kịp thời. Đến ngày 28/10, khi bão vừa quét qua các tỉnh miền Trung, đoàn từ thiện đã đến thăm, trao quà động viên bà con vùng lũ tại tỉnh Quảng Trị và một số địa bàn thuộc các tỉnh miền Trung.

Tổng giá trị các phần quà (gồm tịnh tài, tịnh vật) lên đến hàng tỷ đồng. Tại các điểm trao quà, đoàn từ thiện đã trì tụng thời kinh cầu nguyện cho thế giới an bình. Đồng thời gửi lời hỏi thăm, động viên bà con vượt qua nỗi đau mất mát, nhanh chóng ổn định cuộc sống. Theo kế hoạch, ngày 29 và 30/10 đoàn từ thiện sẽ tiếp tục chuyển đi cứu trợ tại tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh.

Những nghĩa cử đó chứng tỏ Phật giáo luôn gần gũi và đồng hành cùng với dân tộc Việt Nam, luôn hành động với phương châm “Phụng sự chúng sanh là cúng dường chư Phật”. Tinh thần Từ Bi - Vô Ngã của đạo Phật đã trở thành một nét tính cách tốt đẹp của người Việt Nam. Những tấm gương hành thiện của quý Tăng Ni, Phật tử càng làm sáng tỏ giá trị cao đẹp của nền văn hóa Phật giáo.



Ngày 24/10, đoàn cứu trợ thứ ba do Đại đức Thích Thiện Tâm - Thành viên BBT, tiếp tục xuất phát từ Sài Gòn nhằm tăng cường cứu trợ các điểm ngập lụt khác. Lúc này, tình hình đã được cải thiện đôi chút khi trời bắt đầu có nắng và nước ở nhiều xã thuộc rốn lũ đã rút bớt. Tuy nhiên, nhiều nơi vẫn đang còn bị cô lập, phương tiện vận chuyển hàng cứu trợ vào cho bà con chủ yếu vẫn bằng ghe, thuyền tự chế. Đoàn đã chọn những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhất để trao những phần quà nghĩa tình.

Hy vọng nắng lên, lũ rút dần để

sạt lở và ngập lụt ở vùng trũng thấp của các tỉnh miền Trung. Trước tình cảnh này, lãnh đạo Toà soạn đã cử Đại đức Thích Quảng Tiến, Đại đức Thích Đồng Quý và Đại đức Thích Pháp Trí - Thành viên BBT tiếp tục lên đường tiếp tục cứu trợ cho miền Trung.

Sáng ngày 26-27/10, đoàn công tác tiếp theo của BBT xuất phát từ TP.HCM ra miền Trung mang theo nhu yếu phẩm và hiện kim để kịp thời cứu trợ. Bên cạnh đó, lãnh đạo GHPGVN vẫn đang tiếp tục hiệu triệu Tăng, Ni, Phật tử chung sức, chung lòng “Hưởng



PHẬT GIÁO



HƯƠNG VỀ





Hung Trung

LUẬT TẠNG,

TINH HOA CỦA LỊCH SỬ - VĂN HÓA PHẬT GIÁO

TRONG HÀNH TRÌNH KẾT TẬP VÀ Củng Cố

Trong 45 năm truyền giảng con đường giải thoát, Đức Phật thu nhận rất nhiều đệ tử, có người xuất gia theo Ngài và lập thành Tăng đoàn (Sangha), có người là cư sĩ. Đức Phật để lại cho nhân loại kho tàng tri kiến vô giá gồm nhiều bài thuyết giảng (Sutta - Kinh) cho nhiều đối tượng từ quý tộc đến bình dân, từ giới cư sĩ đến bậc thánh thanh văn. với sự phát triển của Tăng đoàn, giới luật được Ngài chế định để tăng chúng tu tập được thuận lợi (Vinaya - Luật). Ngoài ra, còn nhiều bài giảng, luận - đặc biệt khác đã đúc kết trong bộ A-tỳ-đàm (Abhidhamma). Luật và Kinh là hai tạng kinh điển được kết tập sớm nhất, ngay trong kỳ kết tập kinh văn ngoại thành Rajagaha (Vương Xá).

BỐN KỲ KẾT TẬP KINH DIỄN TRONG PHẬT SỬ

Vào ngày thứ hai của tháng thứ tư sau khi Phật bát Niết bàn, một đại hội các vị Tỳ kheo tổ chức ở vùng đồi núi ngoại thành Vương Xá dưới sự bảo trợ của vua A-xà-thế. Mục đích của đại hội là kết tập các bài kinh giảng và các điều luật thành một hệ thống chặt chẽ, nhằm gìn giữ diệu pháp của Thế Tôn cho muôn đời. Tham gia đại hội có 500 vị A-la-hán. Trưởng lão Maha Kassapa (Ma-ha-ca-diếp) chủ trì đại hội. Người có nhiệm vụ trùng tuyên phần Luật được Phật chế định là ngài Upali (Ưu-ba-ly) và phần Kinh được Phật thuyết giảng là ngài Ananda (A-nan-đà).

Trong đại hội kết tập lần thứ nhất, chỉ có hai phần Pháp và Luật được trùng tuyên lại. Một số vấn

đề về giới luật được đem ra thảo luận vì trước khi Thế Tôn nhập Niết bàn, Ngài có bảo Đại đức Ananda rằng: nếu Tăng già muốn sửa đổi một ít giới luật nhỏ, họ có thể sửa đổi. Ngài Ananda vì quá ưu sầu nên không hỏi Đức Phật giới luật nào nhỏ nhất và có thể sửa đổi.

Thành viên đại hội không đồng ý về việc khẳng định giới luật nào là nhỏ. Cuối cùng, trưởng lão Kassapa quyết định không có giới luật nào Thế Tôn đưa ra phải thay đổi và cũng không giới thiệu thêm giới luật mới. Tương truyền, trưởng lão Kassapa nhắc nhở: “Nếu chúng ta thay đổi giới luật, người ngoài sẽ nói rằng đệ tử Sa Môn Gotama thay đổi giới luật trước khi hóa táng Ngài”.

Sau đại hội, giáo pháp phân chia thành nhiều phần. Mỗi phần ấn định cho một vị trưởng lão và đệ tử ghi nhớ. Giáo pháp truyền khẩu theo truyền thống các học phái đương thời tại Ấn Độ. Kinh và Luật được đọc tụng hằng ngày và hội chúng thường xuyên kiểm chứng với nhau để bảo đảm không có sự thiếu sót hoặc thêm bớt nào[1].

Nhận được sự ủng hộ của các vương quốc trong khu vực, nhiều phái đoàn truyền giáo đi các nơi hoàng dương đạo pháp, từ miền Trung Ấn đến mạn Nam và Tây tiểu lục địa Ấn Độ. Ở thời kỳ này, xã hội Ấn Độ xảy ra nhiều biến động, ảnh hưởng đến sinh hoạt Tăng đoàn, nhất là những nơi Phật giáo vừa bén rễ.

Một số tu sĩ đề xuất sửa đổi giới



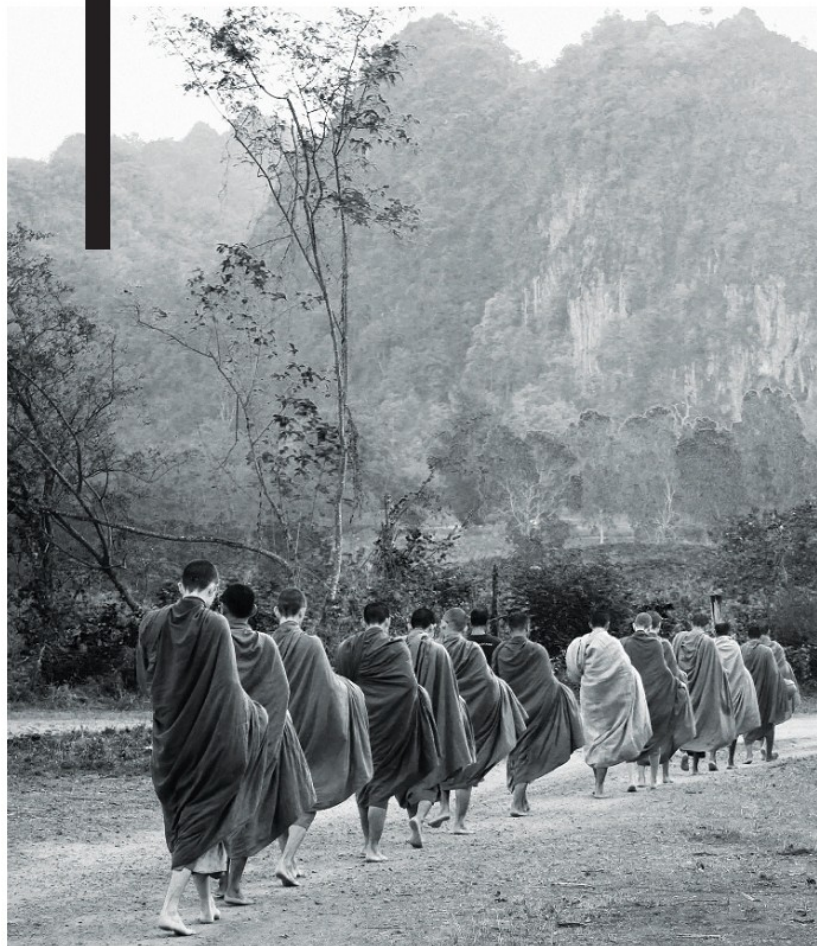
Nguồn: Learnreligions.com

luật và lễ lối sinh hoạt, trong đó có việc thọ dụng, cất giữ vàng bạc do dân chúng cúng dường[2]. Sự khác biệt trong cách thực hành giới luật khiến Tăng đoàn phải lưu tâm. Khoảng một trăm năm sau cuộc kết tập kinh điển lần thứ I, trưởng lão Yassa và Revata nhóm họp 700 vị A-la-hán tại thành Vaishali để giải quyết tranh chấp về những khác biệt này. Đại hội cũng trùng tuyên kinh điển và kết tập một số bài kinh giảng chưa được đúc kết trước đây. Đó là những cơ sở để thành hình Tiểu Bộ kinh sau này[3].

Đại hội kết tập kinh điển lần thứ hai quyết định giữ nguyên 10 điều giới luật căn bản Phật đã chế định. Tuy nhiên, một số tu sĩ không hài lòng và bắt đầu có khuynh hướng ly khai. Đây là mầm mống đưa đến sự phân chia đầu tiên trong tăng đoàn: bộ phái Trưởng Lão Thuyết Bộ (Sthaviravada) gồm các tu sĩ theo khuynh hướng giữ gìn nguyên vẹn những lời Phật dạy và Đại Chúng Bộ (Mahasanghika) là những tu sĩ cải cách.

Trong vòng vài thế kỷ, hai bộ phái trên đã phát triển thành nhiều bộ phái[4]. Trưởng Lão Thuyết Bộ phân hóa thành ít nhất 12 học phái, gồm: Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Saivativādā), Độc Tử Bộ (Vātsīputriya), Pháp Thượng Bộ (Dharmottariyā), Hiền Trú Bộ (Dharmayāniyā), Chánh Lượng Bộ (Sammitiyā), Mật Lâm Sơn Bộ (Sandagirikā), Hóa Địa Bộ (Mahisarakā), Pháp Tạng Bộ (Dharmaguptakā), Âm Quang Bộ (Kāśyapīyā), Kinh Lượng Bộ (Sautrāntikā), Phân Biệt Thuyết Bộ (Vibhajyavada), Xích Đồng Diệp

Đây là mầm mống đưa đến sự phân chia đầu tiên trong tăng đoàn: bộ phái Trưởng Lão Thuyết Bộ (Sthaviravada) gồm các tu sĩ theo khuynh hướng giữ gìn nguyên vẹn những lời Phật dạy và Đại Chúng Bộ (Mahasanghika) là những tu sĩ cải cách.





Nguồn: Forestsangha.org

Bộ (Tamrasatiya). Đại Chúng Bộ lại phân hóa thành Nhất Thiết Bộ (Ekavyavaharikà), Thuyết Xuất Thế Bộ (Locottaravavadinà), Kế Dận Bộ (Kankkutikà), Đa Văn Bộ (Bàhusrutiyà), Thuyết Giá Bộ (Prajāptivadinà), Chế Đa Sơn Bộ (Caityasailàh).

Các bộ phái vừa khuếch trương thanh thế, vừa phản bác luận thuyết của nhau. Đến thời vua Asoka (268-232 TCN), một đại hội Phật giáo lại được tổ chức nhằm xiển dương chánh pháp và bác bỏ những luận điểm không đúng với giáo lý Phật đà. Chủ trì đại hội kết tập kinh điển lần thứ III là ngài Mục Kiền Liên Đề Tu (Moggaliputta Tissa) - thầy của vua Asoka. Ở đại hội này, sự khác nhau giữa các bộ phái nằm ở giới luật và giáo pháp. Ngoài việc trùng tuyên Kinh - Luật, đại hội còn kết tập tạng A-tỳ-đàm.

Vua Asoka ủng hộ Phân Biệt Thuyết Bộ nên học phái này trở nên mạnh mẽ. Đại hội cũng cử các phái đoàn truyền giáo ra khỏi biên giới Ấn Độ, truyền bá chánh pháp Đức Phật đến lân bang. Trong đó, ngài Mahinda - con trai vua Asoka mang theo Tam tạng kinh điển vừa kết tập đến đảo Sri Lanka.

Đến thế kỷ I TCN, trong cuộc kết tập kinh điển lần thứ IV, trước tình hình nạn đói ở Sri Lanka lan rộng, đe dọa tính mạng nhân dân và các vị tỷ kheo đang giữ gìn giáo pháp Đức Phật bằng hình thức truyền khẩu, đại hội phái Đồng Diệp Bộ quyết định viết lại Tam tạng kinh điển trên lá bối để gìn giữ chánh pháp muôn đời. Ngôn ngữ Prakrit được sử dụng để viết kinh văn, chấm dứt giai đoạn truyền khẩu giáo pháp và

giới luật Phật giáo[5].

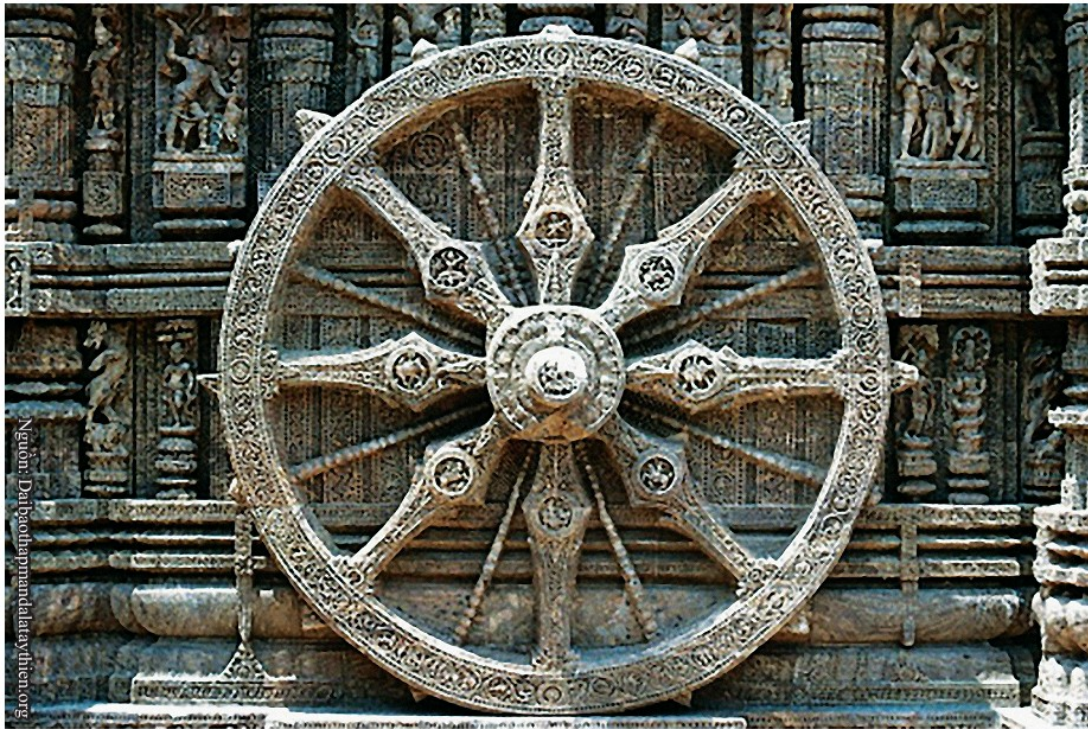
Ngoài cuộc kết tập kinh điển của phái Đồng Diệp Bộ ở Sri Lanka, phái Nhất Thiết Hữu Bộ ở Kashmir cũng tổ chức một cuộc kết tập kinh điển riêng dưới sự bảo trợ của triều đại Kanishka ở Bắc Ấn Độ. Kinh văn của học phái này cùng một số phái khác được bảo lưu và theo các đoàn truyền giáo đến những nước xung quanh, trong đó có Trung Quốc với thành quả là bộ Hán tạng A-hàm.

TÂM QUAN TRỌNG CỦA GIỚI VÀ TINH HOA LUẬT TẠNG

Xuyên suốt các cuộc kết tập kinh điển, giới điều trong Luật tạng là một trọng tâm được các bộ phái Phật giáo rất quan tâm, vì giới “là khởi điểm của các thiện pháp, chính là giới hoàn toàn thanh tịnh”[6].

Từ giới trong tiếng Pali là Sila, không có nghĩa là những điều luật, quy luật, hay những quy tắc buộc con người phải tuân thủ trong nhà trường, cơ quan, tổ chức đoàn thể. Một vài học giả giải thích Sila theo nhiều phương diện khác nhau như: sự hướng dẫn về tư cách đạo đức, phép tắc hành xử, lời dạy, mệnh lệnh, sự ngăn cấm, quy luật, giới hạnh. Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) định nghĩa trong Thanh Tịnh Đạo: “Giới hạnh là những trạng thái bắt đầu bằng sự hiện diện của Tư tâm sở trong một con người xa lánh việc sát sanh (không giết hại chúng sanh) hoặc người thực hành viên mãn các học giới”.

Theo quan điểm Phật giáo, Sila bao gồm 2 nghĩa: giới điều đạo đức (theo phương diện đạo đức)



và phong cách cư xử về đạo đức (theo phương diện tu tập). Với nghĩa đầu tiên, nó xuất phát từ lời dạy Đức Phật khuyên con người tránh ác làm lành, tu tập thân khẩu, ý thanh tịnh, diệt trừ tất cả những phiền não tham, sân, si đưa đến sự an lạc giải thoát cho chính mình. Với nghĩa thứ hai, Sila khuyên con người quý mến nhau, thương yêu nhau, thông cảm cho nhau, đoàn kết và giúp đỡ nhau. Sila còn hướng dẫn con người làm thế nào để tu tập và thích nghi với mọi tình huống xã hội hầu mang lại lợi ích, an vui và hạnh phúc thật sự cho mình và người.

Đây chính là ý nghĩa Sila tích cực và năng động trong giới Phật giáo, đóng góp vai trò quan trọng về phương diện đạo đức trong cuộc

**Giới luật (Sila)
còn hướng dẫn
con người làm
thế nào để tu tập
và thích nghi với
mọi tình huống
xã hội hầu mang
lại lợi ích, an vui
và hạnh phúc
thật sự cho
mình và người.**

sống con người và cộng đồng xã hội ngày nay[7]. Bởi tầm quan trọng ấy, quá trình phát triển các bộ phái Phật giáo đã thúc đẩy sự kiến giải các học giới kế thừa từ thời tăng đoàn nguyên thủy. Đến nay, ngoài Luật tạng văn hệ Pali, còn có hai tạng Luật của Pháp Tạng bộ (Phật giáo Đông Á) và Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Phật giáo Tây Tạng và vùng Himalaya) còn lưu trữ nguyên vẹn.

Từ năm 1924, học giả Nhật Bản là Takakusu Junjirō (Cao Nam Thuận Thứ Lang) vận động phong trào xuất bản tam tạng kinh điển Phật giáo. Nhờ công sức của hàng nghìn người trong cả học giới và Tăng Ni, Nhật Bản đã tập hợp và ấn hành bộ Đại chánh Tân tu Đại tạng kinh trong thế kỷ XX. Trong đó, còn lưu giữ một số phần Luật

Sự phong phú của tạng Luật thể hiện Phật giáo không ngừng phát triển và luôn luôn mới mẻ, vừa đáp ứng những thay đổi đời sống, vừa giữ gìn giáo huấn của Thế Tôn

tạng của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ khác như: Âm Quang Bộ, Đại Chúng Bộ, Hóa Địa Bộ và Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ đã được tu chỉnh trong các khảo cứu đương đại. Cấu trúc Luật tạng trong ba tạng Luật hiện thời tương đồng về nội dung căn bản, nhưng có sự khác biệt ở một số điểm phụ.

Trong bản văn hệ Pali, tạng Luật gồm Phân tích Giới bốn Suttavibhanga trình bày Patimokkha của tỳ kheo gồm 227 điều học và tỳ kheo ni có 311 điều học. Khandhaka gồm các vấn đề có liên quan đã sắp xếp thành từng chương và được phân làm hai: Mahāvagga (Đại Phẩm) và Cullavagga (Tiểu Phẩm). Cuối là Parivāra (Tập Yếu) phân tích về giới luật theo các tiêu đề và được trình bày dưới dạng vấn đáp, có thể xem như cuốn cẩm nang hướng dẫn việc hành xử giới luật.

Tại Phật giáo Tây Tạng, tạng Luật ngoài điều học cho Tỳ

kheo, Tỳ kheo ni còn có các tập Vinayavibhanga (giải thích học giới cho Tỳ kheo), Bhikṣunīvinayavibhanga (giải thích học giới cho Tỳ kheo ni), Vinayaksudrakavastu (các chủ đề liên quan), Vinayottaragrantha (tương ứng với Tập Yếu của Phật giáo Nam truyền).

Vùng văn hóa Phật giáo Á Đông sử dụng Tứ Phần Luật. Đây là bản Luật tạng của Pháp Tạng Bộ được dịch vào thời kỳ Phật giáo bắt đầu hưng khởi tại Trung Quốc. Văn bản gồm bốn phần là giới Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, tăng sự và tạp phẩm. Bên cạnh đó, còn có Luật Thập tụng là bản Hán dịch của Luật tạng Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ gồm: giới Ba-la-di, Bất định, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, Ba-dật-đề; Luật Ngũ Phần của Hóa Địa Bộ; Ma-ha-tăng-kỳ Luật của Đại Chúng Bộ.

Sự phong phú của tạng Luật thể hiện Phật giáo không ngừng phát triển và luôn luôn mới mẻ,

vừa đáp ứng những thay đổi đời sống, vừa giữ gìn giáo huấn của Thế Tôn. Phật nhật tăng huy sẽ không thể có, nếu các thế hệ không gìn giữ giới luật đức Phật ban bố. Dù theo truyền thống Phật giáo nào, cội nguồn phạm hạnh vẫn bắt đầu từ việc tu trì giới luật.

Chú thích:

- [1] K.R. Norman (1983), *Pāli literature: including the canonical literature in Prakrit and Sanskrit of all the Hīnayāna schools of Buddhism*, Wiesbaden: Otto Harrassowitz, p.12.
- [2] Hirakawa Akira (1993), *A history of Indian Buddhism*, Motilal Banarsidass, p.80.
- [3] Samanera Bodhesakho (1984), *Beginnings: The Pali Suttas*, Buddhist Publication Society, p.56.
- [4] Một số tư liệu liệt kê đến hơn 30 bộ phái.
- [5] Thích Viên Giác, “Khái quát lịch sử truyền bá kinh điển và những đặc điểm của Kinh tạng Nikāya”, www.budsas.org, truy cập 17/10/2020.
- [6] Bhaddantacariya Buddhaghosa (Thích Nữ Trí Hải dịch), *Thanh Tịnh Đạo*, I, 10.
- [7] Thích Quang Thạnh, “Tìm hiểu về Giới luật (Sīla) trong Phật giáo”, www.budsas.org, truy cập 17/10/2020.

Thương về Miền Trung

Bảo Hoa Lâm



Bão lũ ơi ! Sao vô tình đến thế
Cuốn trôi đi... đi hết biết bao là
Nỗi ngậm ngùi... đau đớn lẫn xót xa
Ngàn cảnh khổ... tiêu điều qua phút chốc

Gió vô tình trở mình thành cơn lốc
Giọt mưa nào rơi mãi đất thành sông
Sầu...bây... tám, lũ dữ hoá mênh mông
Ôi cát đá lấp vùi bao thân xác

Miền Trung ơi ! Quặn lòng buồn ngơ ngác
Người xa người... chưa kịp nói lời nao
Nghĩa vợ chồng thề nắm chặt tay nhau
Ai những tưởng lìa nhau cơn nước xiết

Con đi rồi... Mẹ ơi...! chưa từ biệt
Phút nghẹn ngào tre tiễn khóc măng non
Ôi bao phen... tìm kiếm đã mỏi mòn
Người thác tích, ai sống còn hy vọng

Những ngày qua... phải chăng là ác mộng
Vạn tim đau trời nhĩp... khóc thương nhìn
Miền Trung ơi ! sao khổ cảnh điêu linh
Chờng chất mãi lặng thinh trong nước mắt

Bão lũ ơi ! Hãy qua nhanh tích tắc
Trả yên bình cho đất mẹ đơm hoa
Niềm tin yêu thấp sáng mọi cửa nhà
Tim ấm lại chan hoà cùng năm tháng.

DẤU ẤN PHẬT GIÁO

— trong chính sách nội trị —

THỜI LÝ - TRẦN

Sơn Thạnh



PHẬT GIÁO Ở BUỔI ĐẦU LỊCH SỬ

Ra đời vào khoảng thế kỉ VI TCN tại Ấn Độ, Đạo Phật được truyền bá vào nước ta theo hai lộ trình, từ Trung Quốc xuống và từ Ấn Độ sang. Có thể nói, Phật giáo đã du nhập vào quốc thổ Việt Nam từ rất sớm. Trong *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông pháp triều Lý*, Hoàng Xuân Hãn có dẫn ra câu chuyện hoàng hậu Linh Nhân (Ỗ Lan) với nhà sư Trí Không: “*Thái hậu hỏi “Phật ở phương nào? Tổ ở thành nào? Phật tới xứ ta từ đời nào? Truyền thụ đạo ấy, ai trước, ai sau?”*. Nhà sư Trí Không trả lời “*Phật và Tổ là một. Phật truyền đạo cho Ca Diếp, về đời Hán có Ma Đằng đem đạo vào Trung Quốc. Đạt Ma truyền vào Lương, Ngụy. Đạo rất thịnh khi dòng Thiên Thai được lập thành. Dòng ấy còn gọi là Giao Tông. Sau lại có thêm dòng Tào Khê tức là dòng Thiền Tông, hai dòng ấy vào nước ta đã lâu năm*”¹.

Với tinh thần dung hợp và khai phóng, cùng với những quan điểm, tư tưởng gần gũi với truyền thống của người Việt nên đạo Phật nhanh chóng phát triển và có ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội nước ta, số lượng người theo đạo Phật ngày càng đông.



Nguồn: Bookhunterclub.com

Giới tăng lữ không chỉ đóng góp xây dựng bảo vệ đất nước, mà còn có ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống xã hội, làm cho đời sống tâm linh của người Việt ngày càng thêm phong phú.

Sang thế kỉ X, các triều đại Đinh và Tiền Lê có nhiều chính sách khuyến khích Phật giáo. Sau khi lên ngôi, Đinh Tiên Hoàng triệu tập các cao tăng để định rõ phẩm trật, cử phái đoàn sang Trung Quốc thỉnh kinh truyền bá đạo pháp, phong cho nhà sư Ngô Chân Lưu chức Tăng Thống, ban hiệu là Khuông Việt đại sư.

Đến thời vua Lê Đại Hành, sư Đỗ Thuận được mời làm cố vấn việc triều chính. Vua còn tham khảo ý kiến của thiền sư Vạn Hạnh trước khi đem quân chống nhà Tống. Giới tăng lữ không chỉ đóng góp xây dựng bảo vệ đất nước, mà còn có ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống xã hội, làm cho đời sống tâm linh của người Việt ngày càng thêm phong phú.

ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO VỚI CHÍNH SÁCH NỘI TRỊ THỜI LÝ

Thời Lý, Phật giáo trở thành quốc giáo và có những ảnh hưởng nhất

định đối với việc hoạch định chính sách nội trị của các đời vua. Các vua triều Lý đều học Phật và thường mời những cao tăng đến để đàm luận về giáo lý và chính sách nội trị. Chính vì vậy, đời sống chính trị của triều Lý mang nhiều màu sắc Phật giáo.

Chế độ tăng quan:

Chế độ tăng quan vốn dĩ đặt ra từ đời Đinh và được các vua đời Lý duy trì. Thỉnh thoảng, các vua Lý cũng đặt lại chế độ tăng quan nhưng vẫn theo quy chế của đời nhà Đinh. Đứng đầu hàng tăng có chức Quốc sư. Sau đó, theo thứ tự trên dưới, có những chức tăng thống, tăng lục, tăng chính, đại hiền quan. Quốc sư đều là những vị học rộng, uyên thâm Phật pháp từ thuở nhỏ, có thể kể đến như: sư Vạn Hạnh, sư Khô Đầu, sư Không Lộ, sư Thông Biện và sư Viên Chiếu.

Sư có chức phận, miễn làm xấu, làm lính; ở chùa lại được hưởng lộc dân chúng cúng dường và vua ban.

“Trước kia, trong nước việc kiện tụng phiền nhiễu, quan giữ việc hình cầu nệ luật văn, cốt làm khắc nghiệt, thậm chí bị oan uổng. Vua lấy làm thương xót sai trung thư sửa định luật lệnh châm chước cho thích dụng với thời bấy giờ, chia ra môn loại, biên ra nhiều khoản làm sách hình luật của một triều đại”²

Vì thế, muốn được làm sự phải có bằng của triều đình cấp cho, gọi là “độ”. Trong đời vua Lý Thái Tổ, có nhiều lần dân được khuyến khích xuất gia. Năm 1010 và 1019, người ở kinh đô Thăng Long được “độ” để xuất gia. Đến năm 1134, vua Lý Thần Tông lại tổ chức độ tăng lần nữa. Với sự phát triển thịnh vượng của Phật giáo, các chùa cũng được xây dựng ở nhiều nơi, do vua, quan hay dân làng dựng nên. Những chỗ danh lam thì được nhà vua cấp tiền của, ruộng đất, phu hầu xây dựng.

Tinh thần nhân ái, khoan dung trong pháp luật:

Trước triều Lý, Việt Nam chưa có luật pháp thành văn. Triều Đinh, Tiền Lê thường nuôi hổ, đặt vạc dầu để răn đe, xử phạt những ai vi phạm quy định của triều đình. Để quản lý đất nước, năm 1042, vua Lý Thái Tông cho ban hành bộ Hình thư - bộ luật thành văn đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. Do ảnh hưởng của đạo Phật, luật pháp triều Lý chứa đựng tinh thần nhân ái, khoan dung đối với nhân dân, bảo vệ, chăm lo tới cuộc sống của dân.

Sách Đại Việt sử ký toàn thư chép: *“Trước kia, trong nước việc kiện tụng phiền nhiễu, quan giữ việc hình cầu nệ luật văn, cốt làm khắc nghiệt, thậm chí bị oan uổng. Vua lấy làm thương xót sai trung thư sửa định luật lệnh châm*

chước cho thích dụng với thời bấy giờ, chia ra môn loại, biên ra nhiều khoản làm sách hình luật của một triều đại”². Chính lòng thương xót của vua Lý đối với dân chúng đã chi phối nội dung luật pháp của nhà nước, ấy là sự dung hợp giữa truyền thống của dân tộc Việt với tư tưởng nhân ái, cứu khổ của đạo Phật.

Với người vi phạm, vua Lý thường lấy lòng khoan dung mà tha thứ. Năm 1028, Lý Thái Tông lên ngôi đã tha tội làm phản cho Đông Chinh Vương, Dực Thánh Vương và Vũ Đức Vương. Năm 1043, Nùng Trí Cao ở Châu Quảng Nguyên làm phản, sau khi bắt được, vua không những tha tội mà còn ban đô ấn, phong làm Thái bảo và ban cho mấy châu.

Luật triều Lý đặc biệt chú ý tới người già, trẻ nhỏ, coi trọng công tác giáo dục. Pháp luật quy định những người trong độ tuổi từ 70 đến 80, trẻ nhỏ từ 15 đến 10 tuổi nếu phạm tội thì cho phép dùng tiền chuộc tội.

Trong xét xử, các vua Lý thường khoan dung, lấy giáo dục làm chính. Có lần khi đang xét xử, vua Lý Thánh Tông chỉ vào công chúa Động Thiên mà nói *“Ta yêu con ta cũng như lòng ta làm cha mẹ dân. Dân không hiểu biết mà mắc vào hình pháp, trăm rất thương xót. Từ nay về sau không*

kể tội gì nặng hay nhẹ đều nhất luật khoan giảm”³.

“Yêu dân như con” là đạo trị nước của triều Lý:

Tư tưởng nhân ái, từ bi của đạo Phật hòa quyện với truyền thống “thương người như thể thương thân” của dân tộc Việt Nam đã tạo nên tâm thế trị quốc của vua quan Lý triều. Các vua Lý có quan hệ gần gũi với nhân dân, coi trăm họ như con, hết mực chăm lo cuộc sống của dân. Họ có lệ thân chinh đi làm lễ cày ruộng tịch điền, kinh lý nắm bắt tình hình cuộc sống của dân. Năm 1010, sau khi lên ngôi, Lý Thái Tổ đại xá thuế khóa cho thiên hạ trong ba năm, những người già yếu, mồ côi, góa chồng thì được xóa thuế nợ.

Lòng nhân ái của các vua quan triều Lý đã vượt ra khỏi ranh giới giai cấp, địa vị xã hội, vượt qua không gian, xuyên suốt thời gian tồn tại của vương triều. *“Mùa đông năm Ất Mùi (1055) trời giá rét, Lý Thánh Tông nói với các quan rằng: ta ở trong cung kín, sưởi lò than, khoác áo lông mà còn rét như thế này. Ta nghĩ đến tù nhân bị nhốt trong lao tù, chịu trời buốt khổ sở, mà chưa biết phải trải ra sao. Ăn không đầy bụng, mặc chẳng che thân. Vì gió rét, nên có kẻ chết không nơi nương tựa. Ta thật thấy làm thương”⁴*.

Vua Lý Nhân Tông thường hay mở hội Phật và tha cho những người có tội. Lòng nhân ái, thương người của các vua Lý không chỉ đối với nhân dân Đại Việt mà còn cả với những tù binh Chiêm Thành. Năm 1010, Lý Thái Tổ đã tha cho 28 người Chiêm Thành bị Lê Ngọa Triều bắt trước đó và cấp thuốc men, quần áo, lương thực để họ trở về quê hương.

Tư tưởng “*yêu dân như con*” trong đạo trị nước của triều Lý không phải là thủ thuật chính trị của giai cấp cầm quyền mà là “*phản biểu diễn của lòng từ bi do Phật giáo gây nên*”⁵.

ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO VỚI CHÍNH SÁCH NỘI TRỊ THỜI TRẦN

Thời Trần, số người mến mộ Phật giáo rất đông, cả trong tầng lớp vua quan quý tộc cũng như giới bình dân xã hội. Do vậy, Phật giáo tiếp tục đóng một vai trò quan trọng, có ảnh hưởng và tác động lên nhiều mặt, nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Xây dựng mô hình thân dân:

Chính trị thời Trần là chế độ chính trị quân chủ quý tộc - chuyên chế, khẳng định chủ quyền dân tộc. Phật giáo được coi là quốc giáo, các nhà sư góp ý kiến và làm một số công việc giúp vua như thảo văn thư, tiếp sứ thần nước ngoài.

Tăng sĩ đời Trần không trực tiếp đóng góp vào sự nghiệp chính trị nhưng Phật giáo thực sự là yếu tố liên kết nhân tâm quan trọng. Tinh thần Phật giáo khiến các vua Trần áp dụng những chính sách bình dị, thân dân và dân chủ. Vua có quyền lực tối cao nhưng do ảnh hưởng tư tưởng từ bi, vị tha của Phật giáo nên luôn xem dân như con, chính quyền hoạt động theo nguyên tắc “*dân chi phụ mẫu*” và “*quốc dĩ dân vi bản*”, đội ngũ quan lại nêu gương đạo đức để cai trị dân, chăm lo cuộc sống nhân dân.



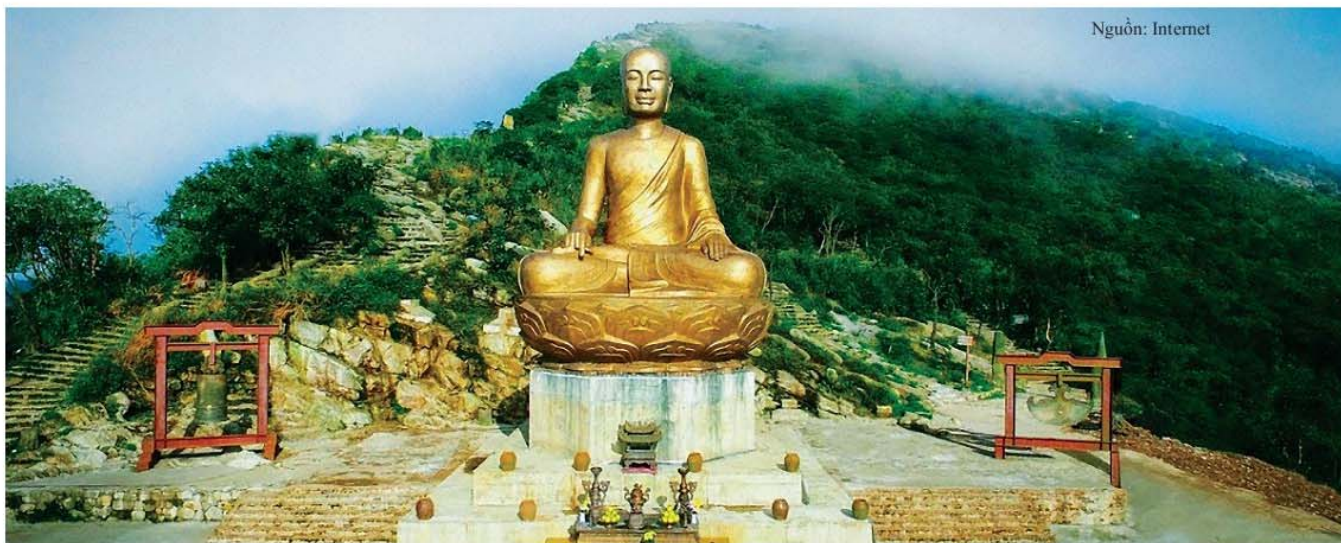
Nguồn: Internet

Tính nhập thế của Phật giáo tạo ra sự đồng thuận cao trong xã hội:

Trúc Lâm là thiền phái ra đời và phát triển dưới triều Trần với đặc tính nhập thế, đạo Phật phụng sự cho đời sống tâm linh và xã hội. Quốc sư Viên Chứng đã nói rõ về những nguyên tắc hướng dẫn đời sống của một nhà chính trị Phật tử: “*Đã làm người phụng sự dân thì phải lấy cái muốn của dân làm muốn của mình, phải lấy ý dân làm ý mình, trong khi đó không xao nhãng việc tu học của bản thân*”⁶.

Lời khuyên của Quốc sư Viên Chứng đối với vua Trần Thái Tông khi vua bỏ ngôi cao lên núi xuất gia, được nhà vua ghi trong bài tựa sách *Thiền Tông chỉ nam* như sau: *Phàm đã là người làm vua, tất phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình. Nay muốn dân muốn rước bệ hạ về thì bệ hạ sao có thể không về được? Duy có việc nghiên cứu nội điển, xin bệ hạ chớ sao lãng mà thôi*⁷.

Lời khuyên này đã thể hiện sự nhập thế sâu sắc của Phật giáo trong đời sống xã hội. Vua Thái Tông nói rằng: “*Nhà chính trị phải thực hiện đạo Phật trong xã hội*”. Sau này, Trần Nhân Tông cũng đã lĩnh



Nguồn: Internet

hội rất tốt tinh thần này của Trần Thái Tông và có nhiều chính sách nhằm phát huy tính nhập thể tích cực của đạo Phật trong xã hội. Vua Nhân Tông đi khắp thôn quê phá trừ các dâm từ, khuyên dân thực hành thập thiện.

Tinh thần Phật giáo hỗ trợ chính sách nội trị:

Tinh thần từ bi hỷ xả của đạo Phật là cơ sở cho sự đoàn kết nhân tâm, đoàn kết tôn giáo. Khi quân Nguyên đang mạnh, triều thần lăm kè hai lòng, có giao thiệp với giặc. Sau giặc thua chạy về Bắc, triều đình bắt được một tráp biếu hàng của các quan. Đình thần muốn lục ra để trị tội, nhưng vua Trần nghĩ rằng làm tội những kẻ tiều nhân cũng vô ích, bèn sai đem đốt cả tráp đi, cho yên lòng mọi người⁸.

Sự kiện xuất gia của vua Trần Nhân Tông khiến dòng thiền Trúc Lâm trở thành tôn giáo mạnh hỗ trợ triều đại. Cũng chính Thượng hoàng Nhân Tông

đã thực hiện chuyến thăm Chiêm Thành (năm 1301) nhằm giao hảo, tạo quan hệ hữu nghị và thể hiện thiện chí hòa bình. Chuyến viếng thăm còn góp phần *xiển dương đạo Phật ở một đất nước vốn có truyền thống Phật giáo như Chiêm Thành, mở rộng ảnh hưởng của tư tưởng Thiền xuống phía Nam*⁹.

Những năm mất mùa, nhiều người bệnh tật, triều đình hay khuyến cáo những nhà giàu dâng thóc gạo. Triều đình còn sai người chế thuốc để phát cho người bệnh. Vua Trần Minh Tông thường ngự ở phủ Thiên Trường, nhân dân ai đói và bệnh có thể đến đây để xin thuốc Hồng Ngọc Sương, hai tiền và hai thăng gạo.

Giáo sư Trần Văn Giàu từng viết: *"Cho dù bên Ấn Độ, bên Trung Quốc có những nhà sư làm quân sư đặc lực cho một số nhà vua, đó là sáng kiến của những nhà sư ấy theo tinh thần Phật giáo, chứ giáo lý Phật giáo không bàn về chính trị"*¹⁰.

Dưới thời Lý - Trần, Phật giáo phát huy cao độ tinh thần nhập thể, mặc dù toàn bộ hệ thống giáo lý không có mục đích giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc cùng cố nhà nước phong kiến, nhưng vẫn được nhà nước phong kiến suy tôn, chọn làm quốc giáo.

Chú thích:

1. Hoàng Xuân Hãn (2003), *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*, Nxb Quân đội nhân dân, tr.355.
2. Ngô Sĩ Liên (1984), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, tr.206.
3. Ngô Sĩ Liên (1984), sđd, tr.273.
4. Hoàng Xuân Hãn (2003), *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*, Nxb Quân đội nhân dân, tr.364.
5. Hoàng Xuân Hãn (2003), sđd, tr.365.
6. Nguyễn Lang (1994), *Phật Giáo Việt Nam Sử Luận Tập I*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.223.
7. Nguyễn Lang (1994), *Phật Giáo Việt Nam Sử Luận Tập I*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.225.
8. Viện Khoa học xã hội (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư - bản kỷ - quyển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.71.
9. Trần Thuận (2014), *Tư tưởng thời Trần*, Nxb Tổng hợp TP.HCM, tr.161.
10. Trần Văn Giàu (1993), *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*, Nxb TP.HCM.

TẠP CHÍ

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128

Kính gửi:



Lời tri ân Đại đức Thích Thiện Tâm – Ủy viên Thư ký, thành viên Ban Biên tập Tạp chí Văn hóa Phật giáo, Trụ trì Chùa Kim Linh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại đức đã hoan hỷ phát tâm cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) hùn phước in tạp chí số 355, để gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, Đại đức đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới. Ban Biên tập mong rằng trong thời gian tới, Tạp chí Văn hóa Phật giáo sẽ tiếp tục nhận được sự đóng góp của chư Tôn đức Tăng, Ni và quý thiện hữu trí thức để những ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có cơ hội tiếp tục lan xa hơn nữa, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

"Mong sao chân lý Phật đà
Vườn hoa Phật pháp hương xa thấm nhuần"
Kính nguyện hồng ân Tam bảo gia Đại đức thân
tâm an lạc, Phật sự viên thành.

Trân trọng!

TM. Tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Phó Tổng Biên tập TT, kiêm Tổng Thư ký Tòa soạn

Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Nhẫn

THƯ TRI ÂN



NHỮNG CON ĐƯỜNG DU NHẬP

PHẬT GIÁO KHÁC NHAU Ở ĐÔNG NAM Á

Võ Phúc Toàn*

Phật giáo là một tôn giáo lớn, có sức ảnh hưởng quan trọng ở châu Á. Từ Ấn Độ, theo các con đường khác nhau, Phật giáo được truyền vào Đông Nam Á từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên (TCN) và trở thành quốc giáo, gắn bó với đời sống chính trị - xã hội một số nước Đông Nam Á. Trong dòng chảy đó, vào thế kỷ thứ XIII - XIV, Phật giáo đồng thời xác lập vị trí quốc giáo tại hai quốc gia trung đại ở Đông Nam Á là Sukhothai (Thái Lan) và Đại Việt (Việt Nam). Tuy nhiên dưới những biến động lịch sử, Phật giáo vẫn giữ

vị trí quốc giáo của mình tại Thái Lan, nhưng tại Việt Nam sau thời kỳ đỉnh cao ở thế kỷ XIV, Phật giáo trở về địa hạt của đời sống dân gian.

PHẬT GIÁO TRUYỀN BÁ VÀO ĐÔNG NAM Á NHƯ THẾ NÀO?

Phật giáo ra đời tại Ấn Độ vào thế kỷ thứ VI TCN. Đến thế kỷ III TCN, nhờ sự ủng hộ của hoàng đế Ashoka, các đoàn truyền giáo được cử đến các nước lân cận để truyền bá giáo lý nhà Phật, như: vùng Tây Bắc của Shravasti (Uttar

Pradesh), Pataliputra (Patna ngày nay) ở Ấn Độ; Taxila (Pakistan ngày nay); Sri Lanka (Ceylon); khu vực Trung Á; Trung Hoa; Myanmar; Thái Lan,...¹ Con đường truyền đạo của các phái đoàn này theo hai hướng, dọc theo các con đường thương mại quan trọng của thế giới cổ đại.

Bên cạnh phái đoàn truyền bá do các tăng đoàn cử sang mà ngày nay chúng ta biết được qua các di vật khảo cổ Phật giáo tại các nước như Myanmar và Thái Lan, Phật giáo còn thâm nhập vào xã hội Đông Nam Á cổ đại qua con đường giao thương. Trên các thương thuyền từ Ấn Độ có sự đồng hành của các tăng sĩ để cầu nguyện và cúng dường Tam bảo. Chính những tăng sĩ này đã lập nên trung tâm Phật giáo tại Luy Lâu, miền bắc Việt Nam ngày nay².

Cần lưu ý, từ thế kỷ thứ III TCN đến thiên niên kỷ thứ nhất SCN, Phật giáo được truyền qua Đông Nam Á theo đường biển có cả truyền thừa Theravada và Mahayana. Các hiện vật Phật giáo theo phong cách Amaravati được phát hiện ở Phù Nam³ và Đồng Dương⁴ đã củng cố thêm sự có mặt của dòng truyền thừa Mahayana, bên cạnh dòng truyền

thừa Theravada ở Đông Nam Á ngay từ buổi ban đầu Phật giáo du nhập. Trên nền tảng của Phật giáo Đông Nam Á trong thiên niên kỷ thứ I SCN, Phật giáo tại Thái Lan và Việt Nam đã phát triển theo những con đường riêng.

Tại Việt Nam, con đường phát triển Phật giáo gặp phải những tác động lớn của lịch sử. Cũng được truyền theo con đường phía nam như các quốc gia Đông Nam Á khác nhưng Phật giáo vào Việt Nam trong thiên niên kỷ đầu SCN lại theo dòng truyền thừa Mahayana. Phật giáo Phù Nam ở phía nam bán đảo Đông Dương cùng lụi tàn với vương

quốc Phù Nam vào thế kỷ VII. Còn ở miền Trung Việt Nam, vương quốc Champa cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa Ấn Độ. Bà La Môn chiếm ưu thế trong đời sống chính trị và tinh thần ở đây. Phật giáo Mahayana vẫn tồn tại song song với Bà La Môn nhưng giữ vai trò thứ yếu. Thời kì đỉnh cao của Phật giáo tại Champa gắn với vương triều Indrapura vào cuối thế kỷ thứ IX. Nhà vua Indravarman II của Champa đã cho xây dựng Đồng Dương thành một trung tâm Phật giáo Mahayana lớn ở Đông Nam Á. Sự kiện này là hệ quả của làn sóng truyền bá Mahayana sang Đông Nam Á khi vương triều



Nguồn: Internet



Pala tại Magadha và Bengala được thành lập ở Ấn Độ vào thế kỷ VIII đến thế kỷ XII.

Hàng loạt công trình Phật giáo Đại thừa đã ra đời ở Đông Nam Á trong giai đoạn này như điện thờ Phật, Bồ tát Padmapani và Vajrapani ở bán đảo Malay vào năm 775; điện thờ Phật Bà Tara ở Java vào năm 778... và tiêu biểu nhất là ngôi đền Borobudur ở miền trung Java, Indonesia được xây dựng từ nửa cuối thế kỷ VIII đến thế kỷ thứ IX⁵. Tuy nhiên, Phật giáo Mahayana tại Champa có thể chỉ chiếm ưu thế đến năm 914. Đây là niên đại của tấm bia kí cuối cùng được phát hiện có

Thời kì đỉnh cao của Phật giáo tại Champa gắn với vương triều Indrapura vào cuối thế kỷ thứ IX. Nhà vua Indravarman II của Champa đã cho xây dựng Đồng Dương thành một trung tâm Phật giáo Mahayana lớn ở Đông Nam Á

nhắc đến Phật giáo ở Champa. Một số tượng đồng và bảo vật Phật giáo Champa vẫn tiếp tục xuất hiện vào thế kỷ X và XI cho thấy sự tồn tại dù hết sức khiêm tốn của Phật giáo Mahayana bên cạnh Bà La Môn⁶.

PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM VÀ THÁI LAN THỜI SƠ KỲ CÓ NHIỀU ĐẶC TRƯNG RIÊNG

Ở miền Bắc Việt Nam bấy giờ, Phật giáo lại có sự phát triển mạnh mẽ hơn. Nhiều kết quả nghiên cứu gần đây cho thấy, từ thế kỷ thứ II SCN, miền Bắc Việt Nam đã hình thành một trung tâm Phật giáo lớn tại Luy Lâu. Phật giáo vào đây trực tiếp từ Ấn Độ và trung tâm Luy Lâu đã phát triển trước các trung tâm Bành Thành và Lạc Dương (Trung Hoa). Tuy nhiên từ thế kỷ thứ V trở về sau, Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam lại ngày càng chịu ảnh hưởng của Mahayana Trung Hoa⁷. Hai dòng thiền thành lập ở miền Bắc Việt Nam vào thời kì Bắc thuộc là Tì Ni Đa Lưu Chi⁸ (Vinitaruci) và Vô Ngôn Thông⁹ đều xuất xứ từ Trung Hoa. Đây là bước chuyển quan trọng của Phật giáo Việt Nam, đánh dấu sự chuyển biến từ việc được truyền thừa Phật giáo Ấn Độ sang Phật giáo Trung Hoa.

Hệ quả cụ thể của sự chuyển biến này là việc sử dụng kinh văn ghi chép từ chữ Hán. Do đó, người muốn am hiểu Phật pháp thì phải học chữ Hán. Từ đây, các thiền sư đã trở thành những người tinh thông chữ Hán, giúp họ có thể am tường kinh sách cả Nho gia và Đạo gia.

Vì thế, khi những nhà nước độc lập đầu tiên ra đời sau một nghìn năm Bắc thuộc, các thiền sư được xem là những cố vấn chính trị quan trọng trong triều đình. Tăng ban là một trong ba ban của triều Ngô, Đinh và Tiền Lê, bên cạnh văn ban và võ ban. Đến thời Lý, Phật giáo càng chiếm được địa vị quan trọng trong đời sống chính trị xã hội Đại Việt, khi trở thành lực lượng ủng hộ Lý Công Uẩn lên ngôi sau cái chết của Lê Long Đinh vào năm 1009. Phật giáo thời Lý còn hình thành nên dòng Thiền Thảo Đường do nhà sư Thảo Đường sáng lập vào năm 1069. Dòng Thiền này chủ yếu dành cho tầng lớp quý tộc không xuất gia như: vua Lý Thánh Tông, Lý Anh Tông, Lý Cao Tông và các đại thần như: Thái phó Đỗ Anh Vũ, Thái phó Đỗ Thường...¹⁰ Như vậy đến triều Lý, Phật giáo Mahayana đã phát triển với 3 thiền phái đều xuất phát từ Trung Hoa:

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường.

Bên cạnh Thiền Tông, Tịnh Độ Tông và Mật Tông của Mahayana cũng du nhập vào Việt Nam và xuất hiện khá sớm. Nhưng trong ba tông phái này, Thiền Tông chiếm vai trò chủ đạo, các yếu tố của Tịnh Độ và Mật Tông không phát triển thành một hệ phái riêng như ở Trung Hoa, Nhật Bản hay Tây Tạng mà hòa quyện vào Thiền Tông¹¹. Sự phát triển của Thiền Tông ở Đại Việt thời Lý (1009-1225) đã tạo điều kiện cho Phật giáo nước ta phát triển đến đỉnh cao trong thế kỷ XIII-XIV.

Trong khi đó, diễn tiến phát triển Phật giáo tại Thái Lan cũng hết sức đặc biệt. Đầu cùng một xuất phát điểm tiếp thu trực tiếp Phật giáo Ấn Độ nhưng Việt Nam tiếp thu truyền thừa Mahayana còn vùng đất tương

ứng với lãnh thổ Thái Lan ngày nay lại du nhập dòng truyền thừa Theravada. Trước thế kỷ XIII, nơi đây chịu sự kiểm soát bởi các vương quốc của người Môn, Khmer và vương quốc Srivijaya ở Java. Phật giáo truyền vào Thái Lan từ thế kỷ thứ III TCN, sau lần kết tập kinh điển của vua Ashoka.

Các di chỉ và hiện vật khảo cổ có niên đại cùng thời với Ashoka được tìm thấy ở tỉnh Nakhon Pathom (tiếng Pali là Nagara-pathama - thành phố đầu tiên) đã chứng minh điều đó. Phật giáo thời kì Dvaravati thuộc truyền thống Theravada được truyền bá trực tiếp từ Ấn Độ. Tuy nhiên Phật giáo Mahayana cũng du nhập vào miền Nam Thái Lan dưới sự ảnh hưởng của hai đế quốc hùng mạnh ở Đông Nam Á thời cổ đại là Srivijaya và Angkor.

Sự phát triển của Thiền Tông ở Đại Việt thời Lý (1009-1225) đã tạo điều kiện cho Phật giáo nước ta phát triển đến đỉnh cao trong thế kỷ XIII-XIV.



Nguồn: Internet

Vào năm 757, đế chế Srivijaya kiểm soát vùng bán đảo Malay, trong đó có miền Nam Thái Lan ngày nay. Phật giáo Mahayana được truyền vào Nam Thái Lan theo con đường này. Nhiều tháp và tượng Phật, Bồ Tát được tìm thấy số lượng lớn ở Nam Thái Lan cùng chung một phong cách nghệ thuật với Java và Sumatra¹². Đến thế kỷ XI, Phật giáo Mahayana lại truyền vào vùng đất Thái Lan từ đế chế Angkor dưới vương triều Suryavarman. Trong khi đó vào năm 1057, Anuruddha Minsaw (Anawratha) trở thành vị vua quyền lực của Pagan (Myanmar ngày nay), mở rộng sức ảnh hưởng tại miền Bắc và Trung Thái Lan (Chiangmai, Lopburi, Nakhon Pathom)¹³. Và Pagan giai đoạn này theo truyền thống Phật giáo Theravada.

Như vậy, sau thiên niên kỷ thứ nhất, lãnh thổ Thái Lan đang chịu ảnh hưởng của các thế lực chính trị lớn ở Đông Nam Á bấy giờ là Srivijaya, Angkor và Pagan, cùng tồn tại các truyền thống Phật giáo Theravada và Mahayana. Sự thành lập các nhà nước của dân tộc Thái thế kỷ XIII đánh dấu quá trình chuyển biến lịch sử Phật giáo Thái Lan, thống nhất theo con đường Theravada.

Chú thích:

1. Benjamin Z. Kedar and Merry E. Weisner-Hanks (2015), *The Cambridge World History Volume 5: Expanding Webs of Exchange and Conflict*, 500CE-

1500CE, Cambridge University Press, p.450-451.

2. Nguyễn Lang (2014), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Văn học, tr.26.

3. Đặng Văn Thắng chủ biên (2016), *Các tiểu quốc thuộc vương quốc Phù Nam ở Nam bộ*, Nxb. Đại học Quốc gia TP.HCM, tr.102.

4. Ngô Văn Doanh (2015), *Phật viện Đồng Dương một phong cách nghệ thuật của Champa*, Nxb. Văn hóa văn nghệ, tr. 45-49.

5. Ngô Văn Doanh (2015), *Phật viện Đồng Dương một phong cách nghệ thuật của Champa*, sdd, tr.11.

6. Pierre - Bernard Lafont (2012), *Vương quốc Champa: Địa dư, Dân cư và Lịch sử*, International Office of Champa, tr.75

7. Hà Văn Tấn (2017), *Trầm tư dưới mái chùa Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.30.

8. Tì Nĩ Đa Lưu Chi (?-594) mặc dù là người Ấn Độ nhưng là học trò của Thiền sư Tăng Xán, tổ thứ 3 của Thiền Tông Trung Hoa. Năm 580 sang Giao Châu trụ trì chùa Pháp Vân, dịch kinh Tổng trì. Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga dịch (1993), *Thiền uyển tập anh*, Nxb. Văn học, tr.167-168.

9. Vô Ngôn Thông (?-826) là người Quảng Châu, Trung Hoa. Năm 820, ông đến Giao Châu trụ trì chùa Kiến Sơ.

10. Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga dịch (1993), *Thiền uyển tập anh*, sdd, tr.247-248.

11. Hà Văn Tấn (2017), *Trầm tư dưới mái chùa Việt*, sdd, tr. 291.

12. Karuna Kusalasaya, *Buddhism in Thailand - Its past and its present*, Buddha Dharma Education Association Inc, p.13.

13. Karuna Kusalasaya, *Buddhism in Thailand - Its past and its present*, Buddha Dharma Education Association Inc, p.15.

* Ths Võ Phúc Toàn, Đại học KHXH&NV - ĐHQG TP.HCM.





Minh Kim - Quách Văn Thành

Nguồn: Thuvienhoasen.org

TÌNH THẦN TỪ BI - VÔ NGÃ CỦA PHẬT GIÁO

SONG HÀNH CÙNG LỊCH SỬ - VĂN HÓA DÂN TỘC

Một số nghiên cứu cho thấy đạo Phật du nhập vào miền Bắc nước ta từ thế kỷ III (có thuyết cho là từ cuối TK I) theo các tuyến hải lộ xuất phát từ Ấn Độ. Trải qua gần hai nghìn năm đồng hành cùng dân tộc, đạo Phật đã thâm nhập sâu vào đời sống và góp phần tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Một trong những tư tưởng nổi bật nhất của Phật giáo đã làm nên bản sắc văn hóa Việt Nam, đó là tinh thần Từ Bi - Vô Ngã - Vị Tha.

Từ điển Phật học định nghĩa về Từ Bi như sau: *Từ và Bi là hai trong bốn tâm rộng lớn (tứ vô lượng tâm) của chư Phật và Bồ Tát. “Từ” là lòng lành, do tâm lòng ấy mà làm lợi ích và đem an lạc đến cho chúng sanh. “Bi” là lòng xót, do tâm lòng ấy mà cứu tai nạn, khổ não cho chúng sanh.*



Từ Bi của Phật giáo là lòng thương xót bao trùm lên cả chúng sinh, tức bao gồm con người, động vật và thực vật.

Vô Ngã là một trong những phạm trù nền tảng của triết học Phật giáo. Trong phạm vi bài này, người viết định nghĩa *Vô Ngã* là buông xả sự chấp thủ vào một *Cái Ngã* thường hằng, xóa bỏ ảo tưởng về sự tồn tại của *Cái Ngã* ấy như tinh thần “Chư pháp vô ngã” của Phật giáo. Chúng ta không đề cao tuyệt đối những gì thuộc về bản thân, chúng ta lại hằng quan tâm lợi ích của tha nhân, vì tha nhân và ta có sự tương dung. Do đó, *Vô Ngã* thường đi đôi với *Vị Tha*, *Từ Bi* là vậy.

Một trong những tác phẩm còn lại từ thời kỳ đầu Công nguyên

phản ánh tư tưởng Phật giáo trong xã hội người Việt cổ bấy giờ là *Lục Độ Tập Kinh*. Tác phẩm này tương truyền do sư Khương Tăng Hội biên dịch, sử dụng những câu chuyện tiền thân của Phật khi Ngài còn tu hạnh Bồ tát để minh họa cho Sáu pháp Ba la mật (Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ).

Trong rất nhiều truyện được viết trong *Lục Độ Tập Kinh*, tư tưởng *Từ Bi* thể hiện rõ, ví như: “*Dân bốn thiên hạ quý sự dạy bảo nhân từ, vâng thờ ba ngôi báu, làm mười điều lành, lấy đó làm phép trị nước, đến được hạnh phúc mãi mãi*”. Ở một truyện khác, sách viết: “*Ta thà bỏ mạng sống một đời chứ không bỏ chí lớn, quên mình để yên ổn quần sinh, đó là lòng nhân bao trùm trời đất vậy*”.

Suốt nghìn năm Bắc thuộc, đạo Phật vẫn luôn sát cánh cùng với dân tộc. Chư Tăng Ni thường đem giáo lý Khổ-Vô Thường làm bài học thường ngày cho Phật tử, giáo dục họ tinh thần vượt qua “bể khổ” và luôn nuôi hy vọng một ngày cời ách nô lệ. Chính trong nỗi khổ của kiếp bị ngoại bang áp bức, dân ta vẫn đùm bọc nhau trong cơn hoạn nạn theo tinh thần *Từ Bi-Vô Ngã*.

Bước vào thời đại tự chủ, Phật giáo ngày càng được trọng vọng, tư tưởng Phật giáo ngày càng thấm nhuần vào phương sách trị quốc, an dân. Thời nhà Lý và nhà Trần chứng kiến nền toàn thịnh của Phật giáo trong chính trị và xã hội.

Đơn cử, năm 1065 (Thiên Thánh Gia Khánh nguyên niên), vua Lý

Nguồn: Internet

Nền văn hóa Việt Nam thấm nhuần tinh thần
Tứ Bi-Vô Ngã của Phật giáo.

Thánh Tông trong phiên xử kiện ở điện Thiên Khánh đã trở vào công chúa Động Thiên mà bảo ngục lại rằng: “Lòng ta yêu con ta cũng như lòng cha mẹ dân yêu dân, dân không biết mà mắc vào hành pháp, ta rất lấy làm thương. Từ nay về sau, không cứ gì tội nặng hay nhẹ, đều nhất luật khoan giảm”. Vua cũng đã răn dạy các quan: “Trẫm ở trong cung nào lò sưởi ngự, nào áo lót cầu mà còn rét như thế này, nghĩ đến người tù giam trong ngục, khổ sở về gông cùm, chưa biết rõ ngay gian mà ăn không được no bụng, áo không kín mình, gió rét khổ thân, hoặc có kẻ chết không nơi nương tựa, trẫm rất thương xót. Vậy hạ lệnh cho hữu ty phát chẩn chiếu và mỗi ngày cho ăn hai bữa cơm”.

Sự thực hành Tứ Bi trong chính trị Đại Việt bấy giờ vừa đoàn kết nhân tâm, vừa củng cố quốc lực. Chiến thắng trước Chiêm Thành và nhà Tống, dân gian ít khởi

loạn, vua quan gần gũi với nhân dân, những điều đó nói lên được đặc tính an bình của nền Lý triều thịnh thế.

Tinh thần Tứ Bi cứu khổ của Phật giáo còn được thể hiện rất phổ quát và sinh động qua hình ảnh Quán Thế Âm Bồ Tát mà dân gian thường gọi một cách thân thương là *Phật Bà Quan Âm* hay gần gũi hơn *Mẹ Quan Âm*. Rất nhiều truyền thuyết về Bồ Tát Quán Thế Âm được lưu truyền trong dân gian qua những tác phẩm văn học trung đại như: *Quan Âm Nam Hải*, *Quan Âm Diệu Thiện*, *Quan Âm Thị Kính*... Trong các tác phẩm trên, người đọc luôn cảm nhận nơi nhân vật Quan Âm những đức tính Tứ Bi, Vô Ngã, Vị Tha.

Nền văn hóa Việt Nam thấm nhuần tinh thần Tứ Bi-Vô Ngã của Phật giáo. Lướt qua một vài trang trong kho tàng ca dao tục

ngữ Việt Nam, ta dễ dàng nhận ra điều đó. Để khuyến thiện con cháu, ông bà ta có những câu: “*Ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ*”, “*Ác giả ác báo, thiện giả thiện lai*”... Khi quê hương gặp thiên tai địch họa, ông bà khuyến dạy con cháu hãy ra tay tương trợ đồng bào: “*Nhiều điều phù lấy giá gương/ Người trong một nước phải thương nhau cùng*”, “*Lá lành đùm lá rách*”...

Ngày nay, có thể khẳng định rằng tinh thần Tứ Bi-Vô Ngã của đạo Phật đã trở thành dân tộc tính của người Việt Nam, thông qua lối ứng xử trong cộng đồng xã hội. Giữa đợt bão lũ vừa qua, đồng bào khắp cả nước chung tay quyên góp, chia sẻ gánh nặng cho người dân bị thiên tai. Nhiều tấm gương Phật tử tham gia cứu trợ bão lũ là hiện thân của tinh thần tứ bi, vô ngã, vị tha, chứng tỏ sự giao hòa giữa nền đạo đức Phật giáo và văn hóa dân tộc.



Ngày lũ tan...

Huỳnh Thị Mộng Tuyền



Mẹ nhìn mùa lũ đi qua
Khoảng sân lầy lội nóc nhà nắng xiên
Cha ngồi bóng đổ nghiêng nghiêng
Cánh cò ngơ ngác đồng làng nơi đâu.

Mục đồng ngơ ngẩn tìm trâu
Làng quê xơ xác bạc đầu nắng mưa
Con đường xác lá lưa thưa
Còn đâu năm tháng ngày chưa lũ về?

Em tôi ngồi khóc trên đê
Nhìn mùa lũ rút đường về gổn ngang
Rừng rưng đứng trước cổng làng
Thương người vất vả trong màn mưa rơi.

Đi qua mùa lũ trắng trời
Tình làng nghĩa xóm ngọt lời quê hương
Khói chiều từng sợi vấn vương
Nghe trong nỗi nhớ niềm thương quê nhà...



CHÙA KIM NGƯU

Khởi công đại trùng tu

Chùa Kim Ngưu, Thôn Cổ Miếu, xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh là một ngôi Cổ Tự được tạo dựng từ thời Cao Biền thế kỷ thứ IX. Chùa gắn liền với sự tích con Trâu vàng bay về Hồ Tây. Nhân dân thời ấy thấy ánh hào quang từ con Trâu rực sáng, nhận thấy đất này là mảnh đất linh thiêng, nên đã tạo dựng nên ngôi chùa và đặt tên là Kim Ngưu. Sự tích về con Trâu vàng - chùa Kim Ngưu ngày nay vẫn được thờ tại phủ Tây Hồ - Hà Nội



Trải qua thăng trầm của lịch sử, sự tác động của thiên nhiên ngôi chùa đã bị hư hoại, chỉ còn lại một số dấu tích nền móng chùa cũ và tượng Hộ pháp. Năm 2014, Phật tử nhân dân làng quê tuy còn khó khăn nhưng trên nền móng cũ, đã dựng một ngôi chùa tạm để thờ Phật. Trải qua mưa nắng, chùa Kim Ngưu hiện tại đã không còn đáp ứng được cho việc sinh hoạt, tu học của nhân dân Phật tử.

Được sự quan tâm của GHPGVN tỉnh Bắc Ninh, lãnh đạo các cấp chính quyền và nhân dân sở tại đã tạo điều kiện cho Đại đức Thích Giác Giáo về trông coi ngôi bản tự. Từ khi về chùa, trước sự xuống cấp, mối mọt, tường bở, thầy Thích Giác Giáo đã trần trọc, suy tư và quyết định cùng với chư Tăng bốn tự, Phật tử phát đại nguyện xây dựng lại ngôi Tam Bảo để trang nghiêm cảnh Phật và tạo điều kiện cho Phật tử có nơi để tu học. Lễ đặt đá xây dựng đại trùng tu sẽ tổ chức vào ngày 01/11/2020 (nhằm ngày 16/09 Canh tý).

Chúng con kính nguyện trên nhờ hồng ân Tam Bảo, dưới nhờ sức chú nguyện của hiện tiền Chư Tôn đức Tăng, Ni và tha thiết kêu gọi sự phát tâm trợ giúp gieo duyên lành của quý Phật tử, thiện nam tín nữ gần xa ủng hộ tịnh tài cũng như tịnh vật để ngôi Tam Bảo sớm được hoàn thành viên mãn.

**“Xây chùa tạc tượng đức chuông
Ba công đức ấy thập phương nên làm”**



Chủ TK: Đào Ngọc Toàn
(ĐĐ. Thích Giác Giáo)

BIDV Chi nhánh Từ Sơn Bắc Ninh
STK: 2561.00035.66666
VP Bank chi nhánh Thụy Khuê, Hà Nội
STK: 631.22.9999
Vietcombank chi nhánh Pleiku, Gia Lai
STK 0291.000.261.593

**Điện thoại: 034.772.9999
056.55.11111**



THƯ TRI ÂN

TẠP CHÍ
VĂN HÓA
P HẬT G I Á O

ISSN 2734-9128



Kính gửi:

Lời tri ân Thượng tọa Thích Thiện Thành –
Trưởng ban Nghi lễ BTS GHPGVN tỉnh Kiên Giang,
Trụ trì chùa Bửu Kim, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Thượng tọa đã hoan hỷ phát tâm cúng dường
tịnh tài (7,5 triệu đồng) hùn phước in tạp chí số
355, để gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn
đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, Thượng tọa đã
góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đã
cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng
khắp tha nhân các giới. Ban Biên tập mong rằng
trong thời gian tới, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo sẽ
tiếp tục nhận được sự đóng góp của chư Tôn đức
Tăng, Ni và quý thiện hữu tri thức để những ấn
phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có cơ hội tiếp
tục lan xa hơn nữa, góp phần vào công cuộc
hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

*"Mong sao chân lý Phật đà
Vườn hoa Phật pháp hương xa thấm nhuần"*

Kính nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ Thượng
tọa thân tâm an lạc, Phật sự viên thành.
Trân trọng!

TM. Tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Phó Tổng Biên Tập TT, kiêm Tổng Thư ký Tòa soạn

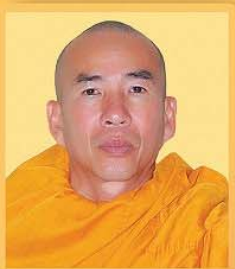
Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Nhân



TẠP CHÍ

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128



KÍNH GỬI

Lời tri ân Thượng tọa Thích Giác Tấn - chứng minh BTS GHPGVN huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, Trụ trì Chùa Thanh Lương.

Thượng tọa đã hoan hỷ phát tâm cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) hùn phước in tạp chí số 355, để gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, Thượng tọa đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới. Ban Biên tập mong rằng trong thời gian tới, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo sẽ tiếp tục nhận được sự đóng góp của chư Tôn đức Tăng, Ni và quý thiện hữu tri thức để những ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có cơ hội tiếp tục lan xa hơn nữa, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

"Mong sao chân lý Phật đà

Vườn hoa Phật pháp hương xa thấm nhuần".

Kính nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ Thượng tọa thân tâm an lạc, Phật sự viên thành.

Trân trọng!

TM. Tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Phó Tổng Biên Tập TT, kiêm Tổng Thư ký Tòa soạn

Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Nhân



THƯ TRI ÂN



PHẬT GIÁO

VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG



MẠC CAO - ĐÔN HOÀNG

THẠCH ĐỘNG PHẬT TÍCH QUA NGHÌN NĂM DÂU BỀ

Lưu Hùng

ĐÔN HOÀNG - ĐIỂM HỘI TỤ LỊCH SỬ

Đôn Hoàng, nằm ở phía Tây tỉnh Cam Túc và phía Đông sa mạc Taklamakan, là một địa danh rất quan trọng trong lịch sử Phật giáo và cương vực Trung Quốc. Di sản thế giới được UNESCO công nhận này là minh chứng cho hàng nghìn năm trao đổi văn hóa, nghệ thuật cũng như sự phát triển rực rỡ của Phật giáo qua con đường tơ lụa.

Trong đó, quần thể hang động Mạc Cao, cách Đôn Hoàng khoảng 25km về phía Đông Nam, trở thành kho lưu trữ những tư liệu về đời sống tôn giáo, nghệ thuật, kinh tế, chính trị và xã hội Phật giáo của vùng đất này.

Các nghiên cứu khảo cổ học cho thấy hơn 2.000

năm trước Công nguyên, Đôn Hoàng đã có dấu vết con người sinh sống, rất có thể là tổ tiên người Khương theo sử liệu Trung Quốc. Đây cũng là quê hương người Nguyệt Chi được Tư Mã Thiên nhắc đến trong Sử Ký. Danh xưng Đôn Hoàng có thể là tên Hán hóa của dân tộc Tukhara từng sinh sống rộng khắp vùng Trung Á và thuộc một nhánh người Nguyệt Chi. Đến thế kỷ III TCN, vùng đất này nằm dưới sự cai quản của dân tộc Hung Nô, rồi rơi vào tay nhà Hán sau cuộc chiến năm 121 TCN.

Đôn Hoàng được Hán Vũ Đế thiết lập như một trọng điểm chiến lược vào năm 111 TCN để mở rộng sức mạnh quân sự và thực thi những lợi ích thương mại. Triều đình đưa người từ trung nguyên



Nguồn: Internet

Nằm ở vị thế cửa ngõ ra Tây Vực và cách xa kinh sư, Đôn Hoàng trở thành điểm lý tưởng để nhiều trí thức cùng giới quý tộc Trung Hoa lánh nạn trong cơn biến loạn từ thế kỷ III đến thế kỷ VI.

đến định cư và đóng quân để bảo vệ, khai phá đất đai. Từ đó, Đôn Hoàng trở thành một tiền đồn quan trọng. Là cửa ngõ đến Trung A, nơi đây phát triển thành trung tâm thương mại chuyên buôn bán các sản phẩm từ văn minh Trung Hoa như: thảo dược, gia vị, rượu, trầm, gỗ trầm, lụa, gốm sứ... Vì nguồn lợi lớn, nhiều cuộc chiến đẫm máu đã xảy ra giữa nhà Hán và các triều đại kế tục với những tộc người khác nhằm kiểm soát tuyến huyết mạch kinh tế này.

Từ đầu Công nguyên, Đôn Hoàng ngày càng trở nên sầm uất. Dựa vào sử liệu còn sót lại, ta có thể

khái lược về khu vực này như sau: Vạn Lý Trường Thành mở rộng đến Đôn Hoàng và một số tháp canh xuất hiện xa hơn về sa mạc phía tây. Đến thế kỷ II, Đôn Hoàng đã có hơn 7 vạn dân cư sinh sống. Nơi đây trở thành cứ địa chính cung cấp lương thực và nước uống cũng như chỗ dừng chân cho các đoàn lạc đà trong khu vực. Các hang động Phật tích đầu tiên ở Đôn Hoàng ra đời khoảng giữa thế kỷ IV.

Nằm ở vị thế cửa ngõ ra Tây Vực và cách xa kinh sư, Đôn Hoàng trở thành điểm lý tưởng để nhiều trí thức cùng giới quý tộc Trung Hoa lánh nạn trong cơn biến loạn từ thế kỷ III đến thế kỷ VI. Kết hợp với luồng giao thương tăng mạnh ở bên ngoài, triết học và tôn giáo Ấn Độ tìm được điểm dừng chân thích hợp ở đây trước khi tiếp cận trung tâm văn minh Trung Hoa.

Vào thế kỷ III, ngài Trúc Pháp Hộ (Dharmaraksa) gốc Nguyệt

Thị, đã hành đạo rất tích cực ở Đôn Hoàng trước khi đến Trường An và Lạc Dương, chuyên thuyết giảng và dịch nhiều bản kinh cho đại chúng với biệt hiệu “Bồ Tát Đôn Hoàng”. Ngài Trúc Pháp Phong (Dharmaksema), một dịch giả Phật giáo khác cũng từng lưu trú ở đây vào thế kỷ V.

Dịch giả Phật giáo quan trọng nhất thời kỳ đầu là Cư Ma La Thập (Kumarajiva) từ Kucha (Diêu Tân), đã hành đạo tại Đôn Hoàng trước khi đến Trường An. Từ đó, những phái đoàn truyền đạo và những người hành hương Phật giáo nhập Trúc cầu pháp trong hành trình thỉnh kinh, chiêm bái các thánh tích Phật giáo Ấn Độ cũng đã đi ngang qua đây. Một cộng đồng Phật giáo hình thành ở Đôn Hoàng và những kiến trúc Phật giáo như: chùa, tháp được kiến tạo. Một loại kiến trúc mới - kiến trúc chùa hang động cũng được hưng khởi, tiêu biểu là quần thể hang Mạc Cao.

**QUẦN THỂ HANG MẠC
CAO - PHẬT NGỌC CỦA
ĐÔN HOÀNG**

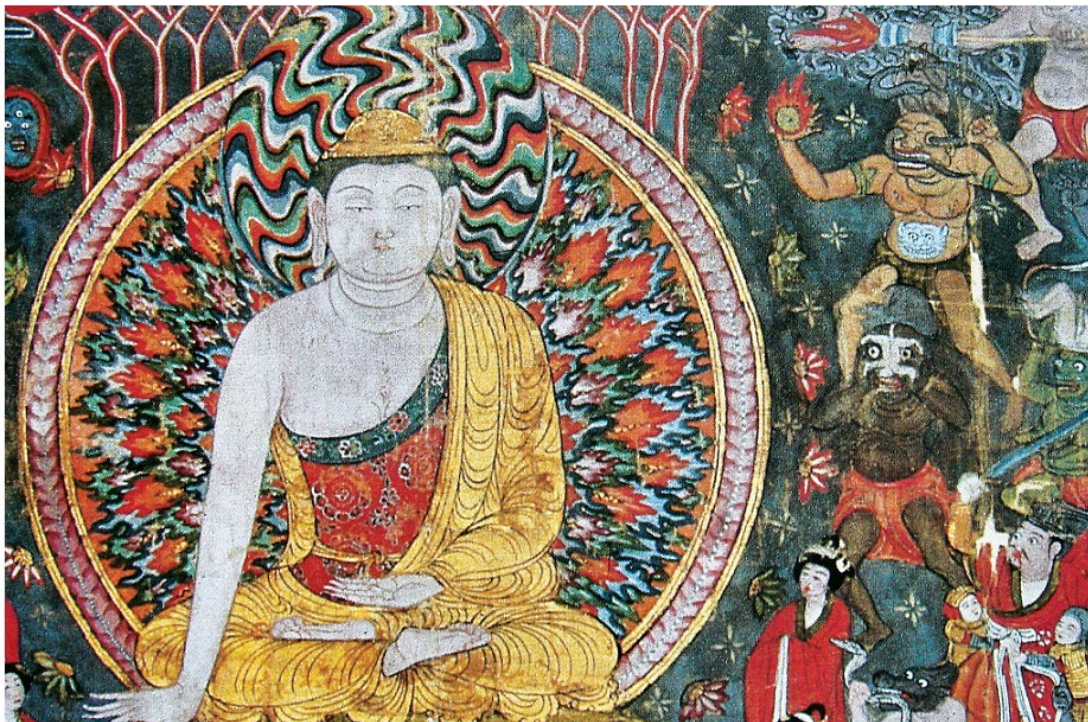
Hang Mạc Cao hay hang động Ngàn Phật hoặc Thiên Phật động là hệ thống 492 tự viện, cách Đôn Hoàng 25km về phía Đông Nam, thuộc tỉnh Cam Túc (Trung Quốc) ngày nay. Các nhà khảo cổ cho biết hang động sớm nhất được du tăng Lạc Tôn kiến tạo vào năm 366. Theo tác phẩm Phật Khâm Ký của Lý Quân Tu thời Đường, khi đến ngọn núi này, sư Lạc Tôn bất chợt nhìn thấy những sắc vàng phát ra như thể hàng nghìn vị Phật xuất hiện trên vách núi. Cho là điềm lành, ông sửa sang lại một hang động và an trú tại đây trong thời gian dài.

Sau ông, nhà sư Pháp Lương đã trang hoàng hang động thứ hai gần kề hang của Lạc Tôn. Ngày

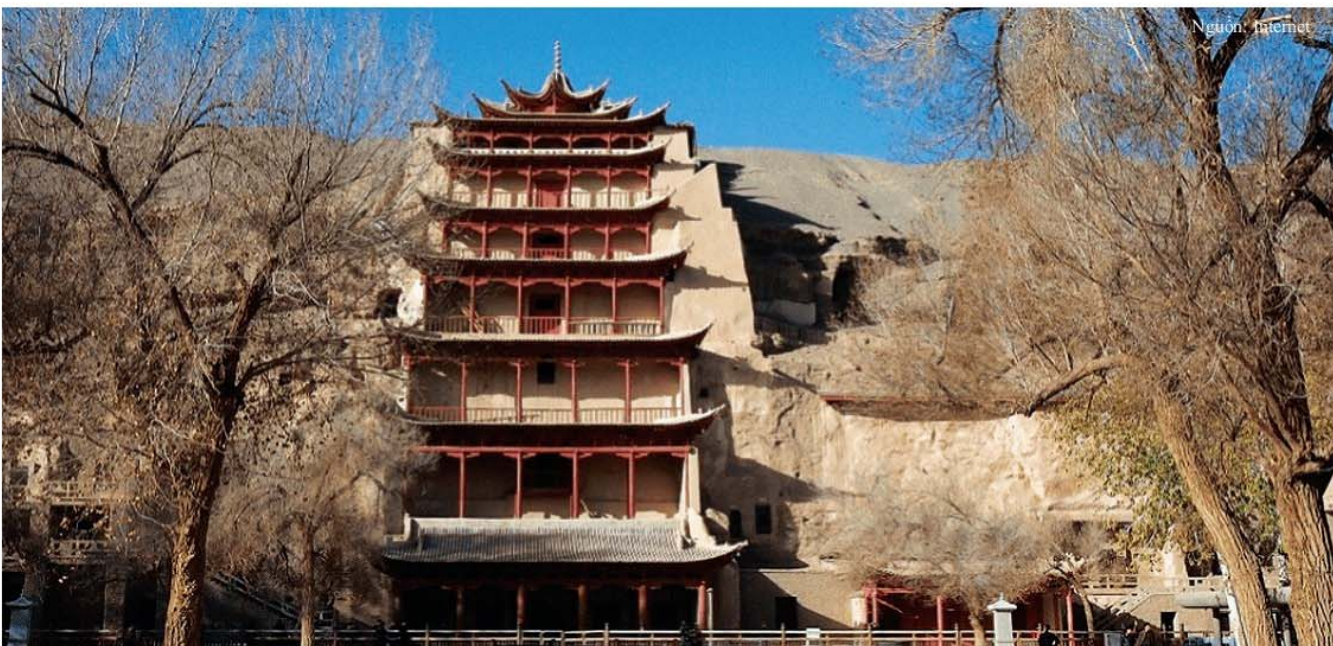
nay, các nhà khảo cổ chưa thể xác định vị trí chính xác của hang động này. Triều đại Bắc Lương (397-439) đã phái một số tăng sĩ và đóng góp nhân tài, vật lực cho công cuộc cải tạo các hang động ở Đôn Hoàng nói chung và khu vực Mạc Cao nói riêng. Giới quý tộc nhà Bắc Ngụy (386-534) và Bắc Chu (557-581) thường chiêm bái các thạch động Phật tích ở Mạc Cao, đánh dấu bước phát triển của Phật giáo tại Trung Quốc khi giáo lý Phật đã được triều đình tôn sùng.

Đến thời nhà Đường, số lượng hang động Mạc Cao được tu bổ thành thạch tự tăng lên hàng nghìn. Các bức bích họa và kiến trúc giao thoa giữa văn hóa Tây Vực với Trung Hoa thịnh hành khắp khu vực. Những bích họa ở đây phần lớn đều mang đề tài

Đến thời nhà Đường, số lượng hang động Mạc Cao được tu bổ thành thạch tự tăng lên hàng nghìn. Các bức bích họa và kiến trúc giao thoa giữa văn hóa Tây Vực với Trung Hoa thịnh hành khắp khu vực.



Một bức bích họa đức Phật với chúng sinh lục giới vây quanh (Nguồn: Internet)



Phật giáo. Các bức vẽ liên hoàn theo cốt truyện kinh Phật và sử tích Phật giáo, kết hợp những truyền thuyết cùng nhân vật lịch sử về Phật giáo Ấn Độ, Trung Á và Trung Quốc. Ngoài ra, bích họa các thời đại đã phản ánh đời sống xã hội, trang phục, đồ trang sức, tạo hình kiến trúc cổ đại và âm nhạc, múa, xiếc... của các tầng lớp lẫn dân tộc lúc bấy giờ.

Phật tử đến đây hành lễ không chỉ giới hạn trong lớp quý tộc các vương triều mà còn có bình dân và thương nhân. Một số hang động được sử dụng để tu tập thiền định, một số khác làm nơi giảng pháp. Đến cuối thời nhà Đường, vương triều Tây Tạng kiểm soát Đôn Hoàng và toàn bộ quần thể thạch tự hang Mạc Cao, bắt đầu tôn tạo theo xu hướng Mật giáo.

Sự phồn thịnh của Phật giáo ở Đôn Hoàng nói chung và Mạc Cao nói

riêng còn thể hiện qua số lượng tư liệu, khi có hơn 15 nghìn quyển sách và hơn 5 vạn bản thảo ra đời tại đây từ năm 406 đến năm 1002. Chủ đề các tài liệu này vô cùng phong phú, từ kinh điển Phật giáo Bắc tông và Nam tông, những văn bản tôn giáo khác (Cảnh giáo, Mani giáo, Islam, Do Thái giáo) đến luận thuyết triết học đương thời cùng nhiều văn bản hành chính của các vương triều. Nhiều thể hệ tăng sĩ Phật giáo đã ra sức thu thập, chỉnh lý và bảo quản những văn bản này. Đó là đóng góp văn hóa - lịch sử không tài nào kể xiết vì có một số văn bản cực kỳ quý giá, tưởng như thất lạc đã được tìm thấy ở Mạc Cao.

Sau khi nhà Đường diệt vong (907), vị thế Đôn Hoàng bắt đầu suy yếu. Tuy vậy, các hang động mới vẫn tiếp tục được khai thác cho hoạt động Phật sự suốt thời Ngũ đại Thập quốc và lưỡng

Tống. Đến cuối thế kỷ XIII, những cuộc chinh phạt liên miên của người Ả Rập, người Turk và đế quốc Mông Cổ làm sụp đổ cơ cấu quyền lực chính trị và kinh tế khu vực, khiến vai trò trọng yếu của con đường tơ lụa trên bộ nối liền Trung Hoa với phương Tây qua các lộ tuyến Trung Á bị thu hẹp dần. Đồng thời, hải lộ kết nối Ấn Độ Dương và Đông Nam Á phát triển mạnh mẽ, giúp thương nhân Đông-Tây có thể chuyển chở lượng hàng hóa lớn hơn, chi phí và độ rủi ro thấp hơn so với đường bộ truyền thống. Những yếu tố này khiến vị thế cửa ngõ của Đôn Hoàng mai một và dân cư nơi đây dần phiêu tán. Thế kỷ XIV đánh dấu sự biến mất của Đôn Hoàng trên bản đồ quyền lực khu vực.

Cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, đoàn thám hiểm châu Âu bắt đầu quan tâm nghiên cứu con

Triển lãm Nghệ thuật Phật giáo về hang động Đôn Hoàng tại Los Angeles, Hoa Kỳ (Nguồn: Internet)



Năm 1961, Trung Quốc đặt Đôn Hoàng dưới sự bảo vệ nghiêm ngặt và công cuộc phục hồi, tôn tạo những bức bích họa, lưu trữ bản thảo ở quần thể hang Mạc Cao được duy trì liên tục đến nay.

đường tơ lụa và các đô thị bị lãng quên ở Trung Á. Họ tình cờ băng qua Đôn Hoàng và ấn tượng sâu sắc với những bức bích họa, tượng, vật tạo tác của tiền nhân như thạch bi Túc Lai Man thời nhà Nguyên. Ước tính bấy giờ, Đôn Hoàng sở hữu khoảng 46.000 mét vuông bích họa trong các thạch động. Một số người Trung Quốc như đạo sĩ Vương Viên Lục vốn trông nom đạo quán ở Mạc Cao đã hợp tác với các nhà thám hiểm châu Âu.

Tình trạng bảo quản tư liệu và bích họa ở Mạc Cao tương đối tốt, đặc biệt trong các hang động bị niêm phong hoặc bị sa mạc che lấp. Năm 1904, quan lại bản địa của Thanh triều đã rao bán lượng lớn tài liệu và vật phẩm từ các hang Mạc Cao. Nhiều đoàn khảo cổ của Aurel Stein, Paul Pelliot, Otani Kozui, Sergei F. Oldeburg,... đã mua lại các bảo vật vô giá ấy. Công trình khảo cứu sớm nhất về Đôn Hoàng lần quần thể hang Mạc Cao do La Chấn Ngọc - học giả Trung Quốc kỳ cựu - xuất bản năm 1909, nhan đề “Bản thảo của hang động Đôn Hoàng”. Suốt hai thập niên 1910 đến 1930, tình trạng bất ổn chính trị khiến nỗ lực bảo vệ Đôn Hoàng khỏi sự cướp bóc kém hiệu quả. Mãi đến năm 1941, Trung Quốc mới bắt đầu bình ổn được khu vực này.

Năm 1961, Trung Quốc đặt Đôn Hoàng dưới sự bảo vệ nghiêm ngặt và công cuộc phục hồi, tôn tạo những bức bích họa, lưu trữ bản thảo ở quần thể hang Mạc Cao được duy trì liên tục đến nay. Hiện nay, dưới núi Tam Nguy đối diện Mạc Cao, người ta đã xây dựng Trung tâm trưng bày nghệ thuật Đôn Hoàng, mô phỏng lại một số hang động trước đây, vừa bảo tồn văn vật, vừa mang lại nội dung phong phú hơn cho khách thập phương tham quan. Trong số hàng nghìn hang động được tôn tạo, còn 735 hang động tồn tại ở Mạc Cao, đặc biệt có giá trị là 487 hang động ở phía Nam. Vị thế của Đôn Hoàng từ cửa ngõ tiếp dẫn Phật giáo trong thời trung đại, giờ đã trở thành trung tâm bảo tồn những tư liệu vô giá của nhân loại.

Chú thích:

1. Sử cũ gọi là Tháp Khắc Lạp Mã Can.
2. Lin Meicun (1998), *The Western Regions of the Han-Tang Dynasties and the Chinese*, Wenwu Chubanshe, Beijing, pp.64-67.
3. Judy Bonavia (2004), *The Silk Road From Xi'an to Kashgar*, Odyssey Publications, p.162.
4. Stuart Murray (2009), *The Library: An Illustrated History*, Skyhorse Publishing, p.49.

Trần trở về một XÃ HỘI HƯỚNG THIỀN



Nguyễn Cần

NGHĨ VỀ NGUỒN CON CỦA BẠO LỰC VÀ CÁI ÁC

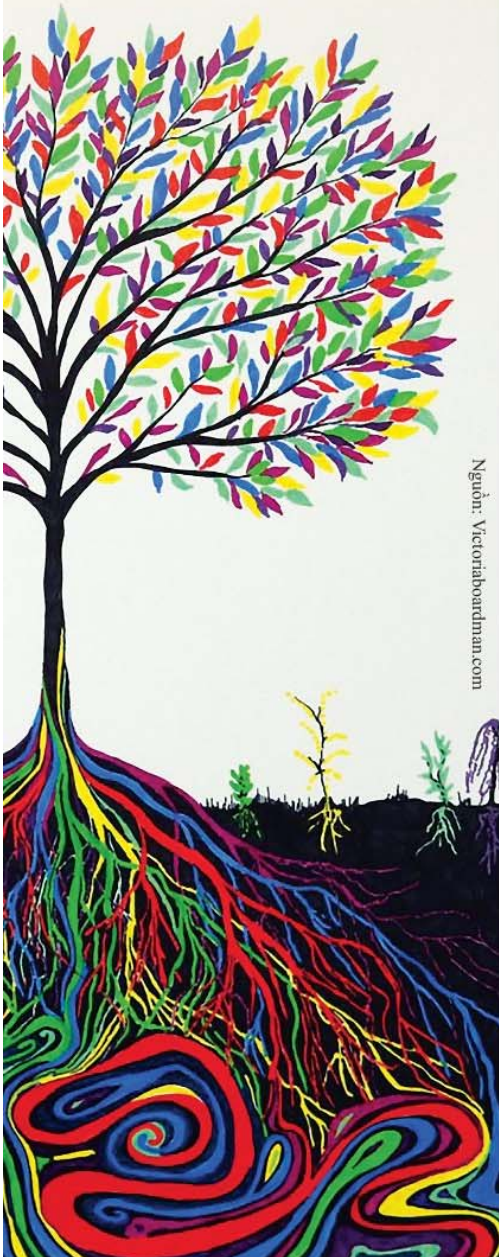
Lướt qua tin tức báo chí hàng ngày, hẳn chúng ta dễ thấy tin tức về trộm cắp, cướp bóc, bạo lực, giết chóc. Một phần không nhỏ trong đó là những thâm kịch của gia đình, dòng họ, hàng xóm láng giềng.

Chúng ta, hơn bao giờ hết, đứng trước hiểm họa cái ác. Điều đó đặt ra câu hỏi: *Nguyên nhân của bạo lực là gì?*

Sử dụng bạo lực như phương cách duy nhất giải quyết mọi vấn đề là thói quen của thời mông muội. Ta cần nhìn nhận tình trạng bạo lực ấy là do sự thiếu vắng lòng nhân hay giáo dục lòng nhân trong nhà trường, cũng như sự thể hiện lòng nhân ấy trong xã hội ngày nay. Một khi mầm yêu thương con người vắng mặt trong khu vườn thơ ấu, những hoa cỏ dại của hận thù sẽ sinh sôi nảy nở”.¹

Một luận điểm khác cho rằng hành vi ác xuất hiện là bởi ảnh hưởng của “Trò chơi điện tử bạo lực”.

Đây là đề tài nóng bỏng trong nghiên cứu tâm lý. Dựa theo Mô thức hành vi tấn công tổng thể (General Agression Model-GAM), giáo sư Craig. A. Anderson cho rằng trò chơi điện tử bạo lực có liên quan đến gia tăng hành vi tấn công. Nhưng một số kết quả nghiên cứu công bố ở Trung tâm Sức khỏe Tâm thần thuộc Trường Y Viện Đại học Harvard hay The British Medical Journal cho thấy không có những liên hệ rõ ràng giữa việc chơi trò chơi điện tử với hành động bạo lực.





Nguồn: CC0 Public Domain

“Kinh tế là yếu tố có tính chất nguồn cơn dẫn đến phạm tội trong giới trẻ. [...] những người không có khả năng nhưng có nhu cầu vật chất cao có thể dẫn đến hành vi phạm tội để thỏa mãn mình”.

Dựa trên việc phân tích nhiều kết quả nghiên cứu khác nhau, giáo sư John L. Sherry thuộc Michigan State University cũng cho rằng nhiều học giả đã quá nhấn mạnh đến sự nguy hiểm của trò chơi bạo lực điện tử mặc dù không đủ bằng chứng thuyết phục. Tuy vậy họ cũng khuyến cáo nên hạn chế việc trẻ em tiếp xúc với trò chơi bạo lực điện tử và giải pháp của người phương Tây là phân loại trò chơi điện tử theo đối tượng...²

Thế nhưng đối với người lớn, liệu trò chơi điện tử có tác động đến họ? Hay đối với những thế hệ chẳng biết trò chơi điện tử là gì, động cơ nào thúc đẩy họ hành động bạo lực? Cái gì khiến họ hận thù đến độ phải hạ sát người khác?

Nhiều năm trước, trong buổi tọa đàm về nguyên nhân tội phạm do một tờ báo lớn tổ chức, có người đã đưa ra nguyên nhân tội phạm như mặt trái kinh tế thị trường. Họ lập luận: “Kinh tế là yếu tố có tính chất nguồn cơn dẫn đến phạm tội trong giới trẻ, [...]”

những người không có khả năng nhưng có nhu cầu vật chất cao có thể dẫn đến hành vi phạm tội để thỏa mãn mình”.

Luận điểm này không trả lời được thực tế một số người giàu, có thể lực vẫn muốn vợ vết thông qua “lợi ích nhóm”. Rõ ràng họ có khả năng về tài chính để thỏa mãn, nhưng nhiều người vẫn “nhúng chàm”.

Tác giả Hà Thúc Hoan trong bài viết *Suy nghĩ từ một vụ án* đăng trên Tạp chí VHPG số 137 đã suy luận sâu sắc hơn: “Vì chấp ngã mà chúng ta đã sống vị kỷ, chỉ biết có mình và gia đình mình, từ đó thường có thái độ dửng dưng hay vô cảm trước khổ đau của đồng bào, và lắm khi đối xử thô bạo, tàn ác với cỏ cây, cầm thú và con người”.³

Trong những năm vừa rồi, điều rõ nhất tôi cảm nhận được là chưa bao giờ cái xấu và tội ác nhan nhản như thế. Người vô cảm nhìn nó thân nhiên như là

chuyện tất yếu. Lại có những người dùng cái ác và cái xấu để sinh tồn. *Chúng ta cần nhận diện sự suy thoái này như thế nào và xây dựng lại từ đâu?*

HÌNH DUNG CON ĐƯỜNG TIẾN ĐẾN MỘT XÃ HỘI HƯỚNG THIỆN

Đức Phật từ hơn 2.500 năm trước đã nêu cao chủ trương tu tập từ thân đến tâm đối với người đã xuất gia và cư sĩ, vì ngài quan niệm con người là chủ thể của mọi thay đổi.

Tăng thân hay đoàn thể chỉ có tác dụng tăng cường trợ lực chứ không quyết định thay cho khả năng tu chứng của từng người. Đức Phật dạy về Thất Bồ đề phần, trong đó chỉ riêng Tứ chánh cần và Bát chánh đạo là đủ để một cá nhân, nếu thực hành và tu tập, thay đổi bản thân triệt để.

Phật dạy chúng ta “Tự thấp đước lên mà đi” nghĩa là tự mình thấp lý tưởng có chủ đích cao đẹp và tiến về phía đó. Ngoài ra, ta phải



cùng sống cùng tiến với mọi người chung quanh và gieo nhân lành. Nhưng chúng ta có thể làm vậy bằng cách nào?

Câu trả lời là bằng Tứ chánh cần - tiếng Sanskrit gọi là Catvāri prahāṇāni, là hành phẩm thứ hai trong bảy hành phẩm trợ đạo. Đây là bốn phương tiện siêng năng tinh cần trong nỗ lực hằng ngày. Dùng bốn pháp này trong việc siêng năng tinh tấn (cần), ta có thể đoạn trừ cái ác cùng mọi sự giải đãi biếng nhác của chúng ta trong việc hành thiện. Theo kinh Trung A-hàm, Đức Phật dạy cho người đệ tử thân cận của mình rằng:⁴

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn chánh đoạn, Tỳ kheo đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì để đoạn trừ chúng nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ. Đối với các pháp ác bất thiện chưa sanh, vì để chúng không phát sanh nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ. Đối với các pháp thiện chưa sanh, vì để cho phát sanh

nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ. Đối với các pháp thiện đã sanh, vì để chúng kiên trụ, không bị quên lãng, không bị thoái hóa, được bồi bổ tăng tiến, được phát triển rộng rãi, được viên mãn cụ túc, nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ. A-nan, bốn chánh đoạn này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ kheo niên thiếu”.

Ở đây, Đức Phật đứng trên lập trường nhân quả “Chỉ ác hành thiện” mà Ngài dạy cho chúng đệ tử của mình phương pháp nỗ lực siêng năng tinh tấn đoạn trừ. Tứ chánh cần là chế ngự các căn, xa lánh ác kiến, an trú trong thiện pháp, gìn giữ giới hạnh.

Tứ chánh cần thật ra là “chánh tinh tấn” trong Bát chánh đạo. Con đường tu tập Bát chánh đạo cũng là con đường tu tập của ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Ngoài ra, chúng ta sống trong, sống cùng, sống với một cộng đồng, nghĩa là việc trau dồi bản thân vẫn chưa đủ, ta phải biết ứng

xử với tha nhân trong mối quan hệ tương dung, tương tức.

Đức Đạt Lai Lạt Ma từng thuyết giảng rằng: “Chúng ta đứng đầu trong xã hội sinh vật. Nếu không có tình bạn, không nụ cười, cuộc sống chúng ta trở nên thật đáng thương. Sự cô đơn trở nên khó có thể phá vỡ. Sự tương quan, tương duyên của con người như vậy là một quy luật tự nhiên, điều này nói lên rằng, tùy thuộc vào quy luật tự nhiên đó, chúng ta dựa vào nhau để sống”.⁵

Ngài muốn chúng ta, ngoài việc huấn tập lòng từ bi, còn phải xóa bỏ kẻ thù bên trong. Đó chính là tham lam, sân hận và si mê. Một khi lòng từ bi và trái tim nhân hậu được duy trì đều đặn và miên mật, sẽ giúp chúng ta xác định được điều kiện thuận lợi phát khởi tình thương và giúp chúng ta vượt qua sân hận, hay những nghịch cảnh cản trở sự tu tập của mình.

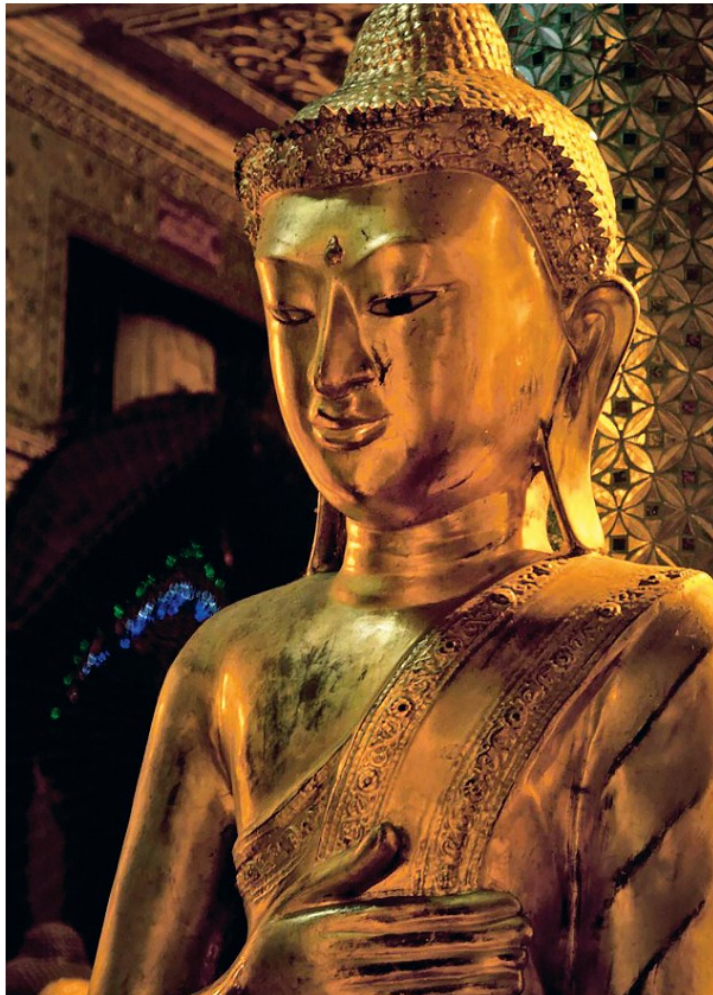
Có lần chúng tôi đã trần trở và viết: “Tế bào gia đình đang bị cái ác di căn gây tổn hại nghiêm trọng. Hơn lúc nào hết vai trò của giáo dục và xã hội phải được đề cao nhằm vực dậy những giá trị cội nguồn trong văn hóa Việt Nam: Hiếu thảo, tình nghĩa, trung thực, nhường nhịn, biết hy sinh, và quan trọng nhất, từ bi. Phải gieo lại vụ mùa đạo đức bằng những hạt giống mới. [...] Làm sao để thần thái người Việt Nam trở lại an nhiên như hòa như xưa, thời ta còn nghèo nhưng chứa chan tình người trong cuộc sống? Chỉ khi nào cả xã hội hiểu được tại sao cần phải thực hành thiện nghiệp và biết sợ hậu quả tai hại của việc làm ác,

chúng đó từng người sẽ làm điều lành một cách tự nguyện tự giác. Cộng đồng nơi ta sống lúc đó sẽ ngập tràn an lạc. Cần gieo hạt từ tâm ngay hôm nay”.⁶

Thế nên con đường tiến đến một xã hội hướng thiện và hướng thượng rất gần nhưng cũng sẽ rất xa nếu chúng ta không khởi hành ngay hôm nay, vì ngày mai thì sẽ muộn!

Chú thích:

1. Nguyễn Cẩm, Bạo lực từ đâu? VHPG số 61.
2. Rong Shao and Yunquiang Wang, The relation of Violent video games to Adolescent Aggression..., *Frontiers in Psychology*, 21 /2/2019.
3. Hà Thúc Hoan, Suy nghĩ từ một vụ án, VHPG số 137.
4. Trung A Hàm, Hán tạng, kinh Thuyết Xứ 86.
5. Đạt Lai Lạt Ma, Sống từ bi yêu thương, bản dịch Thích Thiện Chánh, Nxb Hồng Đức, 2014.
6. Nguyễn Cẩm, Gieo lại hạt từ tâm, www.giacngo.online.



Nguồn: Learnreligions.com

THƯ TRI ÂN

TẠP CHÍ

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128



Kính gửi:

Lời tri ân Ni sư TN. Như Kim – Trụ trì chùa Tam Bảo, TP. Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Ni sư đã hoan hỷ phát tâm cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) hùn phước in tạp chí số 355, để gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, Ni sư đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới. Ban Biên tập mong rằng trong thời gian tới, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo sẽ tiếp tục nhận được sự đóng góp của chư Tôn đức Tăng, Ni và quý thiện hữu tri thức để những ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có cơ hội tiếp tục lan xa hơn nữa, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

*"Mong sao chân lý Phật đà
Vườn hoa Phật pháp hương xa thấm nhuần"*

Kính nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ Ni Sư thân tâm an lạc, Phật sự viên thành.
Trân trọng!

TM. Tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Phó Tổng Biên Tập TT,
kiêm Tổng Thư ký Tòa soạn

Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Nhân





Chữa lành con tim

Nguyễn Bảo Trung

- Ủa, chị Lan. - Dạ, bác Trung. Lâu quá không gặp bác. Bác khỏe không? - Phải để bác sĩ hỏi bệnh nhân có khỏe không chứ!

Mình nói đùa với chị và cả hai cùng cười gượng nơi phòng khám bệnh.

- Dạ. Đạo này chị bệnh nhiều lắm, bác ơi. Ăn không ngon, ngủ không được. Đêm nào ngủ cũng giật mình thấy anh Đức ngồi nơi đầu giường. Khám ở mấy bệnh viện lớn rồi nhưng không bớt. Hôm qua soạn đồ để cúng giỗ đầu của anh Đức thì thấy quỵên số khám bệnh của anh, chợt nhớ bác và chạy vào đây.

- Anh Đức mất rồi sao? - Dạ, mất rồi.

Chị Lan vừa nói xong câu “mất rồi” thì nước mắt lưng tròng. Khuôn mặt buồn rười rượi. Hai quầng mắt thâm đen.

Ba năm không quá dài trong một đời người, nhưng ba năm cũng đủ cho người ta chiêm nghiệm những mất mát vô thường, về tấm thân tứ đại.

- Ngày đó... Phải chỉ anh chị nghe lời bác, sống trọn vẹn từng ngày thì đâu đến nỗi. Ung thư tuy giai đoạn cuối mà...

Anh chị cứ nghe lời người ta bày, hết đi tìm thầy cúng này, đến đi tìm bà lang kia. Rồi còn làm đủ mọi cách để có được sừng tê giác, mật gấu, ngà voi...

- Mà bác ơi, chẳng lẽ khoanh tay đứng nhìn người thân mình chết sao. Không đành...

Mình cất tiếng thở dài. Hôm nay bầu trời thật nhiều mây. U ám và buồn. Không biết bao nhiêu lần mình dặn bệnh nhân của mình: Hãy ăn uống những gì bình thường nhất. Những thức ăn nước uống mà hàng ngàn năm nay ông bà mình đã ăn. Tìm chi mấy nhung hươu, sừng tê giác, mật gấu, ngà voi... Y học bây giờ là y học của chứng cứ. Nếu không có chứng cứ, không có công trình nghiên cứu khoa học đáng tin cậy chứng minh loài cây đó, sừng con vật kia ... có tác dụng chữa bệnh, thì dùng nó làm chi.

Nhiều khi vì cầu sống cho một con người mà giết đi thêm những con vật sắp tuyệt chủng, hay những con người khác phải chịu

thiệt thòi. Như vậy là tạo thêm nghiệp, tạo thêm nợ máu, chứ có ích chi.

- Bác biết sao không, thà mình bắt lầm còn hơn bỏ sót. Lúc đó anh chị giận bác lắm, cứ khuyên anh chị về ăn chay, buông bỏ bớt công việc, học cách thở và cười... Người ta chết đến nơi mà còn thở còn cười.

Bác còn nói: Những phương pháp đó phân khoa học. Nếu phân khoa học, sao trên báo chí, truyền hình, hay trên internet người ta lại chia sẻ cho nhau. Nào là cây A có thể chữa ung thư máu. Máu con vật B có thể chữa ung thư gan...

Bác còn nói: Không hiểu tại sao người ta cứ truyền tải và khẳng định cách điều trị nào đó mà không có chứng cứ, có lẽ là do lòng thương, nhưng nếu lòng thương mà không có hiểu biết thì sẽ thành đoạ đầy và đau khổ. Bác còn nói: Một chiếc lá, một tiếng chuông, một câu Pháp cũng có thể chữa lành bệnh cho một người, nhưng phải đủ duyên và còn tùy thuộc vào nghiệp của người đó nữa. Bệnh nhân X dùng thuốc Y hết bệnh, không có nghĩa là tất cả bệnh nhân dùng thuốc Y sẽ hết bệnh.

Thử hỏi có giận không chứ? Trong khi người ta đang cầu sống mà...

Mình lại thở dài. Ba năm không quá dài trong một đời người, nhưng ba năm cũng đủ cho người ta chiêm nghiệm những mất mát vô thường, về tấm thân tứ đại. Nhưng không phải ai cũng đủ duyên để “thấy”.

Kết quả xét nghiệm của chị Lan hoàn toàn bình thường. Siêu âm tim, siêu âm bụng, Xquang phổi cũng bình thường.

Mình biết chẩn đoán gì đây? Suy nhược thần kinh? Trầm cảm? ... Và loại thuốc nào được kê?

Hay là mình nói: Tâm bình muôn sự sẽ bình. Muốn thân bình, tâm phải bình trước.

Nhưng điều phục tâm nào dễ! Mình biết có rất nhiều bệnh không thể chữa lành được, và sẽ dẫn đến cái chết... nhưng trái tim và tâm hồn cần phải được điều trị để giảm nhẹ đi đau đớn!

Mình lại nhớ đến chú Năm, bị ung thư vừa mất. Khi mình đến thấp hương tiễn đưa thì bị vợ chú cầu nhau:

Thiệt, chỉ cần học và hành thâm
được hạnh Buông Xả thôi, là đã
có biết bao duyên lành rồi

- Chồng tôi nghe lời bác sĩ về ăn chay, làm từ thiện, cúng dường cho chùa chiền thật nhiều, nhưng cuối cùng ông cũng chết. Bác sĩ nói, “tâm tốt việc tốt số mệnh đổi được”, chẳng qua là lời nói suông. Có ung thư nào mà không chết, có ai sống trong đời này mà không chết? Vậy thì trước khi chết, sao không sống hưởng thụ cho đã đi, muốn ăn gì thì cứ ăn, muốn chơi gì thì cứ chơi...

- Cô đang trách cứ cháu à?

- Tôi ... Tại tôi không cam tâm ...

- Cháu nghĩ, chú đã kịp nói lời xin lỗi với những người mà chú đã làm tổn thương, và cũng kịp tha thứ cho ai làm tổn thương mình, đúng không? Đôi khi chúng ta quên nói lời cảm ơn với cuộc sống với những người đã giúp chúng ta trên bước đường đời, cô ạ. Khoảng thời gian này, tuy ngắn ngủi, nhưng cháu nghĩ

đã giúp chú bình tâm lại, sống thật nhẹ nhàng thanh thản. Khi mà chúng ta sống nhẹ nhàng thanh thản, chúng ta sẽ chết bình an.

- Ơ ...

- Bệnh ung thư thì không thể nào cứu chữa, nhưng cháu nghĩ chú đã kịp cứu chữa trái tim của chính mình.

Nhìn dáng cô liêu xiêu đổ gục xuống bàn mà thương. Ngàn ấy năm trời ... Tình nghĩa vợ chồng ... Sao mà không lưu luyến tiếc nhớ?

Rồi những khi đêm về, rồi mùa đông lạnh vắng, rồi biết tìm đâu hơi ấm...

Trong khi tình yêu lại là một kho tàng kỉ niệm....

Có phải vì thế mà chúng ta đã bám quá chặt và rồi trách cứ on

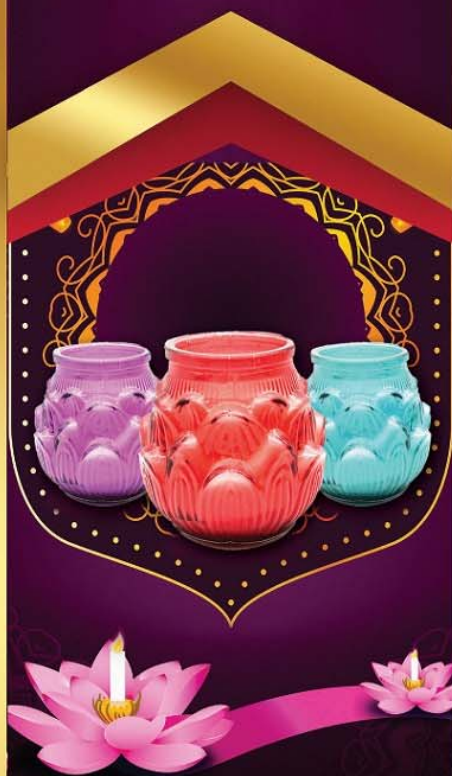
trên đã không nghe lời chúng ta khẩn cầu.

- Bác sĩ, nếu mọi sự như là một giấc mơ, vậy những chuyện cô chú làm, ăn chay tránh sát sinh, sống thiện, gieo những hạt giống tốt lành ... đều là vô ích hay sao?

- Đúng, mọi sự đều như là một giấc mơ. Nhưng chúng ta có thể biến giấc mơ thành tích cực, trọn vẹn và dễ thương! Cô thấy không, chính cô chú đã làm cho giấc mơ của mình nên khác biệt, vì tình thương!

Lặng nghe mưa hát bên thềm.
Lặng nghe trời đất dỗ mềm lòng ta
Trăm năm này cõi ta bà
Từ - Bi - Hỷ - Xả bao la duyên lành!

Thiệt, chỉ cần học và hành thâm
được hạnh Buông Xả thôi, là đã
có biết bao duyên lành rồi!



THƯ TRI ÂN NẾN QUANG MINH

..... Kính gửi:

Lời tri ân Công ty TNHH Nến Quang Minh, Số 20 đường số 4, Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, TP. HCM.

Quý công ty đã hoan hỷ phát tâm cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) hùn phước in tạp chí số 355, để gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, Công ty đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới. Ban Biên tập mong rằng trong thời gian tới, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo sẽ tiếp tục nhận được sự đóng góp của chư Tôn đức Tăng, Ni và quý thiện hữu tri thức để những ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có cơ hội tiếp tục lan xa hơn nữa, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

"Mong sao chân lý Phật đà
Vườn hoa Phật pháp hương xa thấm nhuần".

Kính chúc Công ty TNHH Nến Quang Minh vạn sự
cát tường, hanh thông trong mọi công việc.

Trân trọng!

TM. Tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Phó Tổng Biên Tập TT, kiêm Tổng Thư ký Tòa soạn

Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Nhẫn

NPP: CÔNG TY NẾN NGUYÊN QUANG TRUNG

Số 20 Đường số 4, Đường Phan Văn Trị,
Phường 5, Quận Gò Vấp, TP. HCM
Điện thoại: 028 6257 9494 - 0942 835 715



HÒA THƯỢNG THÍCH HIỂN TU - CỐT CÁCH CỦA BẬC LONG TƯỢNG

(Kính mừng Khánh tuế Trưởng lão Hòa thượng Thích Hiển Tu đại thọ 100 tuổi)

Thích Thiện Châu*

Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc. Các bậc cao tăng như Thiền sư Vạn Hạnh, Phật hoàng Trần Nhân Tông,... đã hiển dương hoa đời hương đạo, xiển dương chánh pháp, phụng sự dân tộc. Tiếp nối dòng lịch sử ấy, Hòa thượng Thích Hiển Tu - bậc Long tượng thạch trụ thiền gia của Phật giáo Việt Nam hiện đại đã theo gương các bậc Tổ đức trong sứ mệnh phụng sự chúng sanh.

TỪ VÙNG ĐẤT ĐỒNG KHỞI - BẾN TRE ANH HÙNG

Trưởng lão Hòa thượng Thích Hiển Tu, thế danh Nguyễn Tấn Hưng, sinh năm 1921 tại làng Tân Thủy, xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Ngài là con thứ trong gia đình trung nông có hai chị em, nhiều đời kính tin tam bảo. Chưa tròn 5 tuổi, cha mẹ lần lượt qua đời, phải ở với bà ngoại, ngài thường xuyên đến chùa và được Hòa thượng Vĩnh Tấn - trụ trì chùa



Nguồn: Internet

*Vì sớm thấm nhuần truyền
thống tu học quy củ thiền môn,
sau này tuy đa đoan Phật sự,
Hòa thượng vẫn luôn quan tâm
sự nghiệp giáo dục Phật giáo.*



Kiến Phước - nhận làm dưỡng tử. Khi lên 7 tuổi, ngài chính thức xuất gia, pháp danh Thiện Duyên, hiệu Nhật Quang, tự Hiền Tu thuộc Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ, đời thứ 41.

Nhờ tư chất thông minh, cần mẫn, dù nhỏ tuổi nhưng ngài đã được bốn sư cho tham học Kinh Luật Luận và nghi lễ ứng phú đạo tràng với các bậc cao tăng như Hòa thượng Khánh Thông, HT. Vĩnh Tồn (chùa Toàn Phước), HT. Vĩnh Huệ, HT. Vĩnh Đạt (chùa Bửu Sơn), HT. Vĩnh Pháp (chùa Linh Phước) tại Bến Tre. Năm 1944, Hòa thượng đăng đàn thọ đại giới tại Trường kỳ Giới đàn chùa Bửu Sơn, Ba Tri (Bến Tre), do tổ Khánh Thông khai kỳ cùng các bậc cao Tăng chứng minh giới đàn. Từ đây, Ngài được dự vào hàng Chúng Trung Tôn, nhận trọng trách “sứ giả Như Lai” dẫn thân vào cuộc đời để “tự độ, độ tha”. Chính quãng thời gian tham học các lớp gia giáo Phật pháp với các bậc cao Tăng thực đức đã tạo thành nền tảng, giúp ngài vừa tinh thông nội điển Phật giáo, vừa giỏi nghi lễ ứng phú.

Vì sớm thấm nhuần truyền thống tu học quy củ thiền môn, sau này tuy đa đoan Phật sự, Hòa thượng vẫn luôn quan tâm sự nghiệp giáo dục Phật giáo. Trong suốt mấy chục năm hành đạo, Hòa thượng luôn gần gũi Tăng Ni, Phật tử, cố gắng giúp đỡ khai mở và duy trì các lớp Phật pháp cho mọi tầng lớp, phát tâm hỗ trợ kinh phí hoạt động cho lớp sơ cấp Phật học Quận 3, TP.HCM. Suốt 30 năm qua, hàng trăm thế hệ Tăng Ni trẻ trưởng thành đã và đang hành đạo khắp đất nước, gánh vác Phật sự địa phương.

HƯƠNG ĐẠO NGÁT ĐỜI...

Sau năm 1945, thực dân Pháp trở lại tái chiếm Nam Kỳ, với tinh thần “tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”, ngài đã tham gia Mặt trận Việt Minh, ra chiến khu vùng bưng Thạnh Phú (Bến Tre), sau đó hoạt động bí mật tại chiến khu tỉnh Sông Bé. Tuy là chiến sĩ cách mạng, nhưng thân tâm vẫn là một tu sĩ tự thân nỗ lực tu trì, giới hạnh trang nghiêm, gìn giữ đạo tâm. Năm 1951, chiến sự tạm lắng dịu. Hòa thượng trở về trú tại chùa Khánh Vân (xã Hiệp Hưng, Ba Tri) đảm nhiệm Phó Trụ trì và tham gia tổ chức Phật giáo Cứu quốc. Hai năm sau,



HT. Vĩnh Tồn - Trụ trì chùa Toàn Phước (Ba Tri) bị giặc Pháp tra tấn đến hy sinh, Hòa thượng Hiền Tu đảm nhiệm chức Trụ trì, gìn giữ sơn môn, phát huy truyền thống Phật giáo và dân tộc.

Năm 1958, Hòa thượng tham dự các khóa An cư kiết hạ tại Sài Gòn và theo học khóa “Như Lai sứ giả” ở chùa Pháp Hội (Chợ Lớn) do HT. Thiện Hòa, HT. Thiện Hoa của Phật học đường Nam Việt tổ chức. Với sở học nội điển được tích lũy từ trước và sự cần mẫn, sau ba tháng kiết đông của khóa “Như Lai sứ giả” Hòa thượng được bổ nhiệm làm Trụ trì nhiệm kỳ 3 tháng tại chùa Vạn Đức (Sóc Trăng). Khi mãn nhiệm kỳ, Hòa thượng được cử đặc trách Tăng sự, kiểm tra các tự viện ở Sài Gòn - Gia Định. Năm 1962, Hòa thượng được Hội Phật học Nam Việt thỉnh mời đảm nhiệm Phó Trụ trì chùa Phật học Xá Lợi - một trong những trung tâm đầu não lãnh đạo Phật giáo Việt Nam bấy giờ.

Trong pháp nạn năm 1963, Hòa thượng đã cùng chư Tôn đức lãnh đạo phong trào đấu tranh hòa bình của Tăng Ni, Phật tử phản đối chính sách đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm. Sau khi

cuộc đấu tranh thành công, Hòa thượng từ giả chùa Xá Lợi, trở về hành đạo tại quê hương Bến Tre, xây dựng Phật giáo nơi đây. Giai đoạn 1966-1975, Hòa thượng được suy cử Chánh Đại diện Phật giáo Lục Hòa Tăng tỉnh Kiến Hòa. Khi đất nước thống nhất, ổn định Phật sự địa phương, Hòa thượng xin nhường lại chức vụ lãnh đạo để vân du khắp miền Tây Nam bộ và TP.HCM, thuyết giảng Phật pháp, giao lưu các pháp hữu đồng đạo.

Năm 1979, khi đã 56 tuổi, Ngài lại được cung thỉnh trở về làm Trụ trì chùa Phật học Xá Lợi. Từ đây, Hòa thượng dốc hết tâm sức tiếp chúng độ sanh, gắn bó Phật sự của Phật giáo Quận 3 và TP.HCM. Năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập từ 9 tổ chức Giáo hội, Hòa thượng là một nhân tố trung gian cho sự hòa hợp các tổ chức Phật giáo.

Năm 1988, Hòa thượng được Thành hội Phật giáo TP.HCM chính thức bổ nhiệm làm Trụ trì chùa Phật học Xá Lợi trong hệ thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Với uy tín, Hòa thượng được suy cử đến chức vụ Phó Trưởng ban Trị sự, Trưởng ban Nghi lễ Thành hội Phật giáo TP.HCM, Chứng minh Ban Đại

*Về mặt xã hội,
Hòa thượng là một
trong những vị tôn
đức Phật giáo có
uy tín và ảnh hưởng
lớn với quần chúng.*

điện Phật giáo Quận 3, Chứng minh Ban Nghi lễ Trung ương GHPGVN. Năm 2007, Hòa thượng được cung thỉnh lên hàng Giáo phẩm Chứng minh Ban Trị sự GHPGVN TP.HCM.

Tại Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam lần VII năm 2012, Hòa thượng được cung thỉnh lên hàng Giáo phẩm Trưởng lão và suy tôn Phó Thư ký Hội đồng Chứng minh GHPGVN.

Về mặt xã hội, Hòa thượng là một trong những vị tôn đức Phật giáo có uy tín và ảnh hưởng lớn với quần chúng. Chùa Phật học Xá Lợi trong thời kỳ lãnh đạo của ngài vẫn duy trì là một trong những trung tâm tu học lớn của TP.HCM, nơi sinh hoạt giáo lý hàng tuần của tín đồ Phật tử, song song các hoạt động hoằng pháp thường kỳ như: Giảng pháp,



Khóa tu Bát quan trai, gia đình Phật tử, tiếp đón đoàn Phật giáo các nước giao lưu. Hòa thượng đã kinh qua nhiều chức vụ khác nhau, nhưng dù ở cương vị nào, ngài cũng có nhiều đóng góp Phật sự quan trọng cho Giáo hội, với tinh thần “tùy duyên bất biến”.

Dù đã tròn 100 tuổi, ngài vẫn minh mẫn, âm thầm hỗ trợ và phát triển Phật sự. Trong ngày Khánh tuế bách niên, Hòa thượng truyền đạt rằng: “Sống đến tuổi 100 như hôm nay là nhờ ân đức của chư

Phật, chư Tổ, sự kính mến của Tăng Ni, Phật tử. Theo tôi, việc tổ chức khánh tuế có thể làm phiền và khiến hao tổn tài lực của đại chúng nhưng vì muốn giúp hàng Phật tử gieo duyên, tăng sự kính tin nơi Tam bảo, tôi chấp thuận việc tổ chức này của chư Tăng chùa Xá Lợi”.

Đó là lời vàng ý ngọc của bậc Long tượng cốt cách, của bậc tri túc, dù đức cao đạo sáng vẫn khiêm cung thủ ý!

* Ủy viên BTS PG TP.HCM, Phó ban kiêm Chánh Thư ký BTS PG, Q.3.



CHÙA PHỔ QUANG - CÁT LINH: CÔNG TRÌNH PHẬT GIÁO GẮN LIỀN VỚI NGHÌN NĂM THĂNG LONG - HÀ NỘI

Tuệ Minh



Chùa Phổ Quang - Cát Linh được xây dựng từ đời Hương Vân Đại Đầu Đà Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và được Đệ Tam Tổ Huyền Quang trụ trì (nay thuộc phường Cát Linh, quận Đống Đa, Thủ đô Hà Nội). Cho đến đời vua Lê Thái Tông vào năm 1440, chùa được khôi phục và phát triển, trở thành danh thắng của đất nước.

Trong bài minh chung Phổ Quang tự đúc cách đây 300 năm có khắc ghi rõ: “*Phổ Quang Tự tích Trần Triều Tam Tổ Trúc Lâm phái Lưu Thử, Hồng Lê Triều Thái Tông tăng tự thạch chi trấn quốc trung nhất đại danh lam dã*”. Dịch nghĩa: “*Chùa Phổ Quang là di tích lịch sử Triều Trần do Tam Tổ phái Trúc Lâm để lại. Đến Triều đình Hồng Lê đời vua Thái Tông đã chỉ dụ tu*

bổ tôn tạo chính là đại danh lam chung của đất nước”.

Trước đây, chùa xây dựng theo lối kiến trúc cổ, làm toàn bằng gỗ quý, bao quanh có vườn bãi ruộng ao, là nơi nhập tháp 23 vị Hòa thượng cao tăng trụ trì viên tịch tại chùa. Trải qua hàng trăm năm tồn tại với nhiều biến cố, cảnh chùa dần dần bị hủy hoại nghiêm trọng. Đến năm 1813, đời vua Gia Long năm thứ 12, chùa Phổ Quang Cát Linh mới được Hòa Thượng Thiền Sư chùa Trấn Quốc đứng ra tiếp dẫn Phật pháp, đảm nhiệm công việc đại trùng tu tôn tạo lần thứ I và đức Đại hồng chung Phổ Quang.

Đến năm 1845, chùa lại được Hòa thượng Thiền sư Giác Địa trụ trì trùng tu lần nữa. Ngải vận động Phật tử thập phương phát tâm bồ đề, trùng tu cảnh quan chùa đẹp hơn xưa, đúc thêm Cát Linh Đại hồng chung và khánh thành chùa vào tháng 8/1848.

Khi thực dân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam, với vườn bãi, ao hồ rộng, cây cối xum xuê, có vị thế chiến đấu quan trọng, chùa trở thành nơi quân dân Thủ đô đồn trú tự vệ. Năm 1946, quân ta rút khỏi Thủ đô, bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, thực dân Pháp đã phá hủy toàn bộ khuôn viên chùa chỉ còn lại một số pho tượng Phật và hai quả Đại hồng chung.

Năm 1952, chùa Phổ Quang Cát Linh được tôn tạo xây dựng lần thứ ba trên nền chùa cũ nhỏ hơn và hoàn tất ba năm sau đó. Vị sư tổ cuối cùng của chùa là Hòa thượng Thiền sư Thích Tâm Tiếp. Khi ngải viên tịch đã nhập tháp khắc bia tại chùa Mễ Trì Thượng

(huyện Từ Liêm, Hà Nội). Từ năm 1955, chùa vắng bóng sư trụ trì, lại bị ảnh hưởng bởi bom đạn oanh tạc trong chiến tranh nên dần dần xuống cấp, mái dột, tường nứt, cánh cửa mục nát và các công trình khác bị xiêu vẹo.

Vào những năm 70, khuôn viên chùa được trưng dụng xây dựng trường mầm non, Tiểu học và Phổ thông cơ sở Cát Linh. Đến năm 1990, thể theo nguyện vọng của Phật tử, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc đã mời Ni sư Diệu Tâm về trụ trì chùa. Từ đây, Phật tử đã hết lòng phát tâm công đức

quyên các cấp đã tiến hành đại trùng tu tôn tạo toàn bộ ngôi chùa, thiết kế theo phong cách phục cổ, có tiền đường hậu cung, nhà tổ, nhà mẫu, nhà giảng đường, nhà khách, nhà ni,... xây dựng kiên cố, trần thiết bằng các loại gỗ quý, cột đá, hành lang trạm trổ tinh xảo. Chánh điện an trí tượng Phật Di Đà bằng đồng nặng hơn một tấn. Tổ đường đặt tượng Tam Tổ Trúc Lâm Yên Tử, là cơ sở giảng dạy giáo lý cho Phật tử của Ban Hoằng pháp Trung ương và Hà Nội.

Sau khi tu tạo lần thứ V, chùa



cùng sư trụ trì tiến hành tôn tạo chùa, tô thếp tượng Phật, xây nhà Tổ, nhà Ni, nhà khách, phục chế lại hoành phi, câu đối, cửa võng... Công trình đại trùng tu chùa lần thứ IV đạt thành tựu to lớn và chùa đã được nhà nước xếp hạng Di tích lịch sử. Ni sư Diệu Tâm cũng là vị ni đầu tiên trụ trì.

Trải qua nhiều lần trùng tu tôn tạo nhưng vẫn chưa hoàn chỉnh về tổng thể. Đến năm 2007, chính

trở thành công trình công phu, hài hòa nét cổ kính và hiện đại, xứng đáng Di tích lịch sử văn hóa lưu truyền 800 năm do Tam Tổ Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử xây dựng, và là công trình văn hóa chào mừng Đại lễ 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội (năm 2010). Đại lễ khánh thành trùng tu tôn tạo chùa Cát Linh tiến hành vào 27/9/2009, mở ra thời kỳ tươi sáng cho ngôi chùa sau bao biến thiên, thăng trầm dâu bể.



Nam mô Bồ tát Lăng Nghe...

— TT Thích Trí Chơn

Than ôi !
 Trời nổi cơn phiền
 Mạng người hơn gì càn lau ngọn cỏ,
 Đất chẳng bao dung
 Xóm làng khác chi tổ đế hang giun.
 Rền rền bão đông, núi đổ lấp vùi nhà cửa
 Âm ỉm lũ lụt, nước dâng xác chết lênh đênh.
 Kìa vật nuôi cây trồng, thóp thoi giữa nước hung thác dữ
 Nọ xe máy xe hơi, ngập chìm trong lũ đất lũ bùn.
 Phố thị điêu linh, chuông chùa, thánh giá mịt mờ tang tóc
 Đường đi chia cắt, bệnh viện, học đường đổ nát đau thương.
 Từ thượng lưu đến dân thường
 Cùng chung một nỗi đoạn trường
 Thiên tai.
 Nam, lòng đau như cắt
 Bắc, ruột quặn từng cơn
 Ôm lòng úp mặt lệ rưng
 Thương cho khúc ruột miền Trung
 Đau hoài!
 Duyên chi quả đắng ngất trời
 Nghiệp gì tai họa tả tơi thế này.
 Vợ bị cuốn trôi,
 Chồng ngất ngày rập người van lạy,
 Mẹ theo dòng nước,
 Con hoảng hồn bức tóc ngất tai.
 Nỗi đau này có ai hay
 Mưa thay tiếng khóc
 Mây màu khăn tang.
 Người đi không quách không quan
 Kẻ còn chẳng chiếu, chẳng màn chắn chi
 Trông chờ
 Lòng thiện tâm bi
 Giúp cho manh áo, tô mì qua cơn.
 Cứ sao núi đổ sông hờn
 Lấy sinh mạng
 Lấy sạch trơn hoa màu.
 Là con Việt sống nơi đâu
 Xa quê mấy độ vẫn đau nỗi này.
 Tiếng gào thấu mấy tầng mây
 Mắt thương nhìn cảnh đọa đày cõi mê
 Dẫu rằng cách biệt sơn khê
 Nam mô Bồ tát Lăng Nghe ...
 Cứu đời.



BIỂN CẢ và PHẬT PHÁP

ĐD Thích Trung Định*



Biển là không gian bao la, rộng lớn vô cùng, chiếm đến bảy phần mười diện tích bề mặt quả đất. Thế nên ai muốn khám phá biển đều khó mà hiểu hết được, bởi biển cả có gì đó vừa hiện thực, huyền bí lại vừa thâm sâu nhưng cũng thật gần gũi với con người. Biển đang sống, đang reo vui những làn sóng vỗ, đang cảm nhận hết tâm tư tình cảm con người, đang âm thầm dung chứa và ấp ủ nhân sinh như một người mẹ vĩ đại.

Biển có những đặc tính kỳ diệu mà mọi thành tố tạo nên nó đều mang một ý nghĩa, một triết lý thù thắng. Bờ biển có những bãi cát dài thoải thoải, có thể đưa chúng ta từ từ xuống nước, thuận tiện cho việc thả thuyền kéo lưới. Biển thu nhận nước của tất cả dòng sông, không kể lớn hay bé. Mỗi dòng sông lại có tên của riêng mình nhưng khi về đến biển, tất cả đều hòa vào làm một.

Một người sống với biển nương nhờ biển, nên thương yêu
và ca tụng biển hết lời. Cũng vậy, một người sống tu tập
trong giáo pháp Như Lai thì thương yêu, trân quý và hết
lời tán thán chánh pháp Như Lai.

Nước biển sâu rộng bao la nhưng ở đâu cũng chung một vị mặn dù ngoài khơi hay trong bờ. Lòng biển luôn có đủ thứ trân quý như: san hô, xà cừ, ngọc trai... tha hồ cho tất cả những ai tìm kiếm. Biển cả là chỗ dung thân cho muôn ngàn sinh vật, có những loài to lớn hàng chục mét và có loài nhỏ bé vô cùng.

Một người sống với biển nương nhờ biển, nên thương yêu và ca tụng biển hết lời. Cũng vậy, một người sống tu tập trong giáo pháp Như Lai thì thương yêu, trân quý và hết lời tán thán chánh pháp Như Lai. Đó là những gì?

Thứ nhất, nếu biển có bờ cát thoải thoải thuận tiện cho ta xuống nước, thì chánh pháp cũng vậy. Trong đạo pháp này, mọi người đều có thể tu tập từ thấp đến cao, từ nông đến sâu, đốn, tiệm, quyền, giáo, hiển, mật... vô lượng pháp môn, mở rộng cho tất cả đủ loài căn tính, già, trẻ, gái, trai, từ vua quan đến thứ dân, từ giàu sang đến nghèo hèn, ai cũng có thể đi vào chánh pháp. Đặc tính này cho thấy người vào đạo không choáng ngợp trước hệ thống giáo lý đồ sộ của

Phật pháp, từ từ tiếp cận, dần dần sẽ được vẹn tròn. Phật pháp không từ bỏ ai, bất cứ ai cũng đều có thể đến tu tập trong giáo pháp này. Vì vậy, quý Phật tử không nên ngần ngại đến với đạo pháp. Hãy bước những bước đi đầu tiên rồi sẽ đến những bước trưởng thành.

Thứ hai, nếu biển luôn ở tại một chỗ mà không dời đi nơi khác, thì chánh pháp cũng vậy: Những nguyên tắc của pháp thì không bao giờ thay đổi, dù cho vật đổi sao dời, chân lý của Phật pháp hằng đúng.

Thứ ba, nếu biển không bao giờ dung chứa tử thi, thì chánh pháp cũng vậy, không bao giờ dung túng vô minh biếng lười và hành động phạm giới. Đức Phật thường dạy: Tin Ta mà không hiểu Ta là phi báng Ta. Một Tỷ kheo phạm giới để gặp được Phật và một Tỷ kheo vì quyết tâm giữ giới mà phải chết, không gặp được Phật. Phật dạy: Tỷ kheo chết nhưng giữ giới, tuy xa Ta nhưng rất gần Ta. Còn Tỷ kheo kia phạm giới để được sống và gặp Ta nhưng luôn cách xa ta ngàn dặm. Do vậy, một người lười biếng, dãi dãi không tu trong một đại chúng có tu thì không thể nào cư trú

lâu dài, sớm muộn gì y cũng phải đào thải ra ngoài giáo pháp chơn chánh Như Lai.

Thứ tư, nếu biển chấp nhận nước của tất cả dòng sông không phân biệt nước sông nào, thì chánh pháp cũng thu nhận hết thầy mọi người, đủ mọi thành phần xã hội, đủ quyền quý hay bần cùng; đủ thông minh lợi căn hay độn căn ngu dần, đều được đón tiếp bình đẳng, cùng xưng là sa môn Thích tử và có thể chứng ngộ trong giáo pháp. “*Nước trăm sông đổ về biển cả biển biển dơ thành sạch, người trăm họ quy y Tam bảo bỏ ác làm lành*”.

Thứ năm, nếu biển không vơi đi thì cũng không đầy thêm dù đêm ngày muôn sông liên tục chảy về. Chánh pháp cũng vậy, chánh pháp là chánh pháp, không phải vì nhiều người đi theo mới là chánh pháp, hay ít người đi theo mà chánh pháp không phải là chánh pháp. Sự thịnh suy của nhân tình thế thái không bao giờ đánh giá được chân lý đạo pháp.

Thứ sáu, nếu nước biển cùng chung một vị mặn thì chánh



pháp cũng thế. Dù được trình bày nhiều cách khác nhau hay hàng vạn pháp môn tu tập, chánh pháp chỉ có một vị duy nhất là giải thoát. Không có công năng giải thoát, đó không phải là chánh pháp. Thiền hay tịnh, tất cả đều đưa hành giả về một mối của sự giải thoát và giác ngộ.

Thứ bảy, nếu lòng biển có vô số các loài san hô, xa cừ và ngọc quý, thì chánh pháp cũng vậy. Giáo pháp Như Lai có đủ các pháp môn cao quý vi diệu, như: Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề, Bát chánh đạo...

Thứ tám, nếu biển là chỗ dung thân thoải mái cho hàng triệu loài sinh vật, từ nhỏ bé đến to lớn thì Chánh pháp cũng vậy. Trong giáo pháp Như Lai, một em bé hoặc một người độn căn ít học vẫn có thể tu học thoải mái, cho đến bậc đại nhân như Bồ tát, Thanh văn, Bích chi, La hán cũng đều có cơ

hội tu tập và hoằng hóa trong môi trường rộng lớn này.

Như vậy, biển cả là nguồn cảm hứng, là kho tàng vô tận. Muôn loài sinh vật đều tìm được chỗ dung thân nơi biển cả. Chánh pháp Như Lai cũng vậy, luôn có sự khiêm cung và rộng mở để dung chứa, hóa giải tất cả phiền não thiên hạ. Phật pháp có khả năng điều phục tham, sân, si thành từ bi, hỉ xả, vô ngã vị tha, luôn đề cao Giới, Định, Tuệ để tẩy sạch vô minh tham ái. Biển có khi hiền hòa dịu êm nhưng cũng có lúc cồn cào sóng dữ. Đạo pháp Như Lai luôn đầy đủ đức tính từ bi, nhu hòa, nhẫn nhục nhưng vẫn nêu cao tinh thần đại hùng, đại lực. Luôn mang sứ mệnh hưng thiện, xóa ác; đối với mọi u mê không dung thứ, đối với chút thiện căn không từ nan luống bỏ. Luôn nêu cao tinh thần phá tà hiển chánh, dẹp trừ ma quân thiêu long Tam bảo. Biển luôn tự tại tuyệt vời, tự tại vô ngại trước mọi gian nguy không bao giờ nao

núng. Phật pháp bao giờ cũng là Phật pháp, dù cho vật đổi sao dời, lòng người thay đổi, biến hóa thăng trầm nhưng chân lý vẫn tự tại vượt qua mọi không gian, thời gian.

Vì vậy, một người yêu biển cả ngày đêm ca tụng vẫn không bao giờ cạn nguồn cảm xúc. Chánh pháp Như Lai có xung tẩn muôn lời cũng không cùng tận. Vì Phật pháp giải quyết vấn đề khổ đau muôn thuở cho hết thảy chúng sanh. Nhưng chúng sanh vô biên nên Phật pháp cũng phải vô tận, bất khả tư nghị:

“Chánh pháp đẹp vô cùng, lời vàng từ ý Phật

Con xin quay trở về, nương tựa Đạt-ma-da”.

* ĐĐ.TS Thích Trung Định, Ủy viên Ban văn hóa Trung ương GHPGVN. Phó Chánh Thư ký Phân ban Hoằng pháp Hải ngoại - Ban Hoằng Pháp Trung ương - GHPGVN.

ĐEO KHẨU TRANG: LỐI ỨNG XỬ PHÙ HỢP GIỮA ĐẠI DỊCH



Nguồn: Northernviriniamag.com

Cao Huy Hóa



Từ đó, khẩu trang
trở thành biểu
tượng của nền y tế
cộng đồng tại các
nước Đông Á

Khẩu trang là vật dụng thiết yếu mỗi khi xuất hiện dịch bệnh viêm phổi do virus. Các năm 1910 và 1911, ở Mãn Châu (Trung Quốc), bệnh dịch hạch thể phổi bùng phát và người dân được khuyến cáo đeo khẩu trang. Đây là công lao của Ngũ Liên Đức - một bác sĩ người Malaysia gốc Hoa nổi tiếng với những đóng góp về sức khỏe cộng đồng, vốn được đào tạo tại Đại học Cambridge (Anh).

Trong hai năm 1918-1919, vì đại dịch cúm hoành hành, chính phủ Mỹ yêu cầu người dân đeo khẩu trang và đã có những cuộc chống đối xảy ra. Sau phương Tây, Nhật

Bản là quốc gia châu Á đầu tiên thúc đẩy người dân mang khẩu trang, hạn chế sự lây truyền virus qua không khí. Đến khi vắc xin cúm và chương trình tiêm chủng cộng đồng ra đời, người dân Nhật Bản vẫn giữ thói quen đeo khẩu trang ở nơi công cộng.

Từ đó, khẩu trang trở thành biểu tượng của nền y tế cộng đồng tại các nước Đông Á. Mọi người đeo khẩu trang để tránh bệnh cúm và giúp bảo vệ bản thân phần nào khỏi ô nhiễm không khí, giảm thiểu sự lây lan virus trên các tàu điện ngầm đông đúc. Với người Á Đông, đeo khẩu trang là hành vi bảo vệ sức khỏe của bản thân và người khác.

Việc đeo khẩu trang đã có từ ít nhất một thế kỷ và càng phổ biến hơn khi Hội chứng viêm đường hô hấp cấp (SARS) bùng phát năm 2002-2003. Đại dịch kéo dài khoảng sáu tháng, lan rộng trên 20 quốc gia ở châu Mỹ, châu Âu và châu Á và chỉ dừng lại vào tháng 7/2003.

“SARS đã củng cố vai trò của chiếc khẩu trang khiêm tốn như một vật dụng hàng ngày. Di sản của SARS năm 2003 khiến việc đeo khẩu trang bảo vệ cá nhân được công chúng tiếp nhận nhanh hơn nhiều khi COVID-19 xuất hiện”, bà Ria Sinha - nhà nghiên cứu cao cấp tại Đại học Hồng Kông chia sẻ. Tỷ lệ nhiễm COVID-19 ở Hồng Kông vẫn ở mức thấp nhưng hầu như tất cả mọi người đều tự giác đeo khẩu trang. Theo một nghiên cứu ở Hồng Kông vào tháng 3/2020, 99% người được hỏi cho biết họ đeo khẩu trang khi rời khỏi nhà. “Trước COVID-19, nếu bạn không sử dụng khẩu trang ở nơi công cộng khi bị ốm hoặc trong thời gian cao điểm của mùa cúm, bạn sẽ gặp phải nhiều ánh mắt khó chịu”, Judy Yuen - PGS Khoa học xã hội Đại học Bách khoa Hồng Kông, cho biết.

Trong thời gian xảy ra dịch bệnh, việc không đeo khẩu trang ở một số quốc gia Đông Á bị xem là chống đối xã hội, vô trách nhiệm, gây nguy hiểm cho bản thân và người khác. Tiêu biểu ở Nhật Bản, ngay cả linh vật chống virus COVID-19 đáng yêu của họ là mèo “Kororon”, cũng được khắc họa đeo khẩu trang.

Tại châu Âu và Bắc Mỹ, chỉ những ai gặp vấn đề về sức khỏe mới đeo khẩu trang. Điều này vô tình tạo nên sự kỳ thị của một bộ phận người Mỹ với người châu Á - những người có thói quen đeo khẩu trang nơi công cộng. Khi đại dịch COVID-19 lây lan với tốc độ chóng mặt, Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Mỹ (CDC) khuyến nghị người dân đeo khẩu trang nhưng dư luận không dễ dàng chấp nhận việc này. Một số người từ chối đeo khẩu trang, viện cớ yêu cầu đó vi phạm tự do cá nhân. Những người cứng rắn nhất trong phong trào chống khẩu trang đã gọi cơ quan khuyến nghị là “vi hiến”, “chuyên quyền”.

Lập luận “quyền cá nhân” chống lại yêu cầu đeo khẩu trang đã có từ lâu. Trong đại dịch năm 1918, chính phủ ghi nhận nhiều báo cáo về “những người lười đeo khẩu trang” bị bắt giữ. Tại San Francisco, có hẳn một “liên đoàn chống khẩu trang”. Hiện nay, xu hướng này vẫn tồn tại, một phần bởi sự thiếu dứt khoát của chính phủ.



Nguồn: usatoday.com

Nhiều lãnh đạo các nước phương Tây ban đầu dè dặt do chưa có tiền lệ đeo khẩu trang. Tháng 4/2020, Thủ tướng Áo Sebastian Kurz nhận xét việc đeo khẩu trang đòi hỏi “sự điều chỉnh lớn ở đất nước chúng tôi, vì khẩu trang rất xa lạ với văn hóa của chúng tôi”. Tổng thống Mỹ Donald Trump cuối cùng đã đeo khẩu trang ở nơi công cộng vào tháng 7 sau bốn tháng chống lại việc này, nhưng ông vẫn tiếp tục hoài nghi.

Sau sáu tháng bùng phát đại dịch, khẩu trang được xem là “công cụ y tế công cộng mạnh nhất” để các quốc gia chống lại COVID-19, ít nhất cho đến khi vắc xin được phát triển rộng rãi.

“Thời điểm này có thể khuyến khích người phương Tây suy ngẫm về các chuẩn mực và giá trị của chính họ. Nếu họ hỏi tại sao người Đông Á đeo khẩu trang, chúng ta nên hỏi người phương Tây tại sao họ không đeo khẩu trang cho đến gần đây và tại sao một số người trong số họ lại chống lại nó. Người Nhật đã làm điều đó trong một thế kỷ!”, Mitsutoshi Horii - Giáo sư Xã hội học Đại học Shumei (Nhật Bản) - nhận xét.

Ước tính, khoảng 40-60% số ca lây nhiễm không có triệu chứng hoặc những biểu hiện bệnh không rõ ràng. Có thể họ không biết mình bị bệnh nhưng vẫn có thể lây nhiễm cho người khác. Các nhà nghiên cứu chỉ ra rằng khẩu trang giúp giảm từ 50-90% sự phát tán các giọt bắn từ miệng tùy thuộc vào một số yếu tố. Ở những người có biểu hiện bệnh không rõ ràng, những giọt bắn nhỏ chứa virus không chỉ phát tán qua hắt hơi và ho mà còn qua hành động nói và hơi thở, do đó việc đeo khẩu trang hàng loạt sẽ giúp giảm đáng kể nguy cơ lây lan virus.



Công ty cổ phần HIỀN TOYOTA

Tổng giám đốc: Nguyễn Thị Hiền

Chi nhánh Bình Triệu:

Địa chỉ 808 Quốc lộ 13, P. Hiệp Bình Chánh,
Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh Phạm Hùng:

Địa chỉ C3/21H Phạm Hùng, Bình Hưng,
Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh



PHẬT GIÁO

KHOA HỌC & TRIẾT LÝ

NHÌN THẤY LẮNG NGHE

để đoạn trừ vương chấp



— Nguyễn Hữu Đức



Nguồn: Internet

Tôi đã đọc được trên mạng xã hội câu viết: “Nếu bạn muốn tìm người thay đổi cuộc đời bạn, hãy nhìn vào gương”. Câu viết ấy làm tôi giật mình. Nhìn vào gương lúc này ta thấy gì? Ta thấy chính ta. Theo tôi, ý tác giả của câu viết muốn nói rằng: “Để thay đổi cuộc đời ta, ta phải nhìn thấy, lắng nghe chính con người mình”.



Nhìn thấy, lắng nghe bản thân trước hết là cảm nhận, quan sát, quán chiếu bên trong cơ thể. Phần lớn chúng ta cảm nhận, lắng nghe về con người thông qua suy nghĩ của mình. Những suy nghĩ ấy bám chặt vào kiến thức, tư tưởng, niềm tin, thành kiến đã được xây dựng kiên cố. Đó phải chăng là rào cản khi ta nhìn thấy, lắng nghe giữa con người với nhau, cũng như nhìn thấy, lắng nghe chính con người bên trong mình? Hay ta chỉ nhìn thấy, lắng nghe thực sự khi trở về hiện tại và quan sát sự chuyển động thân tâm trong đời sống mà không nương tựa bất kỳ yếu tố bên ngoài.

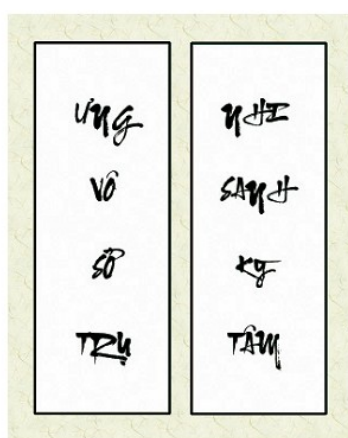
Trong Phật giáo có phương pháp thiền gọi là Tứ Niệm Xứ hay Vipassana. Đây là cách giúp con người quan sát thân, tâm. Như khi đang đi ta biết mình đang đi, khi đau ta cảm nhận sâu sắc cơn đau đó, khi đang giận ta thấy cơn giận tràn ngập bên trong mình. Đến một mức độ sâu sắc hơn, ta trở nên tỉnh thức. Ta sống trong giây phút hiện tại để cảm nhận rối loạn bên trong mình và kết nối với toàn bộ vũ trụ bên ngoài.

Krishnamurti cho rằng: “Nội dung ý thức của chúng ta, nội dung của mỗi con người, dù họ sống ở châu Á, châu Âu, ở Ấn, Mỹ hay Nga, lại là nền tảng chung của toàn nhân loại. Bởi một người sống ở nơi đâu, anh ta đau khổ, không chỉ về thân xác mà còn ở nội tâm. Anh ta lo âu, phiền muộn, sợ hãi, rối ren, không thấy an toàn dù ở bất cứ nơi đâu. Thế nên ý thức của chúng ta là chung đồng với toàn nhân loại. Tất cả chúng ta cùng đứng trên một nền tảng như nhau là ý thức, ý thức của mỗi chúng ta là chung, là đồng nhất





Nguồn: Internet



với tất cả mọi người. Và do đó chúng ta không phải là những cá nhân riêng biệt. Xin hãy xem xét điều này. Chúng ta được đào tạo, giáo dục, thuộc về dân tộc, về tôn giáo cũng như về loại sách vở nào đó, rằng chúng ta là những linh hồn riêng biệt,

những cá nhân phấn đấu vì bản thân riêng mình. Nhưng những thứ vừa kể là ảo tưởng, bởi vì ý thức của chúng ta là chung đồng với toàn nhân loại. Chúng ta là nhân loại, mỗi người trong chúng ta thực sự là phần nhân loại còn lại”.

Như vậy, nhìn thấy và lắng nghe chính mình, ta có thể nhìn thấy, lắng nghe cuộc sống của bản thân và của toàn nhân loại.

Trong giáo pháp đức Phật dạy hãy quay về nhìn lại chính ta (phân quang tự kỷ), tức trở về để thấy hay còn có nghĩa là hãy biết dừng lại. Từ đó thấy rõ những ham muốn, ghét bỏ chính là phản ứng của các tập quán, thói quen xưa cũ đã tạo nên khổ đau cho ta.

“Dừng lại” để “biết rõ” như tác giả Nguyễn Duy Nhiên đã viết: “Trong bài kinh Tứ Niệm xứ, đức Phật liệt kê ra hết tất cả mọi kinh nghiệm nào có mặt trong thân tâm, trong đời sống hằng ngày của ta. Có lẽ đức Phật có ý muốn khuyên ta đừng nên cố gắng kiểm soát bất cứ một việc gì đang khởi lên, mà chỉ cần “biết rõ” hết tất cả thôi. Và muốn “biết rõ” được tất cả, chúng ta cần phải có một thái độ rộng mở, đừng chọn lựa, hoặc muốn chúng phải có mặt theo một ý riêng nào đó. Ta không nắm giữ mà cũng không xua đuổi một kinh nghiệm nào, không mong cầu và cũng không chối bỏ một điều gì. Chỉ thật sự có mặt trọn vẹn với tất cả. Vì khi ta có ý định muốn kiểm soát hay thay đổi, cái thấy của ta sẽ bị lu mờ đi, vì một cái Tôi nhỏ bé của mình”.

Có lẽ đức Phật có ý muốn khuyên ta đừng nên cố gắng kiểm soát bất cứ một việc gì đang khởi lên, mà chỉ cần “biết rõ” hết tất cả thôi. Và muốn “biết rõ” được tất cả, chúng ta cần phải có một thái độ rộng mở, đừng chọn lựa, hoặc muốn chúng phải có mặt theo một ý riêng nào đó.



Tác giả Nguyễn Duy Nhiên từng kể: Có lần một thiền sinh hỏi Kyodo Roshi: “Thưa thầy, làm thế nào để cho sự tu tập của con được sâu sắc thêm hơn?” Kyodo Roshi cười rồi đáp, “Sâu sắc thêm hơn? Thiền tập chỉ có một tầng lớp mà thôi. Con đừng nên cố gắng để làm ‘sâu sắc’ thêm hơn làm gì!”.

Phải chăng ông muốn nói rằng, những cố gắng của mình có thể vô tình chỉ là buông một khổ đau này và rồi lại tạo thêm một khổ đau khác. Chúng ta không thể tiếp xúc với hiện tại bằng sự tạo dựng hay cố gắng nào hết. Nhưng với thái độ buông thả tự nhiên, ta có thể quan sát những gì đang có mặt. Và sự có mặt đòi hỏi một thái độ cởi mở, tiếp nhận.

Chúng ta không thể nào vừa có mặt với hiện tại, lại vừa có một ý muốn làm cho nó khác đi. Vì khi cố gắng thay đổi, ta đã không cho phép thực tại được có mặt.

Ngài Shantideva của thế kỷ thứ VIII có nói: “Chúng ta có mặt ở nơi này không phải để thay đổi cuộc đời; mà cuộc đời có mặt để chuyển đổi ta”.

Tôi nhớ lại vài chuyện đã đọc. Một chuyện kể rằng: Ngài Lục Tổ Huệ Năng gánh củi ngang nhà người quen. Ngài nghe thấy có người đang tụng kinh Kim Cang đến câu “*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” tâm liền khai ngộ. Ngài hỏi thăm và được biết đó là kinh do Ngài Ngũ Tổ đang dạy đồ đệ. Trước khi truyền y bát Ngũ tổ đem kinh Kim Cang ra giảng. Khi giảng đến câu “*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (Không nên nương dựa vào đâu cả mà sinh tâm) thì Lục Tổ hoàn toàn liễu ngộ.

Chuyện khác kể rằng: Phật Hoàng Trần Nhân Tông - vị tổ thứ nhất của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử cũng đã từng nghe “*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” mà đại ngộ.

Trong bài *Cư Trần Lạc Đạo Phú*, Ngài viết:
*Sống đời vui đạo, hãy tùy duyên,
Đói đến thì ăn, mệt ngủ liền.
Đạo sẵn trong nhà, đâu phải kiếm,
Đối cảnh Vô tâm, hỏi chi Thiền.*

Rõ ràng hai chuyện vừa kể ngụ ý trong cuộc sống, ta nên buông xả hoàn toàn. Ở thường nhật, chúng ta rất dễ làm lạc, không còn minh định mà dễ sa vào nô

lệ ký ức tâm lý và suy nghĩ lung tung về tương lai. Chúng ta nghĩ rằng hạnh phúc có được khi có cái này cái kia, thành đạt đem lại điều này điều nọ. Vì vậy, ta thường nghĩ nhiều về quá khứ và dồn tâm tư để hoạch định tương lai. Để rồi không còn làm chủ bản thân và đánh mất mình trong vô vàn tiếc thương quá khứ, lo lắng quá đáng cho tương lai và hoàn toàn không nhận thức hiện tại đang sống.

Nhà Phật gọi đó là không có “chánh niệm”, để buông bỏ sự bám chặt ký ức và xả bỏ sự phóng hiện tương lai. Buông xả là cách giúp ta không khổ sở hồi tưởng quy quá khứ, không vọng tưởng tương lai, để có mặt nơi đây và ngay lúc này.

“*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” và “*Đối cảnh Vô tâm, hỏi chi Thiền*” chính là sự buông xả trọn vẹn.

Từ đó, “nhìn thấy, lắng nghe chính mình để nhìn thấy, lắng nghe cuộc đời”, cũng như hiểu được “cuộc đời có mặt để thay đổi ta”.



TINH THẦN DUNG HỢP GIỮA

Thiền tông và Tịnh độ

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thiền Tông và Tịnh Độ Tông là hai pháp môn tu tập có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của đạo Phật tại Việt Nam, xét trên hai phương diện là sức ảnh hưởng và số lượng người tham gia. Tuy có một số điểm khác biệt, nhưng cả hai pháp môn này lại có rất nhiều điểm tương đồng, dựa trên nền tảng cốt lõi của đạo Phật là lấy lòng Từ bi, diệt tham sân si, thực hành Bát chánh đạo, giữ gìn Giới luật, kiểm soát được Thân - Khẩu - Ý và hướng đến nhất tâm bất loạn. Chính những điểm tương đồng căn bản này tạo nên nền tảng cho sự dung hợp của Thiền tông và Tịnh độ Tông. Tuy



Nguồn: Nguyễn Tuệ



Nguồn: Internet

nhiên cơ chế nào tạo nên sự dung hợp trên? Sự dung hợp trên có làm ảnh hưởng đến tông phái hay không? Những vấn đề tồn tại của sự dung hợp này là gì? Đây là những vấn đề đặt ra cho bài viết này. Bên cạnh đó, bài viết cũng tập trung làm sáng tỏ lịch sử của sự dung hợp giữa hai tông phái đồng thời rút ra một số nhận xét cho vấn đề nghiên cứu.



Nguồn: Đức Cường

SỰ DUNG HỢP CỦA THIỀN TÔNG VÀ TỊNH ĐỘ TÔNG

Nguồn gốc tư tưởng dung hợp Thiền - Tịnh

Tinh thần dung hợp giữa Thiền tông và Tịnh độ tông đã có từ buổi đầu lịch sử Phật giáo Việt Nam. Chư vị Tổ sư tu tập theo Thiền tông, nhưng các ngài cũng giảng dạy về pháp môn tu tập Tịnh độ, như Mâu Tử với tác phẩm Lý Hoặc Luận, Khương Tăng Hội với Lục Độ Tập Kinh. Khi đất nước giành được độc lập tự chủ thoát khỏi sự đô hộ của nhà Hán, tư tưởng Tịnh độ tiếp tục xuất hiện trong hai phái Thiền tông Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông. Thiền Uyển Tập Anh cho biết Thiền sư Tịnh Lực (1112-1175) thuộc thế hệ thứ

10 của dòng Thiền Vô Ngôn Thông đã chủ trương niệm Phật tam muội, kết hợp giữa thiền và niệm Phật (Lê Mạnh Thát, 2005).

Theo thiền Sư: “*Phương pháp Thiền định bằng cách nhớ nghĩ đến Phật. Sự nhớ nghĩ này hoặc bằng một lòng quán tưởng những nét đẹp của xác thân Phật hay thật tướng của Pháp thân Phật thì gọi là quán tưởng niệm Phật, hoặc bằng một lòng đọc tụng tên Phật thì gọi là xưng danh niệm Phật. Đây là nhân hành của việc niệm Phật. Đến khi vào thiền định mà thấy Phật hiện ra trước mắt hay thấy được pháp thân Phật, thì đấy là kết quả của niệm Phật tam muội*” (Lê Mạnh Thát, 2005).

Nguồn: Internet



Đến thời các vua nhà Trần, vua Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng Sĩ là hai nhân vật có ảnh hưởng trực tiếp và là người đặt nền tảng cho sự ra đời của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Trần Thái Tông bàn về tư tưởng Tịnh độ qua tác phẩm “*Niệm Phật luận*” (Ban Phật học, 1995; Viện Văn học, 1977). Tuệ Trung Thượng Sĩ thể hiện tư tưởng Thiền qua bài *Phật Tâm ca*, Trần Nhân Tông thể hiện tư tưởng Thiền tịnh qua bài *Cư trần lạc đạo*: “*Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hời đến Tây phương. Di Đà là tánh sáng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực Lạc*” (Nguyễn Đăng Thực, 1996; Trí Bửu, 2013). Cư trần lạc đạo nghĩa là ở đời mà vui đạo, là giác ngộ ngay giữa cuộc đời, giác ngộ không phải xa lánh cuộc đời hay quên đời của Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Cõi trần là một giả cảnh, chỉ là một chặng đường trong luân hồi, nhưng lại là một giai đoạn không thể bỏ qua, chính

là giai đoạn để giác ngộ chân lý. “*Lạc đạo*” vui với đạo là một tâm thế hành đạo, thuận theo lẽ đạo, tùy duyên mà hành đạo, tùy duyên nhưng bất biến (Trí Bửu, 2013). Tư tưởng Thiền trong Cư trần lạc đạo là tư tưởng nền móng cho phái Trúc Lâm Yên Tử do Vua - Phật Hoàng Trần Nhân Tông xây dựng tiếp tục phát triển mạnh mẽ cho đến ngày nay (Nguyễn Công Lý, 2003).

Đến thế kỷ XVII - XVIII, các vị thiền sư như Minh Châu Hương Hải, Chân Nguyên tiếp tục thể hiện tư tưởng dung hợp Thiền - Tịnh trong tác phẩm của mình. Trong Giải Kim Cương kinh lý nghĩa, thiền sư Minh Châu Hương Hải có dẫn “*Lời Vĩnh Minh*” cho thấy ngài từng nghiên cứu tư tưởng dung hợp của Vĩnh Minh và áp dụng vào cuộc đời hoằng hóa của mình (Lê Mạnh Thát, 2000a). Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ là người đề xướng tinh thần dung

hợp giữa Thiền tông và Tịnh độ tông tại Trung Quốc. Mặc dù tư tưởng này trước đó đã xuất hiện, nhưng đến đầu triều Tống, tinh thần dung hợp mới trở thành một trào lưu chủ đạo trong Phật giáo Trung Quốc. Theo ngài Vĩnh Minh, những ai có lòng tin vào giáo pháp nhưng do lòng tin chưa đủ, trí tuệ nông cạn, tâm còn dao động, chấp thủ thì họ sẽ tìm cầu việc sinh về Phật quốc, ở đó họ được hỗ trợ bởi môi trường tốt tiếp tục con đường tu hành của mình để đạt đến quả vị giải thoát.

Sự đối kháng mạnh mẽ giữa Thiền tông và Tịnh độ tông là nguyên nhân trực tiếp khiến sư Vĩnh Minh đề xướng sự dung hợp tư tưởng hai phái. Bấy giờ, hành giả Thiền tông chê bai tín đồ Tịnh độ là tìm cầu cái bên ngoài, không hướng về tự tánh chân thật của mình. Đáp lại, tín đồ Tịnh độ phê phán những thiền sư kiêu mạn, vô kỷ luật. Nhìn thấy được mối nguy

“Chuyển vô minh, bối trần hiệp giác, Vui về bề diện được Liên bang”

bởi thái độ “cuồng thiên” của một số thiền sư chưa đắc pháp, cũng như sự xem thường Thiền tông của một số tín đồ phù nhận lợi ích thiền định, sư Vĩnh Minh dung hòa niệm Phật vào Thiền tông để tránh việc thực hành một chiều đi đến kiến chấp sai lầm.

Tư tưởng dung hợp Thiền tông và Tịnh độ của ngài xoay quanh những lời chỉ dạy về lợi ích của sự dung hợp giữa hai pháp môn tu tập:

*Có thiền không tịnh độ,
Mười người, chín lạc lộ.
Ấm cảnh khi hiện ra
Chớp mắt đi theo nó.
Không Thiền có Tịnh độ
Muôn tu muôn thoát khổ
Vãng sanh thấy Di Đà
Lo gì chẳng khai ngộ?
Có Thiền có Tịnh độ
Như thêm sừng mãnh hổ.
Hiện đời làm thầy người
Về sau thành Phật, Tổ.
Không Thiền không Tịnh độ
Giường sắt, cột đồng lừa!
Muôn kiếp lại ngàn đời
Chẳng có nơi nương tựa”.*

Quan điểm dung hợp giữa Thiền và Tịnh của sư Vĩnh Minh nhằm khẳng định cả hai pháp môn đều là phương pháp tu tập đạt được giác ngộ giải thoát và là pháp môn thích ứng với số đông người tu học. Một lý do khác khiến sư

Vĩnh Minh dung hợp Thiền - Tịnh là tình hình xã hội chính trị vào thời ông bất ổn, dân chúng đang đau khổ cần sự cứu giúp. Giáo pháp của Thiền tông còn cao siêu, đa số người dân khó tiếp nhận, thụ đắc tinh túy. Áp dụng Thiền - Tịnh song tu mở ra một lối đi mới, khiến giáo pháp thích hợp với mọi căn cơ.

Đức Phật dạy có 84.000 pháp môn, tùy theo căn cơ của mỗi người mà chọn pháp tu phù hợp để con đường thăng tiến tâm linh dễ dàng. Trải qua sự thăng trầm của lịch sử, chư Tổ bao đời đã uyển chuyển trong giáo hóa, dùng Thiền tông để hoằng dương tông Tịnh độ. Tuy mỗi tông phái khác nhau, phương pháp hành trì khác nhau nhưng mục đích nhắm đến đều là quy tâm. Tinh thần dung hợp đó luôn được các vị chư Tổ trao truyền tiếp nối.

Bản chất của tư tưởng dung hợp Thiền - Tịnh

Tình hình chính trị xã hội Việt Nam vào thế kỷ XVII, XVIII đầy biến động bởi phân tranh quyền lực Trịnh - Nguyễn, Nam Bắc phân triều. Các cuộc chiến tranh, khởi nghĩa liên tiếp xảy ra khiến đời sống nhân dân vô cùng lầm than cực khổ. Trình độ nhận thức của người dân khi đó còn rất thấp. Trong bối cảnh đó, việc áp dụng

phương pháp Thiền định là điều khó khăn đối với những người tu tập và các Phật tử. Do đó, việc giới thiệu một cảnh giới tốt đẹp, kết quả của việc đạt được sự viên mãn của việc tu tập thích hợp với nhu cầu và khả năng của họ, giúp họ dễ tiếp nhận. Do đó phương pháp tu Tịnh độ trở nên phổ biến trong xã hội và được nhiều người đi theo hơn là phương pháp quán sát thân-tâm (tu Thiền).

Pháp tu Tịnh độ dạy về cõi Phật A Di Đà với cảnh giới an vui đầy những điều tốt đẹp, nuôi dưỡng niềm tin và hy vọng về một thế giới thanh tịnh và giải thoát. Cho nên, sự kết hợp Thiền với Tịnh độ cần thiết cho giai đoạn lúc bấy giờ, đáp ứng được nhu cầu tâm linh cho số đông. Sự dung hợp giữa Thiền và Tịnh độ sẽ tạo nên được tính linh hoạt, đơn giản, thực dụng, dễ tiếp cận, đem lại sự tu tập quân bình cho số đông tín đồ, không hạn chế ở cấp độ cao thấp. Chính vì thế, nhiều bậc cao tăng trong đó có thể kể đến Thiền sư Minh Châu Hương Hải đã đưa ra tư tưởng dung hợp giữa Thiền - Tịnh giáo hóa tín đồ và chúng sinh vào thế kỷ XVII. Sự dung hợp này chúng ta dễ dàng nhận thấy qua cách đặt tên nơi ở là Thiền Tịnh viện (Lê Mạnh Thát, 2000b; Thích Thanh Từ, 2005).

Trong tác phẩm Sự Lý Dung Thông, ngài cũng đã thể hiện tư tưởng dung hợp của mình rất rõ ràng:

*“Chuyển vô minh, bối trần
hiệp giác,
Vui vẻ bề diệu được Liên bang”*
(Lê Mạnh Thát, 2000b).

Theo Tịnh độ tông, niệm Phật đến nhất tâm được Đức Phật A Di Đà đến đón, nhưng muốn được vãng sanh cần phải có đủ Tín, Hạnh, Nguyện. Trong Giải Di Đà Kinh, Thiền sư Minh Châu Hương Hải có giải thích rằng: *“Tín Hạnh Nguyện, ba sự chẳng khả khuyết một. Tín là tin Di Đà bản nguyện, Thích Ca diễn thuyết, lục phương tán thán. Hạnh là tinh tấn chuyên cần, trì niệm danh hiệu, một lòng hằng nhớ, chẳng khi tán loạn. Nguyện là nguyện vãng sinh Tịnh Độ chẳng còn thối chuyển, kịp nên vô thượng Bồ Đề. Tín, hạnh, nguyện ba sự chẳng khả khuyết nhất. Ngàn người tin niệm, ngàn người vãng sinh, muôn người tin niệm, muôn người đều được vãng sinh. Hằng tin niệm danh hiệu Phật, lòng hằng ước tưởng Phật, miệng hằng niệm Phật, thân hằng kính Phật, mới gọi là thâm tín tâm, lấy làm thiết yếu vậy”* (Lê Mạnh Thát, 2000c).

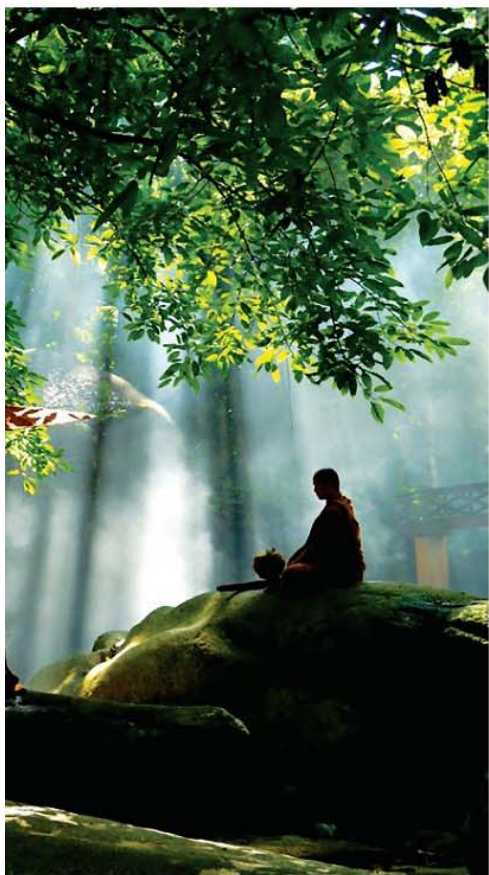
Thiền sư vui với việc sanh về cõi Cực Lạc và xem như một phương thuốc kỳ diệu. Bởi vậy, Thiền sư đã dịch giải nhiều kinh về Tịnh độ như: Giải Di Đà kinh, Vô lượng thọ, Quán vô lượng thọ cùng với soạn Khoa cúng Cửu phẩm... Để có thể đưa đến sự dung hợp giữa Thiền - Tịnh cần có sự tương đồng. Vậy phương pháp Thiền và Tịnh độ có những điểm tương đồng như thế nào? Thiền tông



khởi nguồn từ tích “Niêm hoa vi tiếu”. Từ đời tổ Ca Diếp, tâm tâm tương ấn, tổ tổ tương truyền đến nhiều thế hệ đặc pháp sau này. Pháp môn Tịnh độ cũng được Đức Phật chỉ dạy để phù hợp với căn cơ của chúng sinh. Thiền chủ trương tự lực là pháp hành, quay trở lại quán sát chính mình để thanh lọc những tạp niệm ở nơi tâm. Trong khi đó, Tịnh độ nương vào tha lực tri danh hiệu Đức Phật đến nhất tâm bất loạn sẽ được Phật A Di Đà đến đón. Chỗ nhất tâm của người tu niệm Phật gọi là niệm Phật Tam muội cũng tương đồng với trạng thái tịch tĩnh của người tu Thiền. Cho nên, mục đích của sự tu tập là đưa đến sự

giải thoát. Cho nên dù niệm Phật, hay tu Thiền mà tâm đạt được sự an định từ một ngày cho đến bảy ngày thì nhất định người đó đạt được đạo quả. Tu Tịnh thì được thấy Phật A Di Đà, còn tu Thiền thì chứng từ sơ quả đến tứ quả.

Sự đối kháng mạnh mẽ giữa Thiền tông và Tịnh độ tông là nguyên nhân trực tiếp khiến ngài Vĩnh Minh đề xướng sự dung hợp tư tưởng hai tông phái. Bấy giờ, các tín đồ theo phái Thiền tông chê bai tín đồ Tịnh độ là truy cầu cái bên ngoài, không hướng về tự tánh chân thật của mình (cái bản ngã bên trong của con người). Đáp lại, tín đồ Tịnh độ phê phán



Nếu tin và hạnh tròn vẹn, đạt được nhất tâm thì nguyện lực mong vãng sanh về thế giới Cực lạc tự nhiên thành tựu.

những thiền sư là kiêu mạn, vô kỷ luật (Lê Mạnh Thát, 2000c).

Tín là niềm tin, người thực hành tin chắc có Phật A Di Đà, cũng tin chắc có cõi Tây phương Cực lạc. Nên hành giả phát nguyện sanh về cõi Cực lạc, phát nguyện ở đây không phải phát nguyện suông mà phải bằng hành động, khi hành giả tin chắc những điều này hành giả sẽ nỗ lực thực hành để đạt được sự tinh tấn (hạnh). Niềm tin (tín) và sự thực hành (hạnh) cùng song hành với nhau thì sự hành trì không bao giờ gián đoạn, cũng không bao giờ thoái chuyển, luôn hướng tâm vào Giới, Định, Tuệ cho đến bảy

ngày đạt được nhất tâm (chánh định). Nếu tín và hạnh tròn vẹn, đạt được nhất tâm thì nguyện lực mong vãng sanh về thế giới Cực lạc tự nhiên thành tựu. Đến đây không còn nương tựa tha lực nào từ bên ngoài nữa mà dựa vào chính mình vì đã tìm được đường đi (tự lực) (Thích Chơn Thiện, 2000).

Ngược lại, nếu không có niềm tin, hành giả không thể thực hành (hạnh). Niềm tin và sự thực hành không đủ không thể đưa đến nhất tâm, nguyện lực cũng sẽ không đạt được kết quả. Điều này cũng đúng với Thiền tông. Nếu tâm không chánh niệm, không chú tâm vào đề mục thì không kiểm soát được Thân, Tâm, Ý và không đạt được tâm thanh tịnh (Nguyễn Đăng Thục, 1997). Hai pháp môn tuy khác nhau về phương pháp hành trì nhưng đều có điểm chung cốt lõi là trở về với bản tánh thanh tịnh của chính mình. Một bên thấy Bồ đề Niết Bàn, một bên thấy đức Phật A Di Đà tới đón. Vậy Kinh A Di Đà và Kinh Tứ niệm xứ trong A Hàm không quá khác biệt về nghĩa lý.

Người tu theo pháp môn Tịnh độ niệm Phật được nhất tâm tức là

định, người tu Thiền thực hành đến chỗ không còn tạp niệm, tâm chuyên nhất đó là định. Tuy phương tiện sử dụng có khác nhưng đích đến là một, tùy theo trình độ nhận thức cao thấp và khả năng tiếp nhận của chúng sanh mà ứng dụng. để trải nghiệm quá trình tu tập đạt đến sự chứng đạo. Điều này chứng tỏ sự vận dụng khéo léo của chư Tổ. Các ngài đã bản địa hóa nghi thức tu tập hàng ngày, từ câu niệm Phật đến kinh văn tụng đọc, tùy theo trình độ nhận thức cao thấp mà chọn một phương pháp tu tập tham thiền hay niệm Phật, hoặc kết hợp cả hai. Tất cả đều đưa đến mục đích là giác ngộ và giải thoát vậy.

KẾT LUẬN

Thứ nhất, Tịnh độ và Thiền là hai tông phái tu tập có lịch sử lâu đời và có ảnh hưởng sâu rộng nhất tại Việt Nam xét theo tầm ảnh hưởng và số lượng các tín đồ Phật tử. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cả Tịnh độ và Thiền là hai mặt của một vấn đề. Ở Trung Quốc, hai tông phái có sự xung khắc, mâu thuẫn cho nên khiến sư Vĩnh Minh đề xướng sự dung hợp tư tưởng của hai tông phái. Ở Việt Nam, do đặc điểm văn hóa đạo đức của người Việt lấy tình thân từ bi, tương thân tương ái làm trọng rất



phù hợp với triết lý của đạo Phật, nên đạo Phật dễ dàng được chấp nhận và phát triển nhanh chóng. Tư tưởng “*Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*” đã làm cho hai tông phái này khá hòa hợp, không có xung đột ở Việt Nam.

Thứ hai, cả hai tông phái ra đời để phục vụ cho nhu cầu, ước nguyện, đáp ứng các nhu cầu khác nhau, nhận thức và khả năng tiếp nhận khác nhau của các tín đồ Phật tử. Quan điểm dung hợp giữa Thiền và Tịnh của các nhà sư, tiêu biểu như sư Vĩnh Minh, là nhằm khẳng định cả hai pháp môn đều là phương pháp tu tập đạt được giác ngộ giải thoát và là pháp môn thích ứng với số đông của các tín đồ.

Thứ ba, dung hợp của tu Tịnh độ và tu Thiền là dựa trên các nguyên tắc bất di bất dịch của nguyên lý nền tảng trong triết lý của đạo Phật là tu tập để giải thoát khỏi mọi sự đau khổ, luân hồi cho bản thân và cứu giúp chúng sinh; triệt để áp dụng các giá trị về đạo đức của đạo Phật như: lòng từ bi, yêu thương muôn loài, loại bỏ tham sân si, giữ gìn giới luật, vận dụng quy luật Nhân quả trong đời sống hằng ngày, thực hành hồng pháp

để tuyên truyền quảng bá và phát triển các giá trị tư tưởng cốt lõi của đạo Phật. Trong Phật giáo Việt Nam, Thiền - Tịnh mang tính hài hòa, mang đậm bản sắc văn hóa của người Việt là “Thương người như thể thương thân”, “Lá lành đùm lá rách” không phân biệt dân tộc, vùng miền, địa vị xã hội hay tuổi tác. Chính sự hòa hợp như vậy làm cho đạo Phật thích nghi và phát triển ở Việt Nam cho đến ngày nay.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Phật học chuyên môn (1995), Thiền học đời Trần, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành.
2. Đại tạng Kinh Việt Nam (1992), kinh Trung A Hàm tập 2, VNCPHVN.
3. Lê Mạnh Thát (2000), Toàn tập Minh Châu Hương Hải, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Lê Mạnh Thát (2005), Nghiên cứu Thiền Uyển Tập Anh, Nxb Phương Đông.
5. Liên tông Lục Tổ Vĩnh Minh Diên Thọ Đại sư, HT. Thích Thiền Tâm dịch.
6. Nguyễn Công Lý (2003), Văn Học Phật giáo Lý - Trần diện mạo và đặc điểm, Nxb Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Đăng Thục (1996), Thiền học Trần Thái Tông, Nxb Văn hóa thông tin.
8. Nguyễn Đăng Thục (1997), Thiền học Việt Nam, Nxb Thuận Hóa.
9. Nguyễn Đăng Thục (1998), Lịch sử tư tưởng Việt Nam, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Nguyễn Duy Hinh (1999), Tư tưởng Phật giáo Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội.
11. Nguyễn Hùng Hậu (1997), Lược khảo tư tưởng Thiền Trúc Lâm Việt Nam, Nxb Khoa Học Xã Hội.
12. Nguyễn Lang (2000), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb Văn Học, Hà Nội.
13. Thích Chơn Thiện (1999), Tư tưởng Kinh Kim Cương, Nxb Tôn giáo.
14. Thích Chơn Thiện (2000), Tư tưởng Kinh Di Đà, Nxb Tôn giáo.
15. Thích Minh Tuệ (1993), Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Thành Hội Phật giáo.
16. Thích Phước Đạt (2013), Giá trị Văn học trong tác phẩm của Thiền phái Trúc Lâm, Nxb Hồng Đức.
17. Thích Thanh Từ (2005), Hương Hải Thiền Sư ngữ lục, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
18. Thích Thanh Từ (2015), Thiền Sư Việt Nam, Nxb Văn Hóa – Văn Nghệ.
19. Ủy ban Khoa học xã hội - Viện Văn học (1977), Thơ văn Lý Trần tập II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
20. Viện Khoa học xã hội - Trung tâm nghiên cứu Hán Nôm (2000), Tuệ Trung thượng sĩ với Thiền Tông Việt Nam, Nxb Đà Nẵng.

* Học viên Thạc sĩ Phật học khóa II.

Phương Danh

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO xin thành kính tri ân chư Tôn đức Tăng, Ni, các doanh nghiệp, cư sĩ Phật tử đã phát tâm cúng dường hùn phước để in ấn Tạp chí gửi biếu đến quý độc giả, góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà, nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới.

Tu viện Linh Thứu, Đại đức Thích Thiện Xuân, TP. HCM	7.500.000 đ
Chùa Giác Nguyên, Đại đức Thích Tánh Thông, tỉnh Quảng Nam	7.500.000 đ
Chùa Giác Hải, Đại đức Thích Trí Định, tỉnh Lâm Đồng	7.500.000 đ
Chùa Kim Linh, Đại đức Thích Thiện Tâm, tỉnh Tiền Giang	7.500.000 đ
Chùa Kim Ngưu, Đại đức Thích Giác Giáo, tỉnh Bắc Ninh	7.500.000 đ
Chùa Bửu Kim, Thượng tọa Thích Thiện Thành, tỉnh Kiên Giang	7.500.000 đ
Chùa Thanh Lương, Thượng tọa Thích Giác Tấn, tỉnh Kiên Giang	7.500.000 đ
Chùa Tam Bảo, Ni sư Thích Nữ Như Kim, tỉnh Kiên Giang	7.500.000 đ
Công ty TNHH Nền Quang Minh, quận Gò Vấp, TP. HCM	7.500.000 đ
Công ty CP HIỀN TOYOTA, TGD Nguyễn Thị Hiền,	
Chi nhánh Bình Triệu & Chi nhánh Phạm Hùng, TP. HCM	7.500.000 đ
Trung tâm Ngoại ngữ Huyền Lê, thành phố Cần Thơ	7.500.000 đ
Công ty CP Kiến trúc & XDTM Mekong Miền Tây, TP. Cần Thơ	7.500.000 đ
Công ty Thiết bị Y tế Việt Đức, Thành Phố Cần Thơ	5.000.000 đ
Tịnh xá Long Hòa, Ni sư Thích Nữ Liên Đạt, tỉnh Đồng Nai	1.000.000 đ
Phạm Thị Thắm, TP. Cần Thơ	1.000.000 đ
Huỳnh Thị Trúc Phương, TP. Cần Thơ	500.000 đ
Thuận Hiền	500.000 đ
Đỗ Văn Thông	500.000 đ
Bùi Mạnh Quát	500.000 đ



Quý vị phát tâm hùn phước in ấn
Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO
xin vui lòng liên hệ số điện thoại:
Sư cô THÍCH NỮ HUỆ TÁNH – 0915 157455
Nguyễn Thị Thu Xuân – 0932 850969

Ngân hàng Vietcombank chi nhánh HCM
Số tài khoản: **0071001053555**
Tên tài khoản: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
(Hoan hỷ ghi rõ tên người gởi cúng
dường hùn phước in Tạp chí Văn Hóa
Phật giáo số ...)



**Tôn
Tạo
Tượng
Phật,
Nhớ
Đến
Hoa
Tiên!**



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI HOA TIÊN

Địa chỉ: 505 Xa Lộ Hà Nội, P. An Khánh, Q.2, TP.HCM

Điện thoại: (028) 6264 6003 - **DD:** 0918 397 820

Website: www.hoatien.vn.

Facebook: Tượng Phật Hoa Tiên

Fanpage: hoatienshowroom

Shopee: Ctytuongphathoatien



Suối Tiên mở cửa trở lại từ ngày 27/10

PIỀM VUI CỦA DU KHÁCH YÊU THÍCH TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ



Vì ảnh hưởng dịch Covid-19 nên Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên đã tạm nghỉ 2 lần trong năm 2020. Hôm nay, nhận được thông tin Suối Tiên sẽ mở cửa trở lại từ ngày 27/10/2020 để phục vụ du khách tận hưởng không khí trong lành, thư giãn và trải nghiệm những giây phút tĩnh tâm với nhiều công trình văn hóa tâm linh đặc sắc chỉ có tại Suối Tiên.

Chắc hẳn, mọi người sẽ rất ngạc nhiên khi biết Suối Tiên là một vùng đất vô cùng rộng lớn và đồ sộ với hơn 150 công trình vui chơi, giải trí, tâm linh đẳng cấp quốc tế. Trong hơn 2 tháng tạm ngưng phục vụ vì dịch Covid-19, Suối Tiên vẫn làm việc liên tục, đó là sự nỗ lực không ngừng để duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp các công trình nhằm mang đến cho du khách một trải nghiệm thú vị nhất trong dịp trở lại.

Suối Tiên xưa nay nổi tiếng với các công trình giải trí thú vị như: **Biển Tiên Đồng - Ngọc Nữ** với làn nước trong xanh, những con sóng cao đến một mét, thỏa sức vui chơi trong không gian thơ mộng của **Kỳ Hoa Thượng Uyển Cung**. Những công trình vui chơi giải trí hiện đại, đẳng cấp như: **Quá Khử Vị Lai Cung**, **Đường Hầm Xuyên Lòng Đất**, **Xạ Tiên Thần Công**, **Vương quốc thiên tài tương lai**,... Hơn 150 công trình độc đáo sẽ mang đến cho quý du khách những cảm giác

mới mẻ, trải nghiệm lý thú cùng không gian an toàn, xanh mát bên những người thân yêu của mình.

Ngoài các trò chơi, các bạn sẽ tham quan các công trình tâm linh như đền thờ Vua Hùng; hằng năm vào ngày 10/3 âm lịch sẽ được tổ chức Lễ giỗ long trọng và trang nghiêm nhằm tưởng nhớ đến các vị vua Hùng đã có công dựng nước và giữ nước; chiêm bái đền thờ đức Thiên thủ Thiên nhân rộng lớn với sen nở ngát hương, đền thờ Di lạc Bồ tát, đức Địa mẫu cao hơn 70 mét... Vào dịp đại lễ Vu Lan - Mùa báo hiếu, sẽ tổ chức đại lễ tại Long hoa Thiên bảo, tùy duyên cúng dường chư Tăng (riêng Suối Tiên sẽ tổ chức cúng dường cả ngàn vị Tăng và được tái hiện hình ảnh Đức Phật cùng chư Tăng đi kinh hành, các vị thọ thực ở khu vực cây Ước nguyện); Bên cạnh là đại tiệc chay miễn phí với hơn 10.000 người tham dự; ngoài ra còn lễ hội Trái cây nổi tiếng vào mùa hè hứa hẹn cùng du khách tận hưởng những phút giây giải trí thú vị.

Suối Tiên còn dành cho du khách nhiều ưu đãi hấp dẫn, theo ông Huỳnh Đồng Tuấn, Phó Tổng Giám đốc cho biết: trong lần trở lại này sẽ áp dụng chương trình khuyến mãi "Siêu Ưu Đãi - Mừng ngày trở lại" từ ngày 01/11/2020 đến hết ngày 31/12/2020 như sau:

- Khách hàng sẽ được miễn phí

vé trẻ em cao dưới 1,4m khi đi cùng người lớn.

- Miễn phí vé tham quan Kỳ Hoa Thượng Uyển Cung.
- Khi du khách mua từ 10 vé cổng người lớn sẽ được tặng Voucher trị giá 300.000đ bao gồm:
 - ✓ 02 vé cổng người lớn.
 - ✓ 01 vé tham quan Kỳ Hoa Thượng Uyển Cung.
 - ✓ 01 vé tham quan Vương Quốc Cá Sấu.
 - ✓ 01 vé trò chơi Du Thuyền Tứ Linh.

Ngoài chương trình Siêu ưu đãi, để du khách thỏa sức vui chơi, Suối Tiên còn áp dụng thêm chương trình ưu đãi "Giảm 50% gói combo 15 trò chơi" cho người lớn chỉ còn 249.000 đồng và trẻ em chỉ còn 199.000 đồng.

Đặc biệt, khách đi theo đoàn của chư Tôn đức và Phật tử đạo tràng; đoàn do quý thầy cô giáo và các em học sinh; người khuyết tật sẽ có nhiều ưu đãi đặc biệt. Còn biết bao điều chưa nói hết, các bạn nên "nhẹ gót nhân du" cùng bạn bè và người thân để vui chơi và cảm nhận những thú vị bất ngờ đang chờ đón...

NGUYỄN BÔNG

Để đặt tour và tư vấn, liên hệ:
Phòng Marketing - Sales
Hotline: 0914 347 787
Email: pkd.suoitien@gmail.com
Website: www.suoitien.com



HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

- 01** Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:
- 02** Ấn nút hoặc
- 03** Ấn nút **NHẬN** hoặc **Cài đặt** tại kho ứng dụng
- 04** Mở ứng dụng Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05** Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

Phật Sự

www.phatsunonlinetv.com

Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 32.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

Tĩnh
Hoa
Mộc
Kết
Thiền
Tâm



PHÁP TÂM - Nghệ nhân ưu tú NGUYỄN HỮU THẠO

XƯỞNG ĐIÊU KHẮC GỖ THIÊN PHÚ THẠO

Đc: 69/5k đường Nhà Vua, Mỹ Hòa 1, Trung Chánh, Hóc Môn, TP. HCM



ĐT: 03 66 000 666-07 72 999 666



FB: Nguyen Huu Thao



Zalo: Thien Phu Thao



www.thienphuthao.com

 **TÔN HOA SEN**



**MỘT LẦN CHỌN ĐÚNG
CẢ ĐỜI AN TÂM**



HOA SEN GOLD
CHẤT LƯỢNG VÀNG

BẢO HÀNH CAM KẾT 30 NĂM



www.hoasengroup.vn